

1
UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC
HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Chủ nhiệm nhiệm vụ: THS. NGUYỄN THUÝ MAI

Đơn vị: BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

NINH BÌNH, 2023

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC
HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Nguyễn Thuý Mai

Đơn vị: Bộ môn lý luận chính trị

Các thành viên:

1. Vũ Thị Hương Giang

Thạc sỹ Triết học, BMLLCT

2. Đỗ Thị Yên

Thạc sỹ KTCT, BMLLCT

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

(họ tên, chữ ký)

.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(họ tên, chữ ký)

.....)

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU	10
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	10
2. Tính cấp thiết của đề tài	12
3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	12
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	14
4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài	14
4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài	14
5. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài	14
6. Nội dung nghiên cứu	15
II. PHẦN NỘI DUNG	16
Chương 1:	16
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	16
1.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học Kinh tế chính trị Mácx - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư	16
1.1.1. <i>Phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học nêu vấn đề – một trong những phương pháp quan trọng của dạy học tích cực</i>	16
1.1.1.1. Phương pháp dạy học tích cực	16
1.1.1.2. Phương pháp dạy học nêu vấn đề – một trong những phương pháp quan trọng của dạy học tích cực	18
1.1.2. <i>Khái quát về Học phần Kinh tế chính trị Mácx - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư</i>	24
1.1.2.1. Khái quát về chương trình, giáo trình, quy chế đào tạo, phương thức đào tạo thực hiện trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mácx - Lênin	24
1.1.2.2. Khái quát đặc thù tri thức Học phần Kinh tế chính trị Mácx - Lênin	26
1.2. Thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mácx - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư	27
1.2.1. <i>Khái quát về dạy học học phần Kinh tế chính trị Mácx - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư</i>	27
1.2.2. <i>Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mácx - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư</i>	31
Kết luận chương 1	39
Chương 2:	40
VẬN DỤNG VÀ THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	40
2.1. Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mácx - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư	40
2.1.1. Quy trình vận dụng	40
2.1.2. Nội dung vận dụng	40

2.2. Thực nghiệm vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.....	111
2.2.1. Kế hoạch thực nghiệm	111
2.2.1.1. Mục đích thực nghiệm.....	111
2.2.1.2. Nội dung thực nghiệm.....	111
2.2.1.3. Đối tượng thực nghiệm	111
2.2.1.4. Địa điểm và thời gian thực nghiệm.....	111
2.2.2. Tiến hành thực nghiệm.....	111
2.2.2.1. Khảo sát trước thực nghiệm	111
2.2.2.2. Thực nghiệm lần 1.....	112
2.2.2.3. Thực nghiệm lần 2.....	112
2.2.2.4. Kết luận chung về thực nghiệm.....	121
Kết luận chương 2	122
III. PHẦN KẾT LUẬN	123
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN	125
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	134

DANH MỤC BẢNG THỐNG KÊ, SƠ ĐỒ HOÁ TRONG ĐỀ TÀI

Bảng 1.1: Thống kê số liệu điều tra thể hiện sự nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	32
Bảng 1.2: Thống kê số liệu điều tra thể hiện sự nhận thức của SV về dạy học giải quyết vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin.....	32
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ thể hiện sự nhận thức của sinh viên về phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin.....	33
Bảng 1.3: Thống kê số liệu điều tra mức độ thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.....	33
Sơ đồ 1.3: Thống kê số liệu điều tra mức độ thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.....	34
Bảng 1.4: Thống kê số liệu điều tra mức độ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. ..	34
Sơ đồ 1.4: Thống kê số liệu điều tra mức độ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường..	34
Bảng 1.5: Thống kê số liệu điều tra mức độ kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với PPDH thuyết trình, các phương pháp khác trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.	35
Sơ đồ 1.5: Thể hiện mức độ kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với PPDH thuyết trình, các phương pháp khác trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.	36
Bảng 1.6: Thống kê số liệu điều tra các hình thức dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.....	36
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ thể hiện các hình thức dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.	36
Bảng 1.7: Thống kê số liệu điều tra mức độ, tần suất giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.	37
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ thể hiện số liệu điều tra mức độ, tần suất giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.	37
Bảng 1.8: Thống kê số liệu điều tra thái độ học tập của sinh viên với môn học cũng như các phương pháp dạy học mà giảng viên đã áp dụng để dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.....	38
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ thể hiện số liệu điều tra thái độ học tập của sinh viên với môn học cũng như các phương pháp dạy học mà giảng viên đã áp dụng để dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.	38
Bảng 2.1. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1.....	112
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1	113
Bảng 2.2: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN1 về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	113

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN ₁ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	114
Bảng 2.3: Bảng thống kê nhận thức của sinh viên lớp TN ₁ về các bước của dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	114
Bảng 2.3: Sơ đồ đánh giá nhận thức của sinh viên lớp TN ₁ về các bước của dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	114
Bảng 2.4: Bảng thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN ₁ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	115
Bảng 2.4: Sơ đồ đánh giá mức độ tham gia của sinh viên lớp TN ₁ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	115
Bảng 2.5: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN ₁ về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	115
Bảng 2.5: Sơ đồ biểu thị đánh giá của sinh viên lớp TN ₁ về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	115
Bảng 2.6. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN ₂ và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2.....	116
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN ₂ và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2	117
Bảng 2.7: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN ₁ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	117
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN ₂ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	118
Bảng 2.8: Bảng thống kê nhận thức của sinh viên lớp TN ₂ về các bước của trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	118
Bảng 2.8: Sơ đồ đánh giá nhận thức của sinh viên lớp TN ₂ về các bước của dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	118
Bảng 2.9: Bảng thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN ₂ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	118
Bảng 2.9: Sơ đồ đánh giá mức độ tham gia của sinh viên lớp TN ₂ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.....	119
Bảng 2.10: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN ₂ về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	119
Bảng 2.10: Sơ đồ biểu thị đánh giá của sinh viên lớp TN ₂ về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	119
Bảng 2.11: Sơ đồ biểu thị đánh giá của giảng viên về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	121
Phụ lục 01:	136
Mẫu phiếu điều tra	136
Mẫu phiếu điều tra số 01:.....	136
Mẫu phiếu điều tra số 02:.....	138
Mẫu phiếu điều tra số 03:.....	139
Phụ lục 02:	141

Bảng thống kê kết quả điều tra ý kiến giảng viên và sinh viên về thực trạng nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư.....141

Bảng thống kê kết quả học tập và kết quả điều tra ý kiến giảng viên và sinh viên sau thực nghiệm vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư.....143

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Bảng kí hiệu	Chữ viết tắt
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CĐSP	Cao đẳng sư phạm
ĐH, CĐ	Đại học, Cao đẳng
ĐC ₁	Đối chứng 1
ĐC ₂	Đối chứng 2
LT	Lý thuyết
LLCT	Lý luận chính trị
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PPDH	Phương pháp dạy học
TL	Thảo luận
TN ₁	Thực nghiệm 1
TN ₂	Thực nghiệm 2
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
SV	Sinh viên

TRANG THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, nhóm tác giả đã đi sâu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư. Từ đó, làm rõ giá trị của phương pháp nêu vấn đề và sự cần thiết vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư. Nhóm tác giả đã làm rõ quy trình vận dụng và nội dung vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư: Thiết kế 03 giáo án, bài giảng có sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả tiến hành thực nghiệm 02 lần vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư trên 02 nhóm đối tượng khác nhau. Kết quả thực nghiệm và khảo sát ý kiến của sinh viên, giảng viên sau thực nghiệm đã cho thấy, giá trị, hiệu quả thực sự của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư.

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Có nhiều công trình nghiên cứu về dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin và vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần học. Có thể kể đến các công trình sau:

Cuốn sách *“Phương pháp giảng dạy Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở các trường ĐH và CĐ”* của Nguyễn Việt Dũng, Vũ Hồng Tiến, Nguyễn Văn Phúc trình bày vấn đề chung về phương pháp giảng dạy và những nguyên tắc cơ bản cần vận dụng vào quá trình giảng dạy Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Nghiên cứu chỉ rõ giảng viên khi truyền đạt kiến thức Học phần học phải đảm bảo tính khoa học, tính chính xác cao; nội dung bài giảng phải phản ánh được những thành tựu lí luận mới nhất về kinh tế chính trị Mác- Lênin gắn với thực tiễn kinh tế xã hội, đường lối, chính sách, biện pháp kinh tế của Đảng, Nhà nước. Các phương pháp dạy học được tác giả nêu cụ thể trong dạy học Học phần học là phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề. Tuy nhiên, ở phạm vi hẹp tài liệu chỉ đưa ra một số dẫn chứng vận dụng vào nội dung kiến thức lí luận kinh tế chính trị Mác- Lênin như hàng hóa, hàng hóa sức lao động, tái sản xuất tư bản chủ nghĩa cho sinh viên trường ĐH, CĐ. Nhóm tác giả đề cập cách thức thực hiện trong từng phương pháp dạy học nắm vững đối tượng, nhiệm vụ và mục đích học tập Học phần học, sử dụng nhiều phương pháp dạy học, thủ thuật khác nhau như phương pháp trực quan kết hợp kể chuyện, nêu vấn đề; để tăng cường tính tích cực, năng lực người học giảng viên chú ý công tác tổ chức và hướng dẫn tự học của sinh viên.

Cuốn sách *“Dạy học Kinh tế chính trị Mác- Lênin theo phương pháp tích cực”* của Trần Thị Mai Phương trình bày khái quát về phương pháp dạy học theo hướng tích cực trong dạy học Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Tác giả chỉ rõ cần chủ động vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp dạy học dự án, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, tích cực hóa phương pháp thuyết trình từ đó xác định rõ mục tiêu học tập, thiết kế các hoạt động của học trong mỗi tiết dạy, hướng dẫn tự học và kiểm tra đảm bảo tính hiệu quả. Trên cơ sở đó, người thầy không chỉ truyền đạt chính xác nội dung kiến thức mà còn phải tính đến thông qua việc dạy học kiến thức đó thì giáo dục cho người học những gì mà họ cần. Ngoài ra, trong công trình nghiên cứu *“Thiết kế bài giảng Kinh tế chính trị Mác- Lênin trong các trường ĐH, CĐ theo phương pháp dạy học tích cực”* là đề tài khoa học cấp Bộ, tác giả Trần Thị Mai Phương khẳng định: Đổi mới phương pháp dạy học Kinh tế chính trị Mác- Lênin phải làm cho sinh viên nhận thức được những yêu cầu mới của thời đại và hướng vào đó để rèn luyện, học tập nâng cao chất lượng nguồn lực lao động mới trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa; dạy học phải luôn gắn với thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội, đường lối kinh tế của Đảng, Nhà nước; từ đó vừa có tác dụng giáo dục lí tưởng đạo đức cách

mạng, vừa rèn luyện tư duy kinh tế cho người học. Để những vấn đề nêu trên mang lại hiệu quả trong bài giảng, giảng viên thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học kinh tế chính trị Mác- Lênin và được thực hiện trên cơ sở đổi mới phương pháp thiết kế bài giảng kinh tế chính trị Mác- Lênin. Tác giả đã có thiết kế bài giảng phạm vi kiến thức: “Sản xuất hàng hóa và các qui luật kinh tế của sản xuất hàng hóa” trong đó có sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp đàm thoại và thảo luận nhóm, nêu vấn đề, hướng dẫn tự học, hướng dẫn sử dụng tài liệu tự nghiên cứu.

Luận án tiến sĩ *“Dạy học giải quyết vấn đề Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường chính trị vùng đồng bằng sông Cửu Long”* của tác giả Nguyễn Phước Dũng nêu rõ cần đổi mới dạy học giải quyết nêu vấn đề, trong đó tác giả đề cập nội dung cơ bản của kiến thức kinh tế chính trị Mác- Lênin về đối tượng nghiên cứu, phạm trù, qui luật kinh tế cũng như các thành tố cơ bản của quá trình dạy học về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng dạy học. Trong kiến thức kinh tế chính trị Mác- Lênin bước đầu giúp người học hình thành và bồi dưỡng khả năng học tập, vận dụng đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn. Để làm được điều này, luận án nêu vấn đề cần có các hoạt động học tập đặt ra các dạng câu hỏi, bài tập, tình huống chứa đựng vấn đề mâu thuẫn gắn với thực tiễn đời sống, địa phương, đất nước để người học biết giải quyết và xử lý tình huống.

Ở trường Đại học Hoa Lư, nhóm tác giả do ThS. Bùi Duy Bình cũng nghiên cứu đề tài: “Sử dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin) ở trường Đại học Hoa Lư”. Tuy nhiên, Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin được dạy theo chương trình, giáo trình được quy định trong Quyết định số 52 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, theo Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT–GDĐH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *“Thực hiện Chương trình, Giáo trình các Học phần Lý luận chính trị”*; Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *“Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các Học phần Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị”*, thì việc dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin đã được dạy theo chương trình, giáo trình mới.

Vì vậy, qua tổng quan cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu về dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin và vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần học. Tuy nhiên, đến nay, việc nghiên cứu về vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư theo chương trình, giáo trình mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì chưa có đề tài nghiên cứu nào. Vì vậy, nhóm tác giả nghiên cứu lựa chọn đề tài ***“Vận***

dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư” để nghiên cứu, đó là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Tính cấp thiết của đề tài

- Đảng, Nhà nước và ngành Giáo dục và Đào tạo luôn quan tâm đến chất lượng, đổi mới phương pháp dạy học các học phần Lý luận chính trị.

Trong quá trình đổi mới đất nước Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị chỉ đạo về nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các Nghị quyết, Chỉ thị có nội dung phong phú, khác nhau, nhưng đều tập trung nhấn mạnh sự đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng cơ bản, hệ thống; liên thông, cập nhật và hiện đại; thực tiễn, thiết thực; phù hợp với từng đối tượng người học... Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”, lại nhấn mạnh: “Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Gắn lý luận với thực tiễn, cập nhật kiến thức mới, khắc phục sự trùng lặp, khép kín, thiếu liên thông giữa các chương trình, các cấp học, bậc học. Tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn”. Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư ngày 9/02/2018 “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”, nêu rõ quan điểm: “Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương châm cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại”...; “Xây dựng Chương trình học tập theo hướng phân biệt rõ cấp học và đối tượng học; bảo đảm tính liên thông, phân cấp rõ ràng, hạn chế tối đa sự chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận chính trị để nâng cao hiệu quả việc học tập, đào tạo, bồi dưỡng và tránh lãng phí về thời gian, kinh phí. Đổi mới nội dung giáo trình theo hướng giảng dạy, truyền thụ đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật những học thuyết đương đại, vận dụng sáng tạo, tăng cường liên hệ thực tiễn”. Như vậy, đổi mới, nhất là đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp dạy học,... các môn Lý luận chính trị đã được Đảng Cộng sản Việt Nam hết sức quan tâm chỉ đạo. Theo đó, chương trình, giáo trình phải được đổi mới theo hướng cơ bản, hệ thống; liên thông, cập nhật và hiện đại; sáng tạo, tránh chồng chéo, trùng lặp, giáo điều; thực tiễn, thiết thực; phù hợp với đối tượng người học... Những chỉ dẫn mang tính chỉ đạo, định hướng trên đây của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được quán triệt, tổ chức thực hiện tốt trong đổi mới Chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, trong đó có Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-

GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH chỉ rõ: Về phương pháp dạy học, cần khuyến khích hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu trước, chỉ giảng những vấn đề cơ bản và sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy các môn LLCT; tăng cường xêmina và tham quan thực tế. Tổ chức hội thảo, rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy từng học môn LLCT và khuyến khích các giảng viên thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập các bộ môn LLCT nhằm từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập các Học phần học này theo chương trình, giáo trình mới. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Nội dung chương trình giáo dục và đào tạo còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành” [23; tr.82]; nhấn mạnh cần phải “Đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn” [24; tr.235].

- Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin có vị trí quan trọng, là một trong năm học phần Lý luận chính trị cơ bản có trong tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước, trong đó có trường Đại học Hoa Lư.

Hiện nay, theo Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT-GDDH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Thực hiện Chương trình, Giáo trình các môn Lý luận chính trị*”; Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị*”, Theo Quyết định Số: 271/QĐ-ĐHHL, ngày 30/8/2022 của Hiệu Trưởng trường Đại học Hoa Lư, về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư, học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin là một trong năm Học phần Lý luận chính trị cơ bản có trong tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ở Trường Đại học Hoa Lư. Môn học có mục tiêu trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường cao đẳng, đại học không chuyên Lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên. Môn học trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác

– Lênin. Những nội dung tri thức học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin mang tính trừu tượng, khái quát cao, mặt khác lại gắn bó chặt chẽ với thực tiễn chính trị, kinh tế, xã hội sinh động đang diễn ra hằng ngày, vì vậy cần phải vận dụng các phương pháp tích cực trong dạy học Học phần học. Trong hệ thống các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp nêu vấn đề là phương pháp quan trọng, có nhiều ưu thế và giá trị trong việc nâng cao tính tích cực học tập của người học. Kinh tế chính trị Mác – Lênin góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 25/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

Vì vậy, vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin là hết sức cần thiết. Từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn: “Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư” làm đề tài NCKH.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Làm sáng tỏ một số vấn đề về dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin và đề xuất biện pháp nhằm phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về phương pháp dạy học nêu vấn đề và chỉ ra vai trò tích cực của phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư.

- Vận dụng và thực nghiệm đánh giá hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư

(Theo Chương trình môn học đã được quy định trong Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị*”).

5. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài

5.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu lý thuyết - thử nghiệm - ứng dụng

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Để thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra, đề tài còn sử dụng tổng hợp nhóm các phương pháp nghiên cứu sau:

+ Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận: Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa, nghiên cứu lý luận tổng kết thực tiễn nhằm thu thập các thông tin để xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

+ Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp điều tra, phương pháp thực nghiệm.

6. Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài gồm hai chương, cụ thể:

Chương 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

1.2. Thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

Chương 2:

VẬN DỤNG VÀ THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.2. Thực nghiệm vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

II. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học Kinh tế chính trị Mácx - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

1.1.1. Phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học nêu vấn đề – một trong những phương pháp quan trọng của dạy học tích cực

1.1.1.1. Phương pháp dạy học tích cực

a. Khái niệm phương pháp dạy học tích cực

Phương pháp dạy học tích cực (PPDH tích cực) là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. "Tích cực" trong PPDH - tích cực được dùng với nghĩa là *hoạt động, chủ động*, trái nghĩa với không hoạt động, thụ động chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực.

PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy, tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì giảng viên phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động.

b. Đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực

** Dạy và học không qua tổ chức các hoạt động học tập của sinh viên.*

Trong dạy học theo phương pháp dạy học tích cực, chương trình dạy học phải giúp cho từng sinh viên biết hành động và tích cực tham gia các chương trình hành động của cộng đồng; bài giảng của giảng viên được thiết kế theo hướng tổ chức các hoạt động học tập cho người học. Trong phương pháp dạy học tích cực, người học - đối tượng của hoạt động "dạy", đồng thời là chủ thể của hoạt động "học" - được cuốn hút vào các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được giảng viên sắp đặt. Được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, người học trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình, từ đó nắm được kiến thức kỹ năng mới, vừa nắm được phương pháp "làm ra" kiến thức, kỹ năng đó, không rập theo những khuôn mẫu sẵn có, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo. Dạy theo cách này thì giảng viên không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn hành động.

** Dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học.*

Phương pháp tích cực xem việc rèn luyện phương pháp học tập cho sinh viên không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học. Trong xã hội hiện đại đang biến đổi nhanh - với sự bùng nổ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ phát triển như vũ bão; cách mạng công nghiệp 4.0 với đặc trưng internet toàn cầu, sản xuất thông minh, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật, điện toán đám mây...tạo ra hệ sinh thái phong phú, đa dạng, khổng lồ cho việc khai thác tài nguyên học tập - thì không thể nhồi nhét vào đầu óc sinh viên khối lượng kiến thức ngày càng nhiều. Phải quan tâm dạy cho sinh viên phương pháp học ngay từ bậc Tiểu học và càng lên bậc học cao hơn càng phải được chú trọng. Trong các phương pháp học thì cốt lõi là phương pháp tự học. Nếu rèn luyện cho người học có được *phương pháp, kỹ năng, thói quen, ý chí tự học* thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi con người, kết quả học tập sẽ được nhân lên gấp bội. Vì vậy, ngày nay người ta nhấn mạnh mặt hoạt động học trong quá trình dạy học, nỗ lực tạo ra sự chuyển biến *từ học tập thụ động sang tự học chủ động*, đặt vấn đề phát triển tự học ngay trong trường phổ thông, không chỉ tự học ở nhà sau bài lên lớp mà tự học cả trong tiết học có sự hướng dẫn của giảng viên.

** Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác.*

Trong một lớp học với xuất phát điểm mỗi sinh viên là một chủ thể nhận thức độc lập; trình độ kiến thức, tư duy, năng lực của mỗi sinh viên không thể đồng đều tuyệt đối thì việc áp dụng mô hình dạy học đồng đẳng, không chú ý đến việc cá thể hoá trong học tập của sinh viên, sẽ không phát huy được hiệu quả dạy học. Do vậy, khi áp dụng phương pháp tích cực buộc phải chấp nhận sự phân hóa về cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nhất là khi bài học được thiết kế thành một chuỗi công tác độc lập. Áp dụng phương pháp tích cực ở trình độ càng cao thì sự phân hóa này càng lớn. Việc sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin, phương tiện dạy học hiện đại trong nhà trường sẽ đáp ứng yêu cầu cá thể hóa hoạt động học tập theo nhu cầu và khả năng của mỗi sinh viên.

Tuy nhiên, trong học tập, không phải mọi tri thức, kỹ năng, thái độ đều được hình thành bằng những hoạt động độc lập cá nhân. Lớp học là môi trường giao tiếp thầy - trò, trò - trò, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh nội dung học tập. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học nâng mình lên một trình độ mới. Bài học vận dụng được vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống của người thầy giáo. Trong nhà trường, phương pháp học tập hợp tác được tổ chức ở cấp nhóm, tổ, lớp hoặc trường. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gay gắt, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung. Trong hoạt động theo nhóm nhỏ sẽ không thể có hiện tượng ỷ lại; tính cách năng lực của mỗi thành viên được bộc lộ,

uốn nắn, phát triển tình bạn, ý thức tổ chức, tinh thần tương trợ. Mô hình hợp tác trong xã hội đưa vào đời sống học đường sẽ làm cho các thành viên quen dần với sự phân công hợp tác trong lao động xã hội. Trong nền kinh tế thị trường đã xuất hiện nhu cầu hợp tác xuyên quốc gia, liên quốc gia; năng lực hợp tác phải trở thành một mục tiêu giáo dục mà nhà trường phải chuẩn bị cho sinh viên.

** Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò.*

Trong dạy học, việc đánh giá sinh viên không chỉ nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của trò mà còn đồng thời tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của thầy. Trước đây giảng viên giữ độc quyền đánh giá sinh viên. Trong phương pháp tích cực, giảng viên phải hướng dẫn sinh viên phát triển kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học; mặt khác, cần tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên được tham gia đánh giá lẫn nhau. Tự đánh giá đúng và điều chỉnh hoạt động kịp thời theo góp ý đánh giá đúng đắn của các bạn sinh viên trong lớp học là năng lực rất cần cho sự thành đạt trong cuộc sống mà nhà trường phải trang bị cho sinh viên.

Theo hướng phát triển các phương pháp tích cực để đào tạo những con người năng động, sớm thích nghi với đời sống xã hội, thì việc kiểm tra, đánh giá không thể dừng lại ở yêu cầu tái hiện các kiến thức, lặp lại các kỹ năng đã học mà phải khuyến khích trí thông minh, óc sáng tạo trong việc giải quyết những tình huống thực tế. Với sự trợ giúp của các thiết bị kỹ thuật, kiểm tra đánh giá sẽ không còn là một công việc nặng nhọc đối với giảng viên, mà lại cho nhiều thông tin kịp thời hơn để linh hoạt điều chỉnh hoạt động dạy, chỉ đạo hoạt động học. Từ dạy và học thụ động sang dạy và học tích cực, giảng viên không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, giảng viên trở thành người *thiết kế, tổ chức, hướng dẫn* các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để sinh viên tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình. Trên lớp, sinh viên hoạt động là chính, giảng viên có vẻ nhàn nhã hơn nhưng trước đó, khi soạn giáo án, giảng viên đã phải đầu tư công sức, thời gian rất nhiều so với kiểu dạy và học thụ động mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người *gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài* trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của sinh viên. Giảng viên phải có trình độ chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm lành nghề mới có thể tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của sinh viên mà nhiều khi diễn biến ngoài tầm dự kiến của giảng viên.

1.1.1.2. Phương pháp dạy học nêu vấn đề – một trong những phương pháp quan trọng của dạy học tích cực

** Khái niệm phương pháp dạy học nêu vấn đề*

Trong tâm lý học tư duy và của lý luận dạy học hiện đại, khái niệm "vấn đề" và "tình huống có vấn đề" là hai khái niệm cơ bản.

Khái niệm "vấn đề": Vấn đề là những câu hỏi hay nhiệm vụ nhận thức mà sinh viên không thể giải quyết được chỉ bằng những kinh nghiệm sẵn có, mà đòi hỏi họ có suy nghĩ độc lập, sáng tạo. "Vấn đề" ở đây là vấn đề học tập mà sinh viên phải suy nghĩ tìm cách giải quyết họ không thể giải quyết theo một khuôn mẫu có sẵn, nghĩa là không thể dùng tư duy tái hiện đơn thuần, để giải quyết "vấn đề" họ phải tìm tòi, sáng tạo. Khi sinh viên phải tự lực giải quyết vấn đề học tập, họ gặp những khó khăn ngăn cản họ đi tới đích. Khó khăn này chính là cái thúc đẩy hoạt động tìm tòi của họ. Để giải quyết được vấn đề, sinh viên không chỉ đơn giản tái hiện những điều đã lĩnh hội được dưới hình thức kinh nghiệm, mà bắt buộc phải biến đổi nội dung hoặc phương pháp sử dụng những điều đã lĩnh hội được, nghĩa là phải tìm tòi sáng tạo. Một vấn đề được đặc trưng bởi ba thành phần: Trạng thái xuất phát: không mong muốn; Trạng thái đích: trạng thái mong muốn; Sự cản trở. Như vậy, khái niệm "vấn đề" trong dạy học giải quyết vấn đề chứa đựng mâu thuẫn về nhận thức, giữa trình độ kiến thức và kỹ năng đã có với yêu cầu tiếp thu kiến thức mới và kỹ năng mới. Chính mâu thuẫn đó thúc đẩy sự hoạt động của tư duy, kích thích sinh viên tìm cách giải quyết vấn đề. Đó là động lực thúc đẩy sự sáng tạo các kiến thức và kỹ năng mới. Sau khi giải quyết vấn đề thì sinh viên thu được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và những năng lực mới.

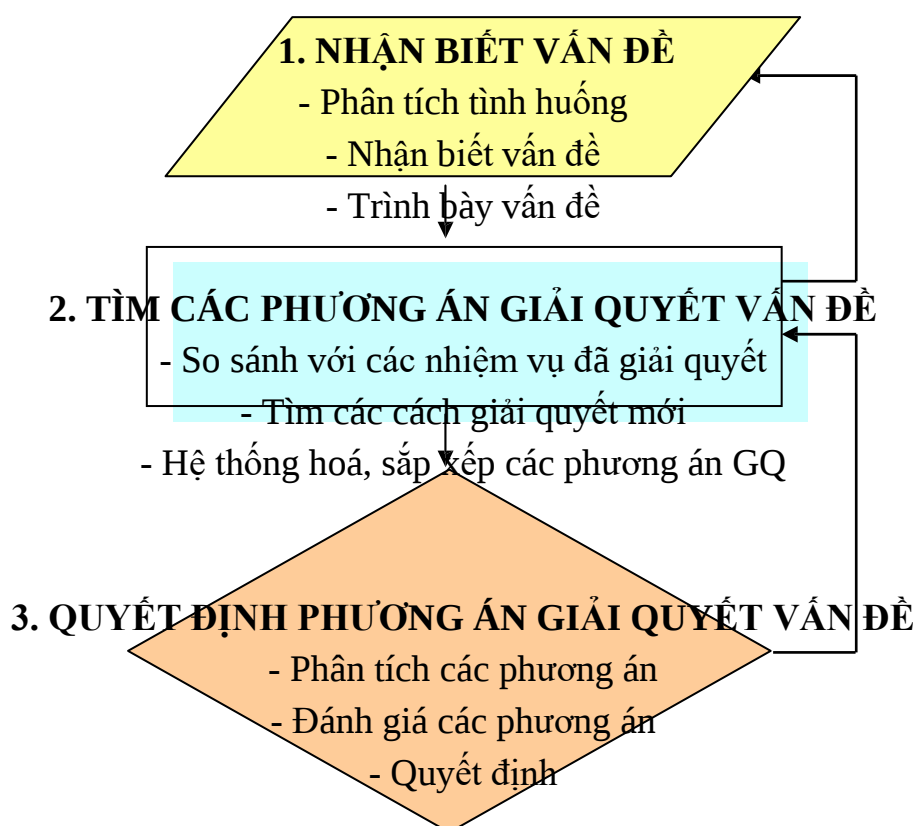
Khái niệm "vấn đề" và "tình huống có vấn đề": Lúc đầu mâu thuẫn trong "vấn đề" mang tính khách quan, sau khi sinh viên tiếp thu và ý thức được mâu thuẫn đó thì nó biến thành cái chủ quan và tồn tại trong ý nghĩ của sinh viên dưới dạng "bài toán nhận thức" hay "vấn đề học tập". Muốn cho mâu thuẫn khách quan biến thành mâu thuẫn chủ quan thì phải tổ chức được những tình huống đưa chủ thể vào trong quan hệ giữa cái đã cho và cái yêu cầu phải đạt tới, tình huống đó gọi là *tình huống có vấn đề*. Tình huống có vấn đề xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một mục đích muốn đạt tới, nhận biết một nhiệm vụ cần giải quyết nhưng chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kỹ năng...) để giải quyết. *Tình huống có vấn đề* là tình huống mà trong đó mâu thuẫn khách quan nói trên được sinh viên chấp nhận như một vấn đề học tập mà họ cần giải quyết và có thể giải quyết được với một sự nỗ lực phù hợp với khả năng của họ. Kết quả là họ đạt được tri thức mới hoặc phương pháp hành động mới. Đó là trạng thái tinh thần của người sinh viên khi đụng phải mâu thuẫn trong học tập tức là đang gặp khó khăn và thấy cần khắc phục để đưa nhận thức tiến lên. Tình huống đó gây nên ở sinh viên lòng mong muốn giải quyết vấn đề, kích thích sinh viên tư duy tích cực, hướng vào việc tiếp thu những kiến thức mới, kỹ năng, kỹ xảo mới. Chính vì thế mà khi phân tích vấn đề này nhà giáo dục Nga Ru-bin-sten đã khẳng định "tư duy bắt đầu từ tình huống có vấn đề". Để đưa sinh viên vào tình huống có vấn đề, phải kích thích được nhu cầu nhận thức của họ,

gây được hứng thú nhận thức và niềm tin có thể nhận thức được. Tiếp đó giáo viên hướng dẫn họ tự giải quyết vấn đề.

Như vậy, dạy học giải quyết vấn đề là một quan điểm dạy học nhằm phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên dựa trên cơ sở lý thuyết nhận thức. Bản chất cốt lõi của dạy học giải quyết vấn đề là đặt ra trước sinh viên một hệ thống tình huống có vấn đề, những điều kiện đảm bảo việc giải quyết các vấn đề đó và những chỉ dẫn nhằm đưa sinh viên vào con đường tự lực giải quyết các vấn đề đã đặt ra. Bằng con đường đó phát triển được năng lực của sinh viên, sinh viên không những thu được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo mới mà họ còn được rèn luyện năng lực tự lực nhận thức và phát triển được năng lực sáng tạo trong quá trình học tập. Mục tiêu cơ bản của dạy học giải quyết vấn đề nhằm rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề, tất nhiên trong đó cần bao gồm khả năng nhận biết, phát hiện vấn đề.

* *Các bước của phương pháp dạy học nêu vấn đề:* Thực hiện dạy học giải quyết vấn đề theo 4 bước

Quá trình dạy học giải quyết vấn đề có thể chia làm ba giai đoạn:
Sơ đồ cấu trúc quá trình giải quyết vấn đề



Bước 1: Nhận biết vấn đề

Đây là giai đoạn xây dựng bài toán nhận thức, tạo tình huống có vấn đề, đặt sinh viên vào tình huống có vấn đề, mục đích chính của giai đoạn này là: Làm xuất hiện trước sinh viên mâu thuẫn nhận thức, giúp sinh viên xác định rõ nhiệm vụ nhận

thức và tiếp nhận nó, tức là tạo ra nhu cầu nhận thức ở sinh viên; Kích thích ở sinh viên hứng thú nhận thức sao cho các em phấn khởi, sẵn sàng giải quyết vấn đề một cách liên tục; Đặt sinh viên trước những khó khăn vừa sức, những khó khăn này khiến các em phải căng óc ra suy nghĩ giải quyết nhưng không được khó quá để làm mất hứng thú của sinh viên. Khó khăn có thể giải quyết được sẽ củng cố niềm tin của sinh viên.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết

Tìm các phương án giải quyết. Nhiệm vụ của bước này là tìm các phương án khác nhau để giải quyết vấn đề. Để tìm các phương án giải quyết vấn đề, cần so sánh, liên hệ với những cách giải quyết các vấn đề tương tự đã biết cũng như tìm các phương án giải quyết mới. Các phương án giải quyết đã tìm ra cần được sắp xếp, hệ thống hoá để xử lý ở giai đoạn tiếp theo. Khi có khó khăn hoặc không tìm được phương án giải quyết thì cần trở lại việc nhận biết vấn đề để kiểm tra lại việc nhận biết và hiểu vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án (nêu vấn đề): Nhắc lại vấn đề cần giải quyết; đưa ra phương án tối ưu để giải quyết vấn đề.

Quyết định phương án giải quyết vấn đề: Các phương án giải quyết đã được tìm ra cần được phân tích, so sánh và đánh giá xem có thực hiện được việc giải quyết vấn đề hay không. Nếu có nhiều phương án có thể giải quyết thì cần so sánh để xác định phương án tối ưu. Nếu việc kiểm tra các phương án đã đề xuất đưa đến kết quả là không giải quyết được vấn đề thì cần trở lại giai đoạn tìm kiếm phương án giải quyết mới. Khi đã quyết định được phương án thích hợp, giải quyết được vấn đề tức là đã kết thúc việc giải quyết vấn đề.

** Vai trò của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

Khuyến khích sinh viên tư duy tích cực để giải quyết vấn đề: Trong dạy học giải quyết vấn đề, giảng viên tạo ra các tình huống dạy học điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác và tích cực để giải quyết vấn đề. Vấn đề thường là các câu hỏi hay hệ thống bài tập chưa được giải đáp, hoặc chưa có được một phương pháp cụ thể để giải đáp. Vấn đề có thể do giảng viên đề xuất hoặc do sinh viên đề xuất. Thực tế dạy học cho thấy, tính vấn đề của dạy học có thể được bắt nguồn từ các yếu tố sau: Từ nội dung môn học; Từ quan hệ sư phạm trên lớp; Từ chức năng của học liệu; Từ tính chất hiệu lực của phương tiện kỹ thuật; Từ hành vi và hành động giao tiếp; Từ sự quan sát được trong thí nghiệm- thực hành hay thảo luận; Từ thái độ hay phản ứng bất ngờ của sinh viên. Dựa vào tính vấn đề của dạy học, giảng viên có cơ sở khách quan để tạo ra và kích hoạt tính chủ động, tích cực trong học tập của sinh viên thông qua các tình huống dạy học được xây dựng theo mục tiêu và nội dung môn học. Do sự đa dạng phong phú của tính vấn đề trong dạy học như đã

nêu ở trên, cho phép giảng viên tạo ra các tình huống dạy học rất đa dạng và phong phú. Quá trình sinh viên học tập giải quyết vấn đề, buộc sinh viên phải có được sự chủ động tìm kiếm thông tin, các kinh nghiệm, các cách làm để tìm được lời giải cho các tình huống dạy học do giảng viên đưa ra. Các tình huống dạy học được sinh viên tiếp nhận và xử lý theo qui luật tâm lý. Vì vậy, nó khuyến khích tính đa dạng và chủ động tư duy của sinh viên trong quá trình giải quyết vấn đề.

Khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu: Khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu là vấn đề nhiều nhà giáo dục và các trường quan tâm. Về bản chất của tự học và nghiên cứu là một quá trình học tập, một quá trình nhận thức khi chưa có giảng viên trực tiếp hướng dẫn cho nên quá trình này đòi hỏi sự lao động vất vả hơn rất nhiều bởi vì người học phải tự xây dựng cho mình phong cách học, sử dụng hợp lý các điều kiện, hình thức, phương tiện và những kinh nghiệm sẵn có của bản thân để đạt được kết quả mong muốn. Như vậy bản chất của quá trình tự học, tự nghiên cứu là quá trình nhận thức một cách trực giác của người học nhằm đạt được mục đích, nhiệm vụ dạy học. Đặc trưng của phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học môn Đạo đức học ở các trường Đại học sư phạm là sinh viên được đặt vào một tình huống gợi vấn đề; sinh viên hoạt động tích cực tận lực huy động tri thức và khả năng của mình để giải quyết vấn đề. Mục đích của phương pháp dạy học nêu vấn đề không phải chỉ là làm cho sinh viên lĩnh hội được kết quả của quá trình giải quyết vấn đề mà còn làm cho họ phát triển khả năng tư duy, sáng tạo. Do phương pháp học tập ở bậc đại học khác cơ bản với phương pháp học tập ở phổ thông là không có sự kiểm tra, hướng dẫn cũng như giám sát hàng ngày của giảng viên nên phần lớn là tự học nên cần phải đảm bảo tính tự giáo dục, đảm bảo học đi đôi với hành, nâng cao dần và củng cố kỹ năng kỹ xảo của người học.

Khai thác kinh nghiệm học tập và kinh nghiệm hoạt động thực tế của sinh viên: Trong hoạt động học tập luôn đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ, tình huống cần phải giải quyết. Tư duy kinh nghiệm giúp con người vận dụng những kinh nghiệm đã tích lũy được trong quá trình nhận thức trước đó để giải quyết những vấn đề mới hiệu quả hơn so với những lần trước. Những kinh nghiệm của người học là thông qua các hoạt động hàng ngày, người học đã rút ra những bài học, những bí quyết, những qui luật từ những điều mình đã biết và cảm nhận. Những kinh nghiệm này được tích lũy trong quá trình phát triển các hoạt động thực tiễn, thông qua giảng dạy, những kinh nghiệm này đảm bảo cho sinh viên có năng lực tiếp tục phát triển nền văn hóa, khoa học kỹ thuật của xã hội. Nói cách khác nó có tác dụng chuẩn bị cho sinh viên tìm cách giải quyết những vấn đề mới cũng như vận dụng và sáng tạo trong công việc học tập, qua đó giúp sinh viên phát triển được tính tích cực, tính sáng tạo và tránh được tính thụ động, tính máy móc và tính hình thức trong hoạt động nhận thức và hoạt động nghề nghiệp. Hoạt động sáng tạo và kinh nghiệm của người học nó giúp

cho người học độc lập, chủ động nắm vững được kiến thức và đưa tri thức, kỹ năng vào những tình huống mới, có nghĩa là khi giải quyết một vấn đề nào mới phát sinh thì sinh viên có thể vận dụng tổng hợp những kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề cần đặt ra. Kinh nghiệm của người học chỉ có thể rèn luyện kỹ năng hoạt động sáng tạo khi giảng viên có thức đầy đủ và tiến hành rèn luyện cho sinh viên trong quá trình dạy học. Vì vậy cần phải bồi dưỡng cho sinh viên năng lực hoạt động sáng tạo, qua đó tích lũy được nhiều kinh nghiệm để có khả năng giải quyết vấn đề.

Khuyến khích sinh viên hợp tác chia sẻ trước những thách thức trí tuệ Qua thực tế dạy học cho thấy, trong quá trình giải quyết vấn đề sinh viên luôn đối mặt với những thách thức về trí tuệ. Mặt khác để giải quyết vấn đề, sinh viên phải thu thập thông tin, thảo luận nhóm trước khi đưa ra kết luận. Quá trình giải quyết vấn đề buộc sinh viên phải biết cách làm việc theo nhóm: biết lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm, biết phê phán và biết cách trình bày quan điểm của mình trước nhóm. Như thế, sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề sẽ giúp sinh viên được trải nghiệm những quan hệ sẻ chia và thách thức về trí tuệ.

Giúp sinh viên xác định mục đích học tập là để phát triển bản thân mình: Theo Nguyễn Cảnh Toàn “Sáng tạo bắt đầu từ phát hiện ra vấn đề, sau đó mới tìm cách giải quyết vấn đề và khi giải quyết được thì sẽ có một cái gì mới ra, giúp ta vượt qua được khó khăn để tiến về phía trước”. Các nghiên cứu lý luận dạy học đã khẳng định rằng, muốn nâng cao chất lượng dạy học thì cần phải quan tâm đến người học với tư cách là chủ thể trong quá trình học tập. Các biện pháp dạy học phải phát huy được tính tích cực, tự lực, sáng tạo của người học. Một trong những giải pháp dạy học có hiệu quả cao đó là phương pháp dạy học nêu vấn đề. Tư tưởng của phương pháp dạy học nêu vấn đề xuất phát từ nhu cầu thực tế của xã hội đòi hỏi cần có những người có năng lực nêu vấn đề; bởi chính năng lực nêu vấn đề giúp cho chức năng phát triển cá nhân cao, kỹ năng học tập được phát triển và người học có nhu cầu muốn học tập. Mâu thuẫn về mặt kiến thức tạo nên sự thách thức buộc sinh viên phải suy nghĩ để tìm câu trả lời và cũng là tìm giải pháp cho một vấn đề thực tế. Cùng với sự gợi ý của giảng viên sẽ dẫn sinh viên đến nêu vấn đề. Trong quá trình nêu vấn đề, đòi hỏi ở sinh viên cần có sự sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm. Chính sự sáng tạo trong quá trình học tập là nhân tố tích cực trong việc “biến kho tàng tri thức của nhân loại thành vốn riêng của mình”. Tư duy sáng tạo và quá trình nêu vấn đề có quan hệ biện chứng với nhau, thúc đẩy nhau phát triển. Dạy học nêu vấn đề còn giúp rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nêu vấn đề. Kỹ năng nêu vấn đề luôn là phần quan trọng, là cốt lõi của kỹ năng sống; nó giúp con người thay đổi và phát triển chính mình. Hơn thế, nó khiến cho con người luôn có khát vọng học tập, khát vọng sống.

1.1.2. Khái quát về Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

1.1.2.1. Khái quát về chương trình, giáo trình, quy chế đào tạo, phương thức đào tạo thực hiện trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Về đề cương chi tiết Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Về thời điểm, thời lượng thực hiện trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Về chương trình, giáo trình, quy chế đào tạo, phương thức đào tạo thực hiện trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư được dạy học theo Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT –GDĐH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Thực hiện Chương trình, Giáo trình các môn Lý luận chính trị*”; Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị*”; Theo “*Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư*” (Ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHHL, ngày 30/8/2021, của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin của nhà trường được thực hiện theo phương thức đào tạo, dạy học tín chỉ.

Về đề cương chi tiết Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Bám sát các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường về chương trình, giáo trình, quy chế đào tạo, đề cương chi tiết học phần, nhà trường đã chỉ đạo xây dựng đề cương chi tiết học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Nội dung của học phần: Gồm 6 chương, trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Mục tiêu của học phần: Một là, trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên Lý luận. Hai là, trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi

ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Ba là, góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần: Diễn giải được những kiến thức cơ bản về quá lịch sử hình thành kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin, lý luận về sản xuất hàng hóa, về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Giải thích những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam, công nghiệp hóa – hiện đại hóa và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Vận dụng được những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin để giải thích những vấn đề diễn ra trong thực tiễn hoạt động của bản thân, vào việc bảo vệ quan điểm đúng đắn, phản biện lại những tư tưởng sai trái về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm. Thể hiện được khả năng tự lên kế hoạch học tập, tự học, tự tích lũy kiến thức trong quá trình học tập và nghiên cứu. Xây dựng niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nội dung chi tiết học phần

Số giờ	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
3 giờ (2LT : 1TL)	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị mác – lênin 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT Mác-Lênin 1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin.	CLO1 CLO5
6 giờ (5LT : 1TL)	Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường 2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5

6 giờ (5LT : 1TL)	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 3.2. Tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5
5 giờ (4LT : 1TL)	Chương 4. Canh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Canh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. 4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện hiện nay; Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.	CLO1 CLO3 CLO5
5 giờ (4LT : 1TL)	Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	CLO2 CLO3 CLO5
5 giờ (4LT : 1TL)	Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CLO2 CLO3 CLO5

Về thời điểm, thời lượng thực hiện trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư là một trong năm môn học Lý luận chính trị cơ bản, được dạy vào học kỳ II năm học thứ nhất đối với Khối ngành sư phạm; Kỳ 1 năm thứ 3 đối với Khối ngành ngoài sư phạm. Học phần được quy định có thời lượng: 02 tín chỉ.

1.1.2.2. Khái quát đặc thù tri thức Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin có đặc thù tri thức cơ bản sau đây: Một là, Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác - Lênin, thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị nên có mối quan hệ mật thiết, hữu cơ với các bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác - Lênin, khối kiến thức Lý luận chính trị. Kinh tế chính trị Mác - Lênin chứa đựng chức năng thế giới quan và phương pháp luận, nhân sinh quan cách mạng sâu sắc. Hai là, hệ thống tri thức môn Kinh tế chính

trị Mác - Lênin mang tính trừu tượng, khái quát cao, phản ánh những vấn đề mang tính quy luật và quy luật của những vấn đề kinh tế chính trị khách quan. Ba là, hệ thống tri thức môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin gắn bó chặt chẽ, hữu cơ với thực tiễn sinh động, tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội trong nước và trên thế giới đang diễn ra hàng ngày. Bốn là, hệ thống tri thức môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có nội dung phong phú, nhưng bao gồm hai khối kiến thức chủ yếu: Quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh tế chính trị và sự vận dụng quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh tế chính trị trong thực tiễn nước ta theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm là, hệ thống tri thức môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có tính chất mở, không ngừng được bổ sung, phát triển, hoàn thiện.....Những đặc thù tri thức Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trên đây là một trong các vấn đề cần quan tâm, chú ý trong quá trình dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nói chung và dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Môn học ở trường Đại học Hoa Lư.

1.2. Thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

1.2.1. Khái quát về dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo rất quan tâm đến công tác dạy học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Kinh tế chính trị Mác-Lênin nói riêng trong các nhà trường. Việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Kinh tế chính trị Mác-Lênin nói riêng trong các nhà trường, đặc biệt là thế hệ trẻ, trong đó có sinh viên các trường đại học, cao đẳng được Đảng ta hết sức quan tâm, chú trọng. Trước năm 2002-2003, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường CDSP Ninh Bình, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dùng trong các trường đại học và cao đẳng ban hành theo Quyết định số 2054/QĐ-CT-HS ngày 31/8/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2002-2003, môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường CDSP Ninh Bình, Chương trình môn Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định Số: 45/2002/QĐ-BGDĐT ngày 29/10/2002, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình các môn: Triết học Mác-Lênin dùng cho khoa ngành khoa học xã hội, nhân văn, tự nhiên, kỹ thuật; Kinh tế chính trị Mác-Lênin dùng cho khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh và Kinh tế chính trị Mác- Lênin dùng cho các ngành không chuyên Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học. Theo Quyết định Số: 407/QĐ-TTg ngày 09/4/2007,

của Thủ tướng Chính phủ, trường Đại học Hoa Lư được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình. Ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, quy định chương trình các môn Lý luận chính trị. Từ năm học 2008-2009, đến trước năm học 2018-2019, Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2020-2021, đến nay, Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định số: 4890/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/ 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Như vậy, từ năm 2000 đến nay, môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin đã được giảng dạy ở Trường Đại học Hoa Lư 23 năm (Trong đó, 7 năm ở Trường CĐSP Ninh Bình - khi chưa nâng cấp; 16 năm ở Trường Đại học Hoa Lư - khi trường nâng cấp), với nhiều lần thay đổi về chương trình, giáo trình môn học.

Theo quy định của Thủ tướng chính phủ tại Quyết định số 494/QĐ-TTg, mỗi trường học và cao đẳng phải có khoa học bộ môn Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có tổ bộ môn Chính trị, do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền trực tiếp chỉ đạo. Do đó, Tổ bộ môn chung (2003- 2005), Bộ môn khoa học Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2005 - 2007), Bộ môn Lý luận chính trị (2007 - 2022) chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Trường CĐSP Ninh Bình, nay là Trường Đại học Hoa Lư. Theo Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND, ngày 04/4/2014 tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động tỉnh Ninh Bình, Bộ môn Lý luận chính trị chịu trách nhiệm quản lý công tác dạy học các môn Lý luận chính trị. Cán bộ làm nhiệm vụ quản lý dạy học môn học, giảng viên dạy học môn học còn làm công tác kiêm nhiệm, trẻ về tuổi đời và tuổi nghề, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp còn hạn chế, bất cập. Do đó, cũng dẫn đến hạn chế, bất cập, khó khăn trong công tác lãnh đạo, quản lý, dạy học môn học.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin từng bước được kiện toàn, bổ sung, phát triển. Khi mới đưa môn học vào giảng dạy, nhà trường từ năm 2000 - đến 2013, chỉ có 01 giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ năm 2014 - đến nay, nhà trường tuyển dụng thêm 03 giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Đến nay 3/3 chiếm 100% giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin có trình độ thạc sĩ. Có thể khẳng định rằng, nhóm giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin có một đội ngũ giảng viên dạy học, tương đối đủ về số lượng, đảm bảo về năng lực, chất lượng dạy học môn học. Nhưng cũng phải thẳng thắn thừa nhận, là trường đại học địa phương,

cách xa các trung tâm đào tạo lớn về giảng viên dạy học môn học, nên việc học tập để nâng cao trình độ của giảng viên gặp không ít khó khăn, giảng viên ít có điều kiện tiếp cận được những vấn đề mới cả trên lĩnh vực chuyên môn tri thức và phương pháp dạy học bộ môn.

Trường Đại học Hoa Lư là trường đại học địa phương, tuyển sinh trong cả nước, nhưng cơ bản sinh viên vào học là con em trong tỉnh với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội còn nhiều khó khăn. Trong mấy năm gần đây, chất lượng đầu vào còn hạn chế, hầu hết sinh viên có học lực trung bình, trung bình khá ở các trường đại học. Nhà trường đào tạo sinh viên thuộc nhiều chuyên ngành, khối ngành khác nhau: khối ngành sư phạm (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT), khối ngành kinh tế kỹ thuật (Kế toán, quản trị kinh doanh...), khối ngành khoa học xã hội và nhân văn (Việt Nam học...). Công tác quản lý sinh viên trong quá trình học tập môn học dưới góc độ quản lý chuyên môn ở nhà trường bên cạnh ưu điểm, tính cực là chủ yếu, có mặt chưa sâu sát, hiệu quả...

Như vậy, nghiên cứu về công tác lãnh đạo, quản lý bộ môn; về chương trình, mục tiêu, nội dung; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, giáo trình; đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên học tập môn học, ta thấy, công tác dạy học môn học ở nhà trường vừa có những điểm chung với các trường, vừa mang tính đặc thù. Những điểm chung, đặc thù đó, ảnh hưởng, chi phối không nhỏ đến tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học. Nghiên cứu tính tích cực học tập của sinh viên, đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học ở nhà trường không thể không tính đến.

1.2. Thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

1.2.1. Khái quát về dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo rất quan tâm đến công tác dạy học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Kinh tế chính trị Mác-Lênin nói riêng trong các nhà trường. Việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Kinh tế chính trị Mác-Lênin nói riêng trong các nhà trường, đặc biệt là thế hệ trẻ, trong đó có sinh viên các trường đại học, cao đẳng được Đảng ta hết sức quan tâm, chú trọng. Trước năm 2002-2003, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường CĐSP Ninh Bình, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dùng trong các trường đại học và cao đẳng ban hành theo Quyết định số 2054/QĐ-CT-HS ngày 31/8/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2002-2003, môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường CĐSP Ninh Bình, Chương trình môn Kinh tế Chính trị

Mác – Lênin, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định Số: 45/2002/QĐ-BGDĐT ngày 29/10/2002, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình các môn: Triết học Mác-Lênin dùng cho khoa ngành khoa học xã hội, nhân văn, tự nhiên, kỹ thuật; Kinh tế chính trị Mác-Lênin dùng cho khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh và Kinh tế chính trị Mác- Lênin dùng cho các ngành không chuyên Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học. Theo Quyết định Số: 407/QĐ-TTg ngày 09/4/2007, của Thủ tướng Chính phủ, trường Đại học Hoa Lư được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình. Ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào, có Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, quy định chương trình các môn Lý luận chính trị. Từ năm học 2008-2009, đến trước năm học 2018-2019, Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào. Từ năm học 2020-2021, đến nay, Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định số: 4890/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/ 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào. Như vậy, từ năm 2000 đến nay, môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin đã được giảng dạy ở Trường Đại học Hoa Lư 23 năm (Trong đó, 7 năm ở Trường CĐSP Ninh Bình - khi chưa nâng cấp; 16 năm ở Trường Đại học Hoa Lư - khi trường nâng cấp), với nhiều lần thay đổi về chương trình, giáo trình môn học.

Theo quy định của Thủ tướng chính phủ tại Quyết định số 494/QĐ-TTg, mỗi trường học và cao đẳng phải có khoa hoặc bộ môn Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có tổ bộ môn Chính trị, do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền trực tiếp chỉ đạo. Do đó, Tổ bộ môn chung (2003- 2005), Bộ môn khoa học Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2005 - 2007), Bộ môn Lý luận chính trị (2007 - 2022) chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Trường CĐSP Ninh Bình, nay là Trường Đại học Hoa Lư. Theo Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND, ngày 04/4/2014 tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động tỉnh Ninh Bình, Bộ môn Lý luận chính trị chịu trách nhiệm quản lý công tác dạy học các môn Lý luận chính trị. Cán bộ làm nhiệm vụ quản lý dạy học môn học, giảng viên dạy học môn học còn làm công tác kiêm nhiệm, trẻ về tuổi đời và tuổi nghề, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp còn hạn chế, bất cập. Do đó, cũng dẫn đến hạn chế, bất cập, khó khăn trong công tác lãnh đạo, quản lý, dạy học môn học.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin từng bước được kiện toàn, bổ sung, phát triển. Khi mới đưa môn học vào giảng dạy, nhà

trường từ năm 2000 - đến 2013, chỉ có 01 giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ năm 2014 - đến nay, nhà trường tuyển dụng thêm 03 giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Đến nay 3/3 chiếm 100% giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin có trình độ thạc sĩ. Có thể khẳng định rằng, nhóm giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin có một đội ngũ giảng viên dạy học, tương đối đủ về số lượng, đảm bảo về năng lực, chất lượng dạy học môn học. Nhưng cũng phải thẳng thắn thừa nhận, là trường đại học địa phương, cách xa các trung tâm đào tạo lớn về giảng viên dạy học môn học, nên việc học tập để nâng cao trình độ của giảng viên gặp không ít khó khăn, giảng viên ít có điều kiện tiếp cận được những vấn đề mới cả trên lĩnh vực chuyên môn tri thức và phương pháp dạy học bộ môn.

Trường Đại học Hoa Lư là trường đại học địa phương, tuyển sinh trong cả nước, nhưng cơ bản sinh viên vào học là con em trong tỉnh với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội còn nhiều khó khăn. Trong mấy năm gần đây, chất lượng đầu vào còn hạn chế, hầu hết sinh viên có học lực trung bình, trung bình khá ở các trường đại học. Nhà trường đào tạo sinh viên thuộc nhiều chuyên ngành, khối ngành khác nhau: khối ngành sư phạm (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT), khối ngành kinh tế kỹ thuật (Kế toán, quản trị kinh doanh...), khối ngành khoa học xã hội và nhân văn (Việt Nam học...). Công tác quản lý sinh viên trong quá trình học tập môn học dưới góc độ quản lý chuyên môn ở nhà trường bên cạnh ưu điểm, tính cực là chủ yếu, có mặt chưa sâu sát, hiệu quả...

Như vậy, nghiên cứu về công tác lãnh đạo, quản lý bộ môn; về chương trình, mục tiêu, nội dung; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, giáo trình; đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên học tập môn học, ta thấy, công tác dạy học môn học ở nhà trường vừa có những điểm chung với các trường, vừa mang tính đặc thù. Những điểm chung, đặc thù đó, ảnh hưởng, chi phối không nhỏ đến tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học. Nghiên cứu tính tích cực học tập của sinh viên, đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học ở nhà trường không thể không tính đến.

1.2.2. Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

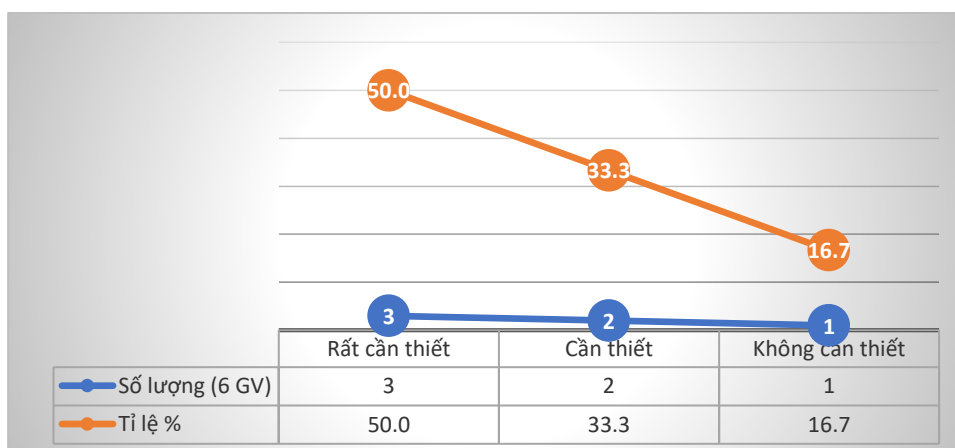
1.2.2.1. Thực trạng nhận thức về phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

Để tìm hiểu nhận thức của giảng viên trong việc sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin tác giả khảo sát 6 giảng viên. Thu được kết quả như sau:

Mức độ	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
--------	---------------	-----------	-----------------

Số lượng (6 GV)	3	2	1
Tỉ lệ %	50.0	33.3	16.7

Bảng 1.1: Thống kê số liệu điều tra thể hiện sự nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ thể hiện sự nhận thức của GV về tầm quan trọng của dạy học giải quyết vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin

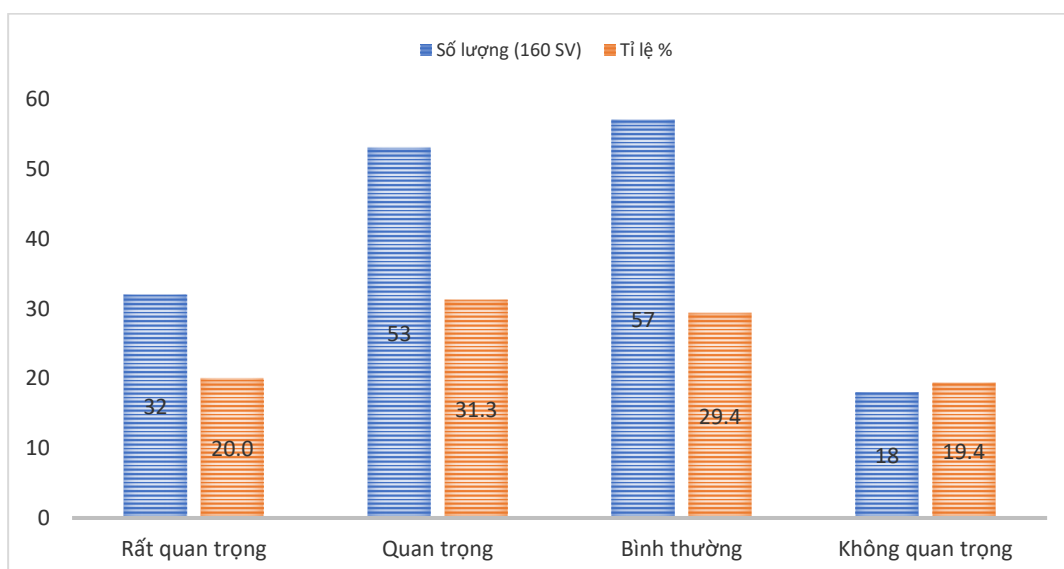
Kết quả thu được cho thấy có (3 GV/ 6 GV = 50.0%) ý kiến cho rằng phương pháp dạy học nêu vấn đề rất cần thiết trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin và (2 GV/ 6 GV = 33.3%) ý kiến của giảng viên cho rằng cần thiết. Qua điều tra thực trạng, tác giả thấy về cơ bản tất cả các giảng viên đều thấy được vai trò quan trọng của việc dạy học giải quyết vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nhằm phát huy tính tích cực, chủ động cho sinh viên góp phần nâng cao chất lượng dạy học hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn có ý kiến cho rằng phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là không quan trọng, không cần thiết (16.7%).

- Nhận thức về tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin:

Khảo sát, điều tra 160 SV học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cho thấy:

Mức độ	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
Số lượng (160 SV)	32	53	57	18
Tỉ lệ %	20.0	31.3	29.4	19.4

Bảng 1.2: Thống kê số liệu điều tra thể hiện sự nhận thức của SV về dạy học giải quyết vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ thể hiện sự nhận thức của sinh viên về phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Như vậy, qua Bảng 1.2 và Sơ đồ 1.2, ta thấy, tỉ lệ sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (cho rằng môn học là rất quan trọng, quan trọng) là $(85/160) = 51.3\%$, trong khi đó vẫn còn tới $(75/160) = 48.8\%$ chưa nhận thức được hết tầm quan trọng, coi phương pháp dạy học nêu vấn đề là bình thường, không quan trọng trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

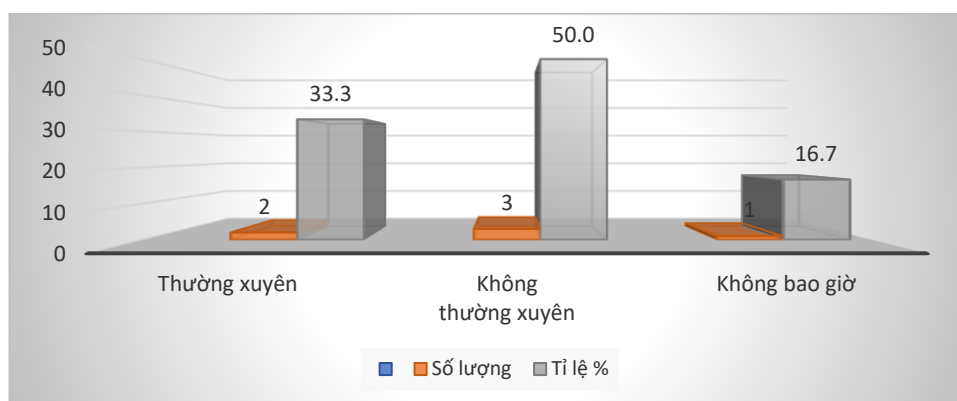
2.2.2.2. Thực trạng về tổ chức dạy học có sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư hiện nay

Để tìm hiểu thực trạng về tổ chức dạy học có sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư hiện nay, nhóm tác giả khảo sát 6 giảng viên.

Trước câu hỏi, khi soạn giáo án (Đề cương bài giảng), giảng viên thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở mức độ nào? Thu được kết quả như sau:

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng	2	3	1
Tỷ lệ %	33.3	33.3	33.3

Bảng 1.3: Thống kê số liệu điều tra mức độ thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.



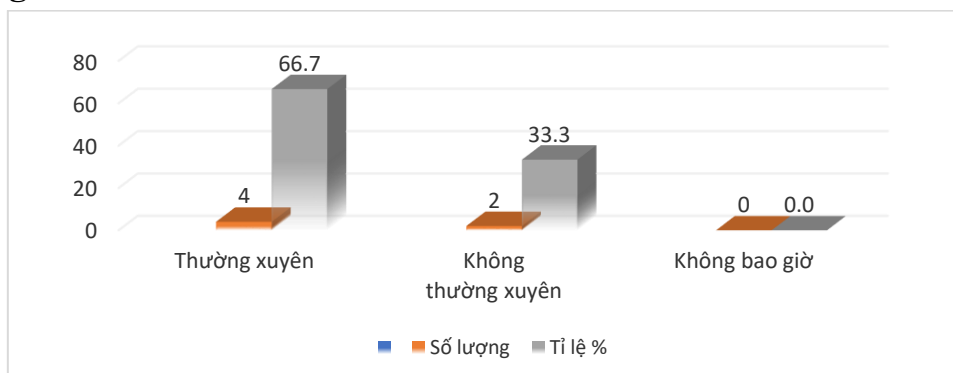
Sơ đồ 1.3: Thống kê số liệu điều tra mức độ thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Như vậy, qua Bảng 1.3 và Sơ đồ 1.3, ta thấy, tỉ lệ giảng viên thường xuyên thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường còn hạn chế chỉ có 2GV/6GV chiếm 33.3%. Có 3GV/6GV chiếm 50.0% không thường xuyên và đặc biệt có 1GV/6GV chiếm 16.7% không bao giờ thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Điều đó cho thấy, tính tích cực, chủ động, sự chuẩn bị chu đáo cho vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường còn hạn chế.

Trước câu hỏi, thầy cô cho biết đánh giá về mức độ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề của mình trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường? Thu được kết quả như sau:

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng	4	2	0
Tỉ lệ %	66.7	33.3	0.0

Bảng 1.4: Thống kê số liệu điều tra mức độ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.



Sơ đồ 1.4: Thống kê số liệu điều tra mức độ vận dụng phương pháp dạy

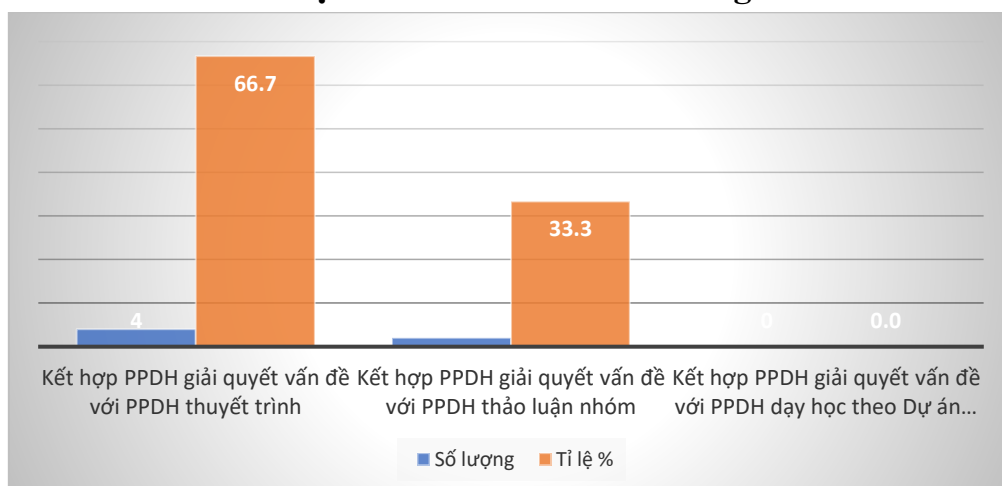
học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Như vậy, qua Bảng 1.1 và Sơ đồ 1.1, ta thấy, tỉ lệ giảng viên thường xuyên vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường là khá cao, có tới 4GV/6GV chiếm 66.7%. Có 2GV/6GV chiếm 33.3 % có vận dụng, nhưng không thường xuyên phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Không có giảng viên nào không bao giờ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Ở đây, cho thấy mức độ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, cao hơn sơ với mức độ thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Điều đó, chứng tỏ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường chưa có sự chuẩn bị chu đáo, có mặt còn biểu hiện mang tính tự phát, ngẫu hứng.

Trước câu hỏi, thầy cô thường kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với PPDH thuyết trình, các phương pháp khác như: Thảo luận nhóm, dạy học theo dự án...trong quá trình dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin như thế nào? Thu được kết quả như sau:

Mức độ	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH thuyết trình	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH thảo luận nhóm	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH dạy học theo Dự án...
Số lượng	4	2	0
Tỉ lệ %	66.7	33.3	0.0

Bảng 1.5: Thống kê số liệu điều tra mức độ kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với PPDH thuyết trình, các phương pháp khác trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

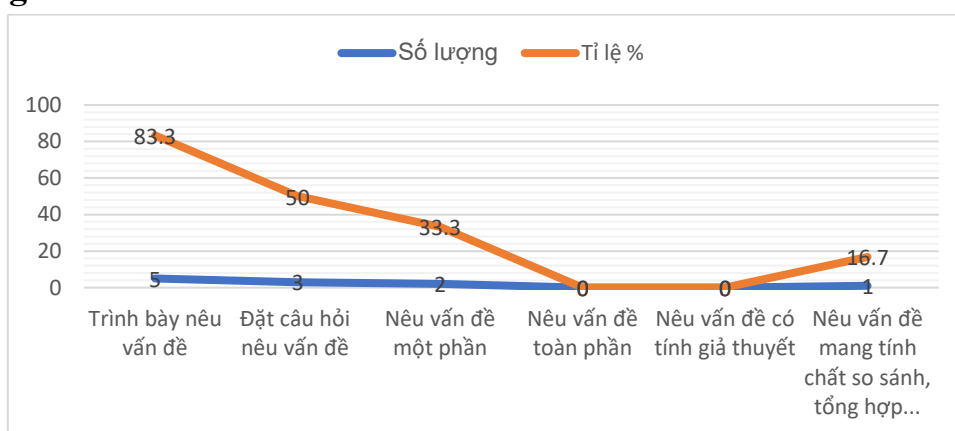


Sơ đồ 1.5: Thể hiện mức độ kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với PPDH thuyết trình, các phương pháp khác trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Trước câu hỏi, thầy cô thường sử dụng các hình thức nào dưới đây của phương pháp dạy học nêu vấn đề trong quá trình dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin? Thu được kết quả như sau:

Các hình thức	Số lượng	Tỉ lệ %
Trình bày nêu vấn đề	5	83.3
Đặt câu hỏi nêu vấn đề	3	50.0
Nêu vấn đề một phần	2	33.3
Nêu vấn đề toàn phần	0	0.0
Nêu vấn đề có tính giả thuyết	0	0.0
Nêu vấn đề mang tính chất so sánh, tổng hợp...	1	16.7

Bảng 1.6: Thống kê số liệu điều tra các hình thức dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.



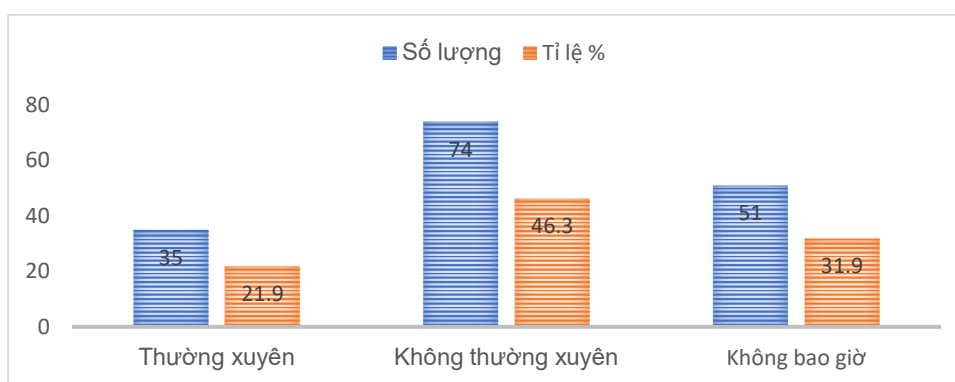
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ thể hiện các hình thức dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Như vậy, qua Bảng 1.6 và Sơ đồ 1.6 về sự kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với các phương pháp dạy học khác, về việc sử dụng các hình thức của phương pháp dạy học nêu vấn đề, ta thấy, trong quá trình dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường, phương pháp dạy học nêu vấn đề chủ yếu được kết hợp với PPDH thuyết trình, gắn với hình thức thuyết trình nêu vấn đề. Điều đó cho thấy, mức độ và hiệu quả vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường còn hạn chế, chưa đi vào chiều sâu, chất lượng, hiệu quả.

Sau khi khảo sát nhận thức của giảng viên tác giả tiến hành tìm hiểu về mức độ, tần suất và tính hiệu quả của những tiết học khi giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng	35	74	51
Tỉ lệ %	21.9	46.3	31.9

Bảng 1.7: Thống kê số liệu điều tra mức độ, tần suất giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ thể hiện số liệu điều tra mức độ, tần suất giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

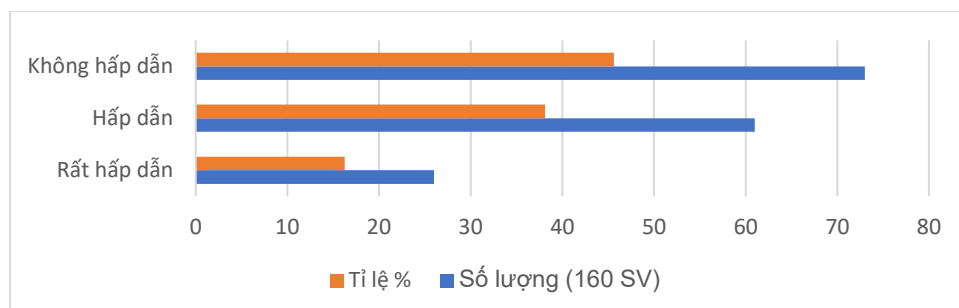
Kết quả điều tra 160 sinh viên cho thấy, có 35/160 ý kiến chiếm (21.9%) số sinh viên cho rằng giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thường xuyên; có tới 74/160 ý kiến chiếm (46.3%) số sinh viên cho rằng thầy, cô không thường xuyên (thỉnh thoảng) sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Có tới 51/160 ý kiến chiếm (31.9%) số sinh viên cho rằng chưa bao giờ giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ các kết quả trên cho thấy, cách thức dạy học của giảng viên còn nặng về phương pháp dạy học truyền thống, mức độ sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin còn hạn chế nên kết quả dạy và học chưa cao.

Sau khi khảo sát nhận thức của giảng viên tác giả tiến hành tìm hiểu thái độ học tập của sinh viên với môn học cũng như các phương pháp dạy học mà giảng viên đã áp dụng để dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Mức độ	Rất hấp dẫn	Hấp dẫn	Không hấp dẫn
Số lượng (160 SV)	26	61	73

Tỉ lệ %	16.3	38.1	45.6
---------	------	------	------

Bảng 1.8: Thống kê số liệu điều tra thái độ học tập của sinh viên với môn học cũng như các phương pháp dạy học mà giảng viên đã áp dụng để dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ thể hiện số liệu điều tra thái độ học tập của sinh viên với môn học cũng như các phương pháp dạy học mà giảng viên đã áp dụng để dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Kết quả điều tra 160 sinh viên cho thấy: Khi hỏi sinh viên với việc sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề tại lớp, sự hứng thú học tập của lớp ở mức độ nào? Kết quả cho thấy có 26/160, chiếm (16.3%) sinh viên cho rằng rất hấp dẫn, 61/160 SV chiếm 38.1% cho rằng hấp dẫn, 73/160, chiếm 45.6 % sinh viên cho rằng không hấp dẫn.

Qua điều tra về những sinh viên đã từng học qua học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, rõ ràng kết quả này đã chứng minh cho giả thuyết khoa học mà chúng tôi đã đưa ra. Những sinh viên được học theo phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin hầu hết đều nhận thấy sự cần thiết phải sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề khi dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Tuy nhiên, qua điều tra cho thấy, mức độ thiết kế và vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường còn vênh lệch nhất định, việc chuẩn bị cho vận dụng phương pháp còn chưa tích cực, thiếu chủ động, chưa chu đáo, có phần mang tính chủ quan, tùy tiện, ngẫu hứng...Mức độ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần còn hạn chế, nhiều giảng viên chưa thường xuyên vận dụng và sự vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề chủ yếu kết hợp với phương pháp dạy học thuyết trình, thảo luận; hình thức dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường chủ yếu là thuyết trình nêu vấn đề còn mang nặng tính thuyết trình truyền thống, chưa kết hợp với đa dạng các phương pháp, hình thức dạy học tích cực khác. Hiệu quả vận dụng dạy học giải quyết vấn đề Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường còn nhiều hạn chế: Có tới 73/160 SV chiếm 45.6 % cho rằng không hấp dẫn. Điều đó cho thấy, cần phải vận

dụng và nâng cao hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

Kết luận chương 1

Chương 1, chúng tôi nghiên cứu: Cơ sở lý luận của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, trong đó làm rõ các vấn đề cơ bản: Phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học nêu vấn đề – một trong những phương pháp quan trọng của dạy học tích cực; Khái quát về Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Cơ sở thực tiễn của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, trong đó làm rõ các vấn đề cơ bản: Thực trạng dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư; Thực trạng sử dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Những nghiên cứu về cơ sở lý luận và đánh giá chung của thực trạng vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư hiện nay, đã làm rõ vấn đề bức thiết đặt ra là t nâng cao hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư; đồng thời góp phần làm cho sinh viên có nhận thức toàn diện theo hướng tích cực, chủ động và khẳng định chất lượng dạy học môn học hiện nay.

Chương 2:

VẬN DỤNG VÀ THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.1.1. Quy trình vận dụng

*** Quy trình thiết kế bài giảng**

Bước 1: Nghiên cứu chương trình, đề cương chi tiết học phần, giáo trình môn học, xác định nội dung trụ cột của bài giảng, hệ thống các phương pháp, trong đó có phương pháp nêu vấn đề cần vận dụng trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

Bước 2: Xây dựng hệ thống bài toán nhận thức để sử dụng trong việc soạn giảng dạy học nội dung dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư bằng phương pháp nêu vấn đề.

Bước 3: Soạn Đề cương bài giảng theo cấu trúc logic quy định, chú trọng việc thiết kế nội dung giảng dạy bằng phương pháp nêu vấn đề theo cấu trúc các bước dạy học nêu vấn đề (Nhận biết vấn đề, Tìm các phương án giải quyết, Quyết định phương án giải quyết vấn đề);

*** Quy trình thực hiện trên lớp**

Bước 1: Giảng viên chỉ rõ những nội dung có vận dụng phương pháp nêu vấn đề, giới thiệu khái quát chung về các bước thực hiện trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề. Sinh viên vào quá trình nhận biết vấn đề, tiếp nhận bài toán nhận thức như một nhu cầu tự nhiên cần giải quyết; kích thích, gợi mở để sinh viên có động lực tìm phương án giải quyết vấn đề.

Bước 2: Sinh viên tìm các phương án giải quyết vấn đề theo các hình thức, phương pháp, kỹ thuật đa dạng, như: Đặt câu hỏi nêu vấn đề, đàm thoại nêu vấn đề, thảo luận nhóm, dạy học theo dự án, kỹ thuật khăn trải bàn, công não....dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của giảng viên.

Bước 3: Sinh viên quyết định phương án giải quyết vấn đề...dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của giảng viên. Giảng viên nhận xét, đánh giá toàn bộ quá trình sinh viên tham gia vào dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề, đặc biệt là quyết định phương án giải quyết vấn đề của sinh viên. Giảng viên cùng sinh viên đưa ra quyết định lựa chọn phương án tối ưu cho giải quyết vấn đề.

2.1.2. Nội dung vận dụng

CHƯƠNG 2

HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ

THAM GIA THỊ TRƯỜNG

(*Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 10 tiết*)

1. Tên bài học: **Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**

2. Lớp/Trình độ: ĐH

3. Thời gian:

I. MỤC ĐÍCH BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Chứng tỏ sự hiểu biết của mình về các vấn đề cơ bản của lý luận kinh tế chính trị học Mác Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

2. Về kỹ năng: Xác định được phương pháp, cách thức cốt lõi tiếp cận nội dung cơ bản của bài học; vận dụng được nội dung tri thức bài học vào việc giải thích các vấn đề của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nói riêng và kinh tế hàng hóa, thị trường trên thế giới hiện nay nói chung.

3. Về thái độ: Tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có niềm tin, lý tưởng cách mạng vào những quan điểm kinh tế - hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường của của Chủ nghĩa Mác Lênin.

II. CHUẨN ĐẦU RA BÀI HỌC

Sau khi học xong chương 2, người học cần đạt được:

1. Nắm được nội dung cơ bản của bài học: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường;

2. Xác định được phương pháp, cách thức cốt lõi tiếp cận nội dung cơ bản của bài học - hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường;

3. Vận dụng được phương pháp, cách thức cốt lõi để tiếp cận nội dung cơ bản của bài học; liên hệ được nội dung tri thức cốt lõi của bài học với học tập, rèn luyện của bản thân, thực tiễn đất nước.

III. NỘI DUNG TRỌNG TÂM & PPDH CƠ BẢN

3.1. Nội dung trọng tâm

- Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa
- Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

3.2. Phương pháp dạy học cơ bản

Chủ yếu dùng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực khác.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN

4.1. Chuẩn bị của giảng viên:

- Chuẩn bị Đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng;
- Các nội dung cần kiểm tra, đánh giá sinh viên trong quá trình dạy học.

4.2. Chuẩn bị của sinh viên:

- Tự đọc: Chương 2 trong Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Ban hành theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Kết luận số 94/KLTW/2014 về việc tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, giáo trình các môn khoa học Mác - Lênin và Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng biên soạn giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo tinh thần đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học dành cho hệ Đại học, Hội đồng biên soạn Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã biên soạn và cho ra mắt cuốn giáo trình dành cho hệ đào tạo Đại học không chuyên lý luận chính trị. Chương 2 trong “*Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), từ (trang 34 -83).

- Ghi chép lại những nội dung chưa hiểu, những vấn đề cần phải hỏi thêm, cần trao đổi, thảo luận.

V. PHƯƠNG TIỆN, TÀI LIỆU, TÀI NGUYÊN DẠY HỌC

1. Phương tiện: Máy chiếu; các phương tiện khác cho việc tổ chức các hoạt động học tập.

2. Tài liệu:

- *Tài liệu chính:* Chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác- Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin* do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2021.

- *Tài liệu tham khảo:*

+ Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin: Dành cho bậc đại học - không chuyên Lý luận chính trị. Tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành, tháng 8 năm 2019 / Ngô Tuấn Nghĩa (Ch.biên), Nguyễn Khắc Thanh, Đoàn Xuân Thủy,.... - H. : [s.n.], 2019. - 187tr. ; 30cm

+ Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin/ Vũ Hồng Tiến (Ch.biên), Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Ngọc Trờ. H. : Giáo dục, 1998. - 139tr.; 21cm

+ Hỏi - Đáp môn kinh tế chính trị Mác - Lênin/ An Như Hải (Ch.biên). - H. : Đại học quốc gia Hà Nội, 2008. - 146tr. ; 19cm

3. Tài nguyên: Sinh viên có thể khai thác tài liệu học tập liên quan đến chủ đề bài học trên các trên thư viện nhà trường; Kết nối thư viện số; Trong các trang thông tin điện tử trên các mạng chính thống.

VI. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Kiểm tra: Việc chuẩn bị bài mới; chuẩn bị giáo trình; các điều kiện khác cho học tập môn học.

2. Đánh giá: Chấp hành kỉ luật học tập; ý thức học tập của sinh viên; thực hiện các quy chế, quy định về học tập của sinh viên.

VII. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Chương 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

2.1. LÝ LUẬN CỦA C. MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

2.1.1. Sản xuất hàng hóa

- *Khái niệm sản xuất hàng hóa*

Theo C.Mác, sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó, những người sản xuất ra sản phẩm không nhằm phục vụ mục đích phục vụ nhu cầu tiêu dùng của chính mình mà để trao đổi, mua bán. Sản xuất hàng hóa không xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện của xã hội loài người. Để nền kinh tế hàng hóa có thể hình thành và phát triển, C.Mác cho rằng cần hội đủ hai điều kiện sau:

- *Hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa*

Điều kiện thứ nhất, phân công lao động xã hội.

Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động trong xã hội thành các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau, tạo nên sự chuyên môn hóa của những người sản xuất thành những ngành, nghề khác nhau. Khi đó, mỗi người chỉ sản xuất một hoặc một số sản phẩm nhất định. Trong khi nhu cầu của họ lại đòi hỏi nhiều loại sản phẩm. Để thỏa mãn nhu cầu của mình, tất yếu những người sản xuất phải trao đổi sản phẩm với nhau.

Điều kiện thứ hai, Sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất.

Sự tách biệt về mặt kinh tế giữa các chủ thể sản xuất làm cho giữa những người sản xuất độc lập với nhau, có sự tách biệt về lợi ích. Trong điều kiện đó, người này muốn tiêu dùng sản phẩm của người khác phải thông qua trao đổi, mua bán, tức là phải trao đổi dưới hình thức hàng hóa. C. Mác khẳng định: “Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như là những hàng hóa”¹. Sự tách biệt về mặt kinh tế giữa những người sản xuất là điều kiện đủ để nền sản xuất hàng hóa ra đời và phát triển.

Trong lịch sử, sự tách biệt về mặt kinh tế giữa các chủ thể sản xuất xuất hiện khách quan dựa vào sự tách bạch về quyền sở hữu. Xã hội loài người càng phát triển, sự tách biệt quyền sở hữu càng sâu sắc, hàng hóa được sản xuất ra càng phong phú.

Khi còn sự hiện diện của hai điều kiện nêu trên, con người không thể dùng ý chí chủ quan mà xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa được. Việc cố tình xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa, sẽ làm cho xã hội đi tới chỗ khan hiếm và khủng hoảng. Với ý nghĩa

¹ C.Mác và Ăngghen (1993), Toàn tập, tập 23, Nxb CTQG, H, tr.72

đó cần khẳng định, nền sản xuất hàng hóa có ưu thế tích cực vượt trội so với nền sản xuất tự cấp, tự túc.

Sau khi giảng xong hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá, để sinh viên hiểu sâu vấn đề, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu tiến hành như sau:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Tại sao nói, phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất là hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá? Xem xét hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá: Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất ở Việt Nam trong thời kỳ trước đổi mới đất nước (1975-1986) và trong thời kỳ đổi mới đất nước (1986-nay)? Từ đó, Anh (chị), có nhận xét gì về việc xác định chủ chương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Đặt sinh viên trước những khó khăn vừa sức, những khó khăn này khiến các em phải căng óc ra suy nghĩ giải quyết nhưng không được khó quá để làm mất hứng thú của sinh viên. Khó khăn có thể giải quyết được sẽ củng cố niềm tin của sinh viên. Giảng viên có thể gợi ý, gợi mở, hướng dẫn sinh viên để sinh viên giải quyết những vấn đề đặt ra trên đây.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết

Chia nhóm cho sinh viên thảo luận, tìm phương án trả lời:

Nhóm 1: Tại sao nói, phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất là hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá?

Nhóm 2: Xem xét điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá: Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới đất nước (1975-1986) và trong thời kỳ đổi mới đất nước (1986-nay)?

Nhóm 3: Từ đó, Anh (chị), có nhận xét gì về việc xác định chủ chương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Các nhóm thảo luận, tìm phương án giải quyết vấn đề dưới sự động viên, hướng dẫn, gợi mở của giảng viên.

Bước 3: Quyết định phương án (nêu vấn đề): Nhắc lại vấn đề cần giải quyết; đưa ra phương án giải quyết vấn đề. Quyết định phương án tối ưu giải quyết vấn đề:

Nhóm 1: Tại sao nói, phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất là hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá?

(Vi: Sản xuất hàng hoá chỉ ra đời khi có đủ hai điều kiện là: Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất. Phân công lao động xã hội làm cho người sản xuất phụ thuộc với nhau, thúc đẩy cho sản xuất phát triển đa dạng; sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất làm cho người sản

xuất độc lập với nhau, có quyền chi phối, quyết định vận mệnh của sản phẩm, đem sản phẩm đi bán dễ dàng, thuận tiện...).

Nhóm 2: Xem xét điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá: Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới đất nước (1975-1986) và trong thời kỳ đổi mới đất nước (1986-nay)?

Trước thời kỳ đổi mới đất nước giai đoạn (1975-1986) do không nhận thức tính tất yếu, sự cần thiết của phát triển kinh tế hàng hoá, nên ta đã duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chủ trương chỉ phát triển thành phần kinh tế mang bản chất của chủ nghĩa xã hội; chủ quan, nóng vội xoá bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, hạn chế sự tách biệt về mặt kinh tế giữa các chủ thể kinh tế; sự phân công lao động xã hội không được đẩy mạnh... Từ đó, bóp nghẹt, sản xuất hàng hoá không có cơ hội phát triển, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trong thời kỳ đổi mới đất nước (1986-nay), nhận thức được tính tất yếu, sự cần thiết của phát triển kinh tế hàng hoá, nên ta đã thúc đẩy phân công lao động xã hội phát triển, chủ trương phát triển nhiều thành phần kinh tế... sản xuất hàng hoá phát triển, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế cả về quy mô, hiệu quả, chất lượng.

Nhóm 3: Từ đó, Anh (chị), có nhận xét gì về việc xác định chủ chương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Chủ chương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là chủ trương đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển khách quan của lịch sử.

2.1.2. Hàng hóa

2.1.2.1. Khái niệm hàng hóa

Theo quan điểm của C.Mác, *hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán*. Như vậy, sản phẩm của lao động chỉ mang hình thái hàng hóa khi nhằm đưa ra trao đổi, mua bán trên thị trường. Nghĩa là, có thể có yếu tố sản phẩm của lao động song không là hàng hóa khi sản phẩm đó không được đem ra trao đổi hoặc không nhằm mục đích sản xuất để trao đổi. Hàng hóa có thể sử dụng cho nhu cầu cá nhân hoặc nhu cầu sản xuất. Hàng hóa có thể tồn tại ở dạng vật thể hoặc ở dạng phi vật thể.

2.1.2.2. Thuộc tính của hàng hóa

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề thuộc tính của hàng hóa, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên hận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết

trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Hai thuộc tính của hàng hoá là gì? So sánh tìm ra điểm giống và khác nhau căn bản giữa hai thuộc tính của hàng hoá?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề. Gọi sinh viên trả lời, đưa ra phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Điểm giống và khác nhau căn bản giữa hai thuộc tính của hàng hoá?

* Trên cơ sở trình bày của người học, về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Hai thuộc tính của hàng hoá là gì? So sánh tìm ra điểm giống và khác nhau căn bản giữa hai thuộc tính của hàng hoá?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề. Gọi sinh viên trả lời, đưa ra phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

- Hàng hoá có hai thuộc tính (Giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa)
- Điểm giống và khác nhau căn bản giữa hai thuộc tính của hàng hoá?

Giá trị sử dụng của hàng hóa	Giá trị của hàng hóa
- Giống nhau: Đều là thuộc tính của hàng hoá	
- Khác nhau:	
Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người.	Giá trị của hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá.
Giá trị sử dụng gắn liền với vật phẩm, là một phạm trù vĩnh viễn.	Giá trị hàng hóa chỉ tồn tại trong nền sản xuất hàng hóa, là một phạm trù lịch sử.
Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của vật phẩm, trình độ phát triển khoa học công nghệ; trình độ nhận thức của con người...	Giá trị hàng hóa do hao phí lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng quyết định.
Giá trị sử dụng của những hàng hóa khác nhau là khác nhau về chất.	Giá trị của những hàng hóa khác nhau đồng nhất với nhau về chất, chỉ khác nhau về lượng.
Giá trị sử dụng là điều kiện của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải trao đổi hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau.	Giá trị là nội dung, cơ sở của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải dựa trên cơ sở giá trị của hàng hóa.
Giá trị sử dụng chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng, được thực hiện trong lĩnh vực tiêu dùng.	Giá trị thể hiện thông qua giá trị trao đổi, được thực hiện trong lĩnh vực trao đổi, lưu thông...

Giá trị sử dụng là cái cần cơ bản của người tiêu dùng, người mua. Vì trong mua bán, người tiêu dùng, người mua cũng quan tâm đến giá trị, nhưng mối quan tâm lớn nhất của người mua là giá trị sử dụng...	Giá trị là cái cần cơ bản của người sản xuất, người bán. Vì trong mua bán, người bán, người sản xuất cũng quan tâm đến giá trị sử dụng, nhưng mối quan tâm lớn nhất của họ là giá trị, là thu được nhiều tiền hơn...
---	--

2.1.2.3. Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa là gì? Tại sao, bên cạnh khái niệm giá trị của hàng hóa, Kinh tế chính trị Mác -Lênin lại bàn đến khái niệm lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa? Tại sao để đo lường lượng giá trị của một hàng hóa nhất định, sử dụng đơn vị thời gian, tuy nhiên, không phải là đơn vị thời gian bất kỳ mà là thời gian lao động xã hội cần thiết?

Kể tên các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa? Làm rõ các nhân tố trên ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa như thế nào? Ý nghĩa của việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề. Gọi sinh viên trả lời, đưa ra phương án giải quyết vấn đề trên.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi trên.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa là gì? Tại sao, bên cạnh khái niệm giá trị của hàng hóa, Kinh tế chính trị Mác -Lênin lại bàn đến khái niệm lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa? Tại sao để đo lường lượng giá trị của một hàng hóa nhất định, sử dụng đơn vị thời gian, tuy nhiên, không phải là đơn vị thời gian bất kỳ mà là thời gian lao động xã hội cần thiết?

Kể tên các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa? Làm rõ các nhân tố trên ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa như thế nào? Ý nghĩa của

việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa là lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra đơn vị hàng hóa đó. Bên cạnh khái niệm giá trị của hàng hóa, Kinh tế chính trị Mác -Lênin lại bàn đến khái niệm lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa, vì: Hàng hoá nào cũng có giá trị, cũng do lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra đơn vị hàng hóa đó. Nhưng mỗi hàng hoá khác nhau bao giờ cũng có lượng giá trị khác nhau, cũng có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết khác nhau để sản xuất ra đơn vị hàng hóa đó. Tại sao để đo lường lượng giá trị của một hàng hóa nhất định, sử dụng đơn vị thời gian, tuy nhiên, không phải là đơn vị thời gian bất kỳ mà là thời gian lao động xã hội cần thiết, tại vì: Giá trị của hàng hoá chỉ được tạo ra, được xác định bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.

Kể tên các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?: (*Một là, năng suất lao động; Hai là, cường độ lao động; Ba là, tính chất phức tạp hay giản đơn của lao động*). Làm rõ các nhân tố trên ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa như thế nào? (Năng suất lao động xã hội tăng lên, tổng chung của lượng giá trị hàng hoá không đổi, nhưng lượng giá trị của mỗi đơn vị hàng hoá giảm xuống. Tăng năng suất lao động xã hội có quan hệ tỉ lệ nghịch với tăng lượng giá trị của mỗi đơn vị hàng hoá, khi năng suất lao động tăng lên, lượng giá trị mỗi đơn vị giảm xuống và ngược lại. Khi cường độ lao động tăng lên, tổng chung của lượng giá trị hàng hoá tăng lên, nhưng lượng giá trị của mỗi đơn vị hàng hoá không đổi. Tính chất phức tạp hay giản đơn của lao động. Trong cùng một đơn vị thời gian, lao động phức tạp tạo ra giá trị nhiều hơn lao động giản đơn. Lao động phức tạp là bội số của lao động giản đơn. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa: Trong sản xuất hàng hoá, cần phải quan tâm đến cả 3 nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá (*Một là, năng suất lao động; Hai là, cường độ lao động; Ba là, tính chất phức tạp hay giản đơn của lao động*). Trong xu hướng tiến bộ, hiện đại; trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt; khi khoa học công nghệ, cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ, để thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển cần quan tâm đến tăng năng suất lao động, tính chất phức tạp hay giản đơn của lao động.

2.1.2.4. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

C.Mác phát hiện ra rằng, sở dĩ hàng hóa có hai thuộc tính là do lao động của người sản xuất hàng hóa có tính hai mặt. Tính hai mặt đó là: mặt *cụ thể* và mặt *trừu tượng* của lao động.

Lao động cụ thể là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Mỗi lao động cụ thể có mục đích lao động riêng, đối

tượng lao động riêng, công cụ lao động riêng, phương pháp lao động riêng và kết quả riêng. Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hoá. Các loại lao động cụ thể khác nhau về chất nên tạo ra những sản phẩm cũng khác nhau về chất và mỗi sản phẩm có một giá trị sử dụng riêng. Trong đời sống xã hội, có vô số những hàng hoá với những giá trị sử dụng khác nhau do lao động cụ thể đa dạng, muôn hình muôn vẻ tạo nên. Phân công lao động xã hội càng phát triển thì xã hội càng nhiều ngành nghề khác nhau, do đó có nhiều giá trị sử dụng khác nhau. Khoa học kỹ thuật, phân công lao động càng phát triển thì các hình thức lao động cụ thể càng phong phú, đa dạng.

Lao động trừu tượng là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá không kê đến hình thức cụ thể của nó; đó là sự hao phí sức lao động nói chung của người sản xuất hàng hoá về cơ bắp, thần kinh, trí óc. Lao động trừu tượng là lao động đồng chất của người sản xuất hàng hoá. Lao động trừu tượng tạo ra giá trị của hàng hoá.

Vì vậy, giá trị hàng hoá là lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá. Lao động trừu tượng là cơ sở để so sánh, trao đổi các giá trị sử dụng khác nhau.

VD: Sau khi giảng xong hai thuộc tính của hàng hoá và tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá, để sinh viên hiểu sâu vấn đề, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu tiến hành như sau:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Hai thuộc tính của hàng hoá là gì? Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá là gì? Tại sao, hàng hoá có hai thuộc tính?

Đặt sinh viên trước những khó khăn vừa sức, những khó khăn này khiến các em phải suy nghĩ giải quyết nhưng không được khó quá để làm mất hứng thú của sinh viên. Khó khăn có thể giải quyết được sẽ củng cố niềm tin của sinh viên. Giảng viên có thể gợi ý, gợi mở, hướng dẫn sinh viên để sinh viên giải quyết những vấn đề đặt ra trên đây.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết

Hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề. Gọi sinh viên trả lời, đưa ra phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án (nêu vấn đề): Nhắc lại vấn đề cần giải quyết; đưa ra phương án giải quyết vấn đề. Quyết định phương án tối ưu giải quyết vấn đề:

Hai thuộc tính của hàng hoá là (Giá trị và giá trị sử dụng)? Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá là (Lao động cụ thể và lao động trừu tượng) ? Hàng hoá có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng vì lao động sản xuất hàng hoá có tính chất hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng và lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hoá.

2.1.3. Tiền

VD: Để sinh viên hiểu sâu vấn đề nguồn gốc, bản chất, chức năng của tiền giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu tiến hành như sau:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Tại sao, C.Mác khẳng định: Tiền là kết quả của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa, là sản phẩm của sự phát triển các hình thái giá trị?

Tại sao nói: Tiền là một loại hàng hóa đặc biệt, phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa ?

Tiền có các chức năng cơ bản nào? Sự hình thành và phát triển của các chức năng của tiền phụ thuộc vào yếu tố cơ bản nhất là gì?

Đặt sinh viên trước những khó khăn vừa sức, những khó khăn này khiến các em phải suy nghĩ giải quyết nhưng không được khó quá để làm mất hứng thú của sinh viên. Khó khăn có thể giải quyết được sẽ củng cố niềm tin của sinh viên. Vì vậy, giảng viên có thể gợi ý, gợi mở, hướng dẫn sinh viên để sinh viên giải quyết những vấn đề đặt ra trên đây.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

- Giảng viên chia lớp thành 03 nhóm để sinh viên ở nhà suy nghĩ, tìm phương án giải quyết, đến lớp 03 vấn đề:

Nhóm 1: Tại sao, C.Mác khẳng định: Tiền là kết quả của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa, là sản phẩm của sự phát triển các hình thái giá trị?

Nhóm 2: Tại sao nói: Tiền là một loại hàng hóa đặc biệt, phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa ?

Nhóm 3: Tiền có các chức năng cơ bản nào? Sự hình thành và phát triển của các chức năng của tiền phụ thuộc vào yếu tố cơ bản nhất là gì?

- Hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề. Gọi sinh viên trả lời, đưa ra phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề: Nhắc lại vấn đề cần giải quyết; đưa ra phương án giải quyết vấn đề. Quyết định phương án tối ưu giải quyết vấn đề:

Nhóm 1: Tại sao, C. Mác khẳng định: Tiền là kết quả của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa, là sản phẩm của sự phát triển các hình thái giá trị?

- Tiền là kết quả của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa, vì: (Phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa dẫn đến mâu thuẫn: Giá trị và giá trị sử dụng cùng nằm, không thể tách rời trong hàng hoá. Người mua và người bán - hai chủ thể khác nhau đều có mục đích khác nhau trong thực hiện hai thuộc tính đó. Người bán có mục đích cao nhất là giá trị hàng hoá, người mua có mục đích cao nhất là giá trị sử dụng hàng hoá. Vì vậy, người mua muốn được toàn quyền sử dụng hàng hoá, cần phải có một lượng tiền nhất định trả cho người bán hàng hoá tương xứng

với giá trị sử dụng và giá trị hàng hoá. Khi đó, tiền ra đời, tiền ra đời là kết quả của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa).

- Tiền là kết quả của sự phát triển các hình thái giá trị hàng hoá? Giá trị hàng hoá có quá trình phát triển qua các hình thái: Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên, hình thái giá trị mở rộng, hình thái giá trị chung, hình thái tiền của giá trị hàng hóa xuất hiện... Sự phát triển của các hình thái giá trị bắt nguồn từ sự phát triển khách quan của sự phát triển sản xuất hàng hoá.

Nhóm 2: Tại sao nói: Tiền là một loại hàng hóa đặc biệt, phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa?

Tiền là một loại hàng hóa đặc biệt, vì: Tiền là vật ngang giá chung cho mọi loại hàng hoá, khi tiền xuất hiện thế giới hàng hoá chia làm hai khu vực, một bên là thế giới các loại hàng hoá, và một bên là tiền.

Tiền phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa, vì: Tiền là giá cả của giá trị hàng hoá, giá trị hàng hoá do hao phí lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá. Tiền là phương tiện trao đổi giữa người sản xuất và trao đổi hàng hóa.

Nhóm 3: Tiền có các chức năng cơ bản nào? Phải chăng khi tiền xuất hiện tiền đã có đầy đủ luôn các chức năng cơ bản đó? Sự hình thành và phát triển của các chức năng của tiền phụ thuộc vào yếu tố cơ bản nhất là gì?

- Tiền có các chức năng cơ bản: Thước đo giá trị; Phương tiện lưu thông; Phương tiện cất trữ; Phương tiện thanh toán; Tiền tệ thế giới.

- Không phải khi xuất hiện, tiền đã có đầy đủ các chức năng cơ bản trên.

- Sự hình thành và phát triển các chức năng của tiền phụ thuộc vào yếu tố cơ bản nhất là sự phát triển không ngừng của sản xuất và trao đổi hàng hoá.

2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt

Dịch vụ

Theo cách hiểu của kinh tế chính trị Mác - Lênin, dịch vụ là một loại hàng hóa, nhưng đó là hàng hóa vô hình.

Để có được các loại dịch vụ, người ta cũng phải hao phí sức lao động và mục đích của việc cung ứng dịch vụ cũng là nhằm thỏa mãn nhu cầu của người có nhu cầu về loại hình dịch vụ đó.

Giá trị sử dụng của dịch vụ không phải là phục vụ trực tiếp người cung ứng dịch vụ. Với cách tiếp cận như vậy, dịch vụ là hàng hóa, nhưng đó là hàng hóa vô hình.

Khác với hàng hóa thông thường, dịch vụ là hàng hóa không thể cất trữ. Việc sản xuất và tiêu dùng dịch vụ được diễn ra đồng thời, Trong điều kiện ngày nay, do sự phát triển của phân công lao động xã hội dưới tác động của sự phát triển khoa học công nghệ, dịch vụ ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thỏa mãn nhu cầu văn

minh của con người.

Một số hàng hóa đặc biệt

Tính đặc biệt của các hàng hóa đó thể hiện ở điểm, chúng có các đặc trưng như: có giá trị sử dụng, có giá cả, có thể trao đổi, mua bán nhưng lại không do hao phí lao động trực tiếp tạo ra như các hàng hóa thông thường khác.

Khi xuất hiện hiện tượng trao đổi, mua bán các hàng hóa đặc biệt như vậy, làm cho nhiều người ngộ nhận cho rằng lý luận về hàng hóa của C.Mác không còn phù hợp. Thực chất do họ chưa phân biệt được hàng hóa và những yếu tố có tính hàng hóa. Quyền sử dụng đất đai, thương hiệu (danh tiếng), chứng khoán, chứng quyền là một số yếu tố điển hình trong số đó. Sau đây sẽ xem xét về các yếu tố này.

Quyền sử dụng đất đai

Khi thực hiện mua, bán quyền sử dụng đất, nhiều người lầm tưởng đó là mua bán đất đai. Trên thực tế, họ trao đổi với nhau quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất, có giá trị sử dụng, có giá cả nhưng không do hao phí lao động tạo ra theo cách như các hàng hóa thông thường. Thực tế, giá cả của quyền sử dụng đất nảy sinh là do tính khan hiếm của bề mặt vỏ quả địa cầu và do trình độ phát triển của sản xuất.

Sự phát triển của sản xuất gia tăng làm nảy sinh nhu cầu cần mặt bằng để kinh doanh; sự gia tăng quy mô dân số thúc đẩy nhu cầu về mặt bằng để cư trú. Trong khi quyền sử dụng đất lại được ấn định cho các chủ thể nhất định. Cho nên, xuất hiện nhu cầu mua, bán quyền sử dụng đất. Trong quan hệ đó, người mua và người bán phải trả hoặc nhận được một lượng tiền. Đó là giá cả của quyền sử dụng đất.

Ngày nay, do nhu cầu nguồn lực và mặt bằng để phục vụ sản xuất, kinh doanh, người ta có thể mua, bán cả quyền sử dụng mặt nước, thậm chí một phần mặt biển, sông, hồ... những hiện tượng này chỉ là sự phái sinh của việc sử dụng mảnh vỏ quả địa cầu để trao đổi, mua bán dựa trên quyền sử dụng đã được thừa nhận mà thôi.

Trong xã hội hiện đại, xuất hiện hiện tượng một bộ phận xã hội trở nên có số lượng tiền nhiều (theo quan niệm thông thường là giàu có) do mua bán quyền sử dụng đất. Vậy bản chất của hiện tượng này là gì?

Xét về bản chất, số lượng tiền đó chính là hệ quả của việc tiền từ túi chủ thể này, chuyển qua túi chủ thể khác. Tiền trong trường hợp như vậy là phương tiện thanh toán, không phải là thước đo giá trị.

Nhưng do thực tế, có nhiều tiền là có thể mua được các hàng hóa khác, nên người ta thường cho rằng có nhiều giá trị (hay giàu có). Sự thực, không phải như vậy. Từng cá nhân có thể trở nên giàu có nhờ buôn bán quyền sử dụng đất, do so sánh số tiền mà họ bỏ ra với số tiền mà họ thu được là có chênh lệch dương. Nhưng, một xã hội chỉ có thể giàu có nhờ đi từ sản xuất tạo ra hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ), của cải

chứ không thể chỉ đi từ mua bán quyền sử dụng đất.

Thương hiệu (danh tiếng)

Trong thực tế ngày nay, thương hiệu của một doanh nghiệp (hay danh tiếng của một cá nhân) cũng có thể được trao đổi, mua bán, được định giá, tức chúng có giá cả, thậm chí có giá cả cao. Đây là những yếu tố có tính hàng hóa và gần với lý luận hàng hóa của C.Mác. Bởi lẽ, thương hiệu hay danh tiếng không phải ngay tự nhiên mà có được, nó phải là kết quả của sự nỗ lực của sự hao phí sức lao động của người nắm giữ thương hiệu, thậm chí là của nhiều người

Chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá

Chứng khoán, chứng quyền, các loại giấy tờ có giá khác cũng có một số đặc trưng như hàng hóa, mang lại thu nhập cho người mua, bán. Sự phát triển của các giao dịch mua, bán chứng khoán, chứng quyền dần thúc đẩy hình thành một loại thị trường yếu tố có tính hàng hóa phái sinh, phân biệt với thị trường hàng hóa (dịch vụ thực) - thị trường chứng khoán, chứng quyền. C.Mác gọi những hàng hóa này là tư bản giả, để phân biệt với tư bản tham gia quá trình sản xuất trao đổi hàng hóa thực trong nền kinh tế. Mặc dù thị trường chứng khoán, chứng quyền là một kênh rất quan trọng để một số chủ thể làm giàu và thúc đẩy các giao dịch vốn cho nền kinh tế, song thực tế cũng cho thấy, có nhiều người giàu lên, cũng có nhiều người rơi vào tình trạng khánh kiệt khi chứng khoán không mua, bán được.

2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

2.2.1. Thị trường

2.2.1.1. Khái niệm và vai trò của thị trường

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề khái niệm và vai trò của thị trường, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Thị trường là gì? Các vai trò cốt lõi của thị trường? Giải thích được tại sao thị trường lại có vai trò đó.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi trên. Thị trường là gì? Các vai trò cốt lõi của thị trường? Giải thích được tại sao thị trường lại có vai trò đó.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Thị trường là gì? Các vai trò cốt lõi của thị trường? Giải thích được tại sao thị trường lại có vai trò đó.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

- Theo nghĩa hẹp, thị trường được hiểu là chợ, cửa hàng, quầy hàng lưu động, phòng giao dịch, hay siêu thị và nhiều hình thức tổ chức giao dịch mua bán khác. Theo nghĩa rộng, thị trường là tổng hòa những quan hệ kinh tế (gồm quan hệ về cung, cầu, giá cả; hàng hóa, tiền tệ; giá trị sử dụng, giá trị, giá trị trao đổi; hợp tác, cạnh tranh; trong nước, ngoài nước...), trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác lập giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội.

- Các vai trò cốt lõi của thị trường: *Một là*, thị trường thực hiện giá trị hàng hóa, là điều kiện, môi trường cho sản xuất phát triển; *Hai là*, thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội, tạo ra cách thức phân bổ nguồn lực hiệu quả trong nền kinh tế. *Ba là*, thị trường gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể, gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

- Giải thích được tại sao thị trường lại có vai trò đó.

Một là, thị trường thực hiện giá trị hàng hóa, là điều kiện, môi trường cho sản xuất phát triển. Thị trường là nơi thực hiện giá trị hàng hóa vì: Giá trị của hàng hóa được thực hiện thông qua trao đổi. Việc trao đổi phải được diễn ra ở thị trường. Thị trường là môi trường để các chủ thể thực hiện giá trị hàng hóa. Thị trường là điều kiện, môi trường cho sản xuất phát triển vì: Trong kinh tế thị trường, để sản xuất phát triển thì sản xuất, lưu thông, trao đổi, tiêu dùng phải gắn kết với nhau; Sản xuất hàng hóa phát triển, hàng hóa, dịch vụ nhiều, đòi hỏi thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn; Sự mở rộng thị trường làm cho hàng hóa, dịch vụ sản xuất được tiêu thụ, từ đó thúc đẩy trở lại sản xuất phát triển. Ngoài ra, thị trường còn có vai trò thông tin, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đặt ra các nhu cầu cho sản xuất cũng như nhu cầu tiêu dùng. Vì vậy, thị trường là môi trường, là điều kiện không thể thiếu được của quá trình sản xuất kinh doanh.

Hai là, thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội, tạo ra cách thức phân bổ nguồn lực hiệu quả trong nền kinh tế. Thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội, vì: Trong thị trường các quan hệ kinh tế, các quy luật kinh tế không ngừng vận động, phát triển. Để đáp ứng sự vận động, phát triển đó, các thành viên trong xã hội phải không ngừng nỗ lực, sáng tạo để đem

lại những nhu cầu, lợi ích kinh tế. Khi nhu cầu, lợi ích kinh tế được đáp ứng, động lực cho sự nỗ lực, sáng tạo được thúc đẩy. Cứ như vậy, thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội. Thị trường tạo ra cách thức phân bổ nguồn lực hiệu quả trong nền kinh tế, vì: Thị trường tạo ra cách thức để khai thác có hiệu quả các nguồn lực kinh tế; tạo ra cơ chế để lựa chọn các chủ thể có năng lực trong sử dụng nguồn lực kinh tế; để điều tiết, phân bổ các nguồn lực kinh tế đến các chủ thể sử dụng hiệu quả.

Ba là, thị trường gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể, gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới. Thị trường gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể, gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới, vì: Thị trường làm cho các quan hệ sản xuất lưu thông, phân phối, tiêu dùng trong một quốc gia trở thành một thể thống nhất; làm cho kinh tế trong nước gắn liền với nền kinh tế thế giới. Thị trường phá vỡ ranh giới sản xuất tự nhiên, tự cấp, tự túc để tạo thành hệ thống nhất định trong nền kinh tế; góp phần thúc đẩy sự gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

- Vai trò của thị trường luôn không tách rời với cơ chế thị trường. Thị trường trở nên sống động bởi có sự vận hành của cơ chế thị trường. *Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế.* Cơ chế thị trường là phương thức cơ bản để phân phối và sử dụng các nguồn vốn, tài nguyên, công nghệ, sức lao động, thông tin, trí tuệ... Đây là một kiểu cơ chế vận hành nền kinh tế mang tính khách quan, do bản thân nền sản xuất hàng hóa hình thành. Cơ chế thị trường được A.Smith ví như là một bàn tay vô hình có khả năng tự điều chỉnh các quan hệ kinh tế.

2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề cơ chế thị trường là gì? Bản chất và các đặc trưng phổ biến của nền kinh tế thị trường. Những ưu thế và hạn chế chủ yếu của nền kinh tế thị trường, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Cơ chế thị trường là gì? Bản chất và các đặc trưng phổ biến của nền kinh tế thị trường. Những ưu thế và hạn chế chủ yếu của nền kinh tế thị trường.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi trên. Thị trường là gì? Các vai trò cốt lõi của thị trường? Giải thích được tại sao thị trường lại có vai trò đó.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Cơ chế thị trường là gì? Bản chất và các đặc trưng phổ biến của nền kinh tế thị trường. Những ưu thế và hạn chế chủ yếu của nền kinh tế thị trường.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

- Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế. Dấu hiệu đặc trưng của cơ chế thị trường là cơ chế hình thành giá cả một cách tự do. Cơ chế thị trường là phương thức cơ bản để phân phối và sử dụng các nguồn vốn, tài nguyên, công nghệ, sức lao động, thông tin, trí tuệ...

- Bản chất của nền kinh tế thị trường: Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao; ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật thị trường; vận hành theo cơ chế thị trường. Sự hình thành nền kinh tế thị trường là một quá trình lịch sử - khách quan. Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại.

- Đặc trưng phổ biến của nền kinh tế thị trường: (i) Có sự đa dạng của các chủ thể kinh tế, các hình thức sở hữu; động lực trực tiếp của các chủ thể sản xuất kinh doanh là lợi nhuận và lợi ích kinh tế xã hội khác; (jj) Thị trường đóng vai trò quyết định trong việc phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các thị trường bộ phận...; (jjj) Giá cả được hình thành theo nguyên tắc thị trường; cạnh tranh vừa là môi trường, vừa là động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh; nhà nước là chủ thể thực hiện chức năng quản lý, chức năng kinh tế...; (jjjj) Là nền kinh tế mở, thị trường trong nước gắn liền với thị trường quốc tế.

- Những ưu thế và hạn chế chủ yếu của nền kinh tế thị trường

* *Ưu thế chủ yếu:*

Một là, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra động lực mạnh mẽ cho các chủ thể kinh tế hình thành ý tưởng mới. Sở dĩ nền kinh tế thị trường luôn tạo ra động lực mạnh mẽ cho các chủ thể kinh tế hình thành ý tưởng mới, vì: Tham gia vào nền kinh tế thị trường, các chủ thể kinh tế sẽ tham gia vào tổng thể các quan hệ kinh tế đa dạng, chịu sự chi phối của cơ chế thị trường, các quy luật kinh tế khách quan; từ đó các chủ thể kinh tế phải tích cực, năng động, sáng tạo hơn, phải hình thành nhiều ý tưởng sản xuất, kinh doanh mới. Mặt khác, nền kinh tế thị trường tạo ra môi trường

tự do cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh, các mô hình sản xuất, kinh doanh; lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế mang lại từ nền kinh tế thị trường luôn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy các chủ thể kinh tế hình thành ý tưởng sản xuất, kinh doanh mới...

Hai là, nền kinh tế thị trường luôn phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của mọi chủ thể, vùng, miền, quốc gia. Sở dĩ nền kinh tế thị trường luôn phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của mọi chủ thể, vùng, miền, quốc gia, vì: Thông qua sự gắn kết của thị trường mà nền kinh tế thị trường trở thành phương thức có hiệu quả nhất để khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của mọi chủ thể, vùng, miền, quốc gia.

Ba là, luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội. Sở dĩ nền kinh tế thị trường luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội, vì: Trong nền kinh tế thị trường, sự tác động của các quy luật thị trường, của cơ chế thị trường, các thành viên của xã hội luôn có thể tìm thấy cơ hội tối đa để thỏa mãn nhu cầu của mình về khối lượng, cơ cấu hàng hóa, dịch vụ. Thông qua đó, nền kinh tế thị trường trở thành phương thức để thúc đẩy văn minh, tiến bộ xã hội.

** Hạn chế chủ yếu:*

Bên cạnh những ưu thế, kinh tế thị trường cũng những hạn chế, khuyết tật vốn có. Những hạn chế, khuyết tật chủ yếu của kinh tế thị trường bao gồm:

Một là, trong nền kinh tế thị trường luôn tiềm ẩn những rủi ro khủng hoảng, vì: Sự vận động của cơ chế thị trường không phải khi nào cũng tạo ra được những cân đối, do đó, luôn tiềm ẩn những nguy cơ khủng hoảng. Khủng hoảng có thể diễn ra ở mọi quy mô, phạm vi, mọi loại hình thị trường, với mọi nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được những rủi ro tiềm ẩn này.

Hai là, nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái môi trường tự nhiên, xã hội, vì: Trong nền kinh tế thị trường, do phần lớn các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn đặt mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận tối đa nên luôn có xu hướng khai thác cạn kiệt tài nguyên, suy thoái môi trường; vi phạm cả nguyên tắc đạo đức, để chạy theo mục tiêu làm giàu thậm chí phi pháp; có thể không tham gia vào các lĩnh vực quan trọng, thiết yếu cho nền kinh tế (nhưng có lợi nhuận kỳ vọng thấp, rủi ro cao, quy mô đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài...), góp phần gây ra sự xói mòn đạo đức sản xuất, kinh doanh, thậm chí cả đạo đức xã hội. Tự bản thân nền kinh tế thị trường không thể khắc phục được các khuyết tật này.

Ba là, nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc (về thu nhập, về cơ hội) trong xã hội, vì: Trong nền kinh tế thị trường, hiện tượng phân hóa xã hội về thu nhập, về cơ hội là tất yếu. Các quy luật thị trường luôn phân bổ lợi ích theo mức độ và loại hình hoạt động tham gia thị trường, cộng với tác

động của cạnh tranh mà dẫn đến sự phân hóa như một tất yếu. Đây là khuyết tật của nền kinh tế thị trường cần phải có sự bổ sung và điều tiết bởi vai trò của nhà nước.

2.2.1.3. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

- Kể tên một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường?
- Làm rõ nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường?
- Mỗi nhóm chuẩn bị làm rõ nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của một quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi trên.

- Kể tên một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường?
- Làm rõ nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường?
- Mỗi nhóm chuẩn bị làm rõ nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của một quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

- Kể tên một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường?
- Làm rõ nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường?
- Mỗi nhóm chuẩn bị làm rõ nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của một quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

* Nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của quy luật giá trị.

Nội dung của quy luật giá trị: Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hoá; ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự hoạt động của quy luật giá trị.

Yêu cầu của quy luật giá trị: Quy luật giá trị yêu cầu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở của hao phí lao động xã hội cần thiết. Theo yêu cầu của quy luật giá trị, người sản xuất muốn bán được hàng hóa trên thị trường, muốn được xã hội thừa nhận sản phẩm thì lượng giá trị của một hàng hoá cá biệt phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết. Vì vậy, họ phải luôn luôn tìm cách hạ thấp hao phí lao động cá biệt xuống nhỏ hơn hoặc bằng hao phí lao động xã hội cần thiết. Trong lĩnh vực trao đổi, phải tiến hành theo nguyên tắc ngang giá, lấy giá trị xã hội làm cơ sở, không dựa trên giá trị cá biệt.

Cơ chế tác động của quy luật giá trị: Quy luật giá trị hoạt động và phát huy tác dụng thông qua sự vận động của giá cả thị trường xung quanh giá trị dưới sự tác động của quan hệ cung - cầu. Giá cả thị trường lên xuống xoay quanh giá trị hàng hóa trở thành cơ chế tác động của quy luật giá trị. Thông qua sự vận động của giá cả thị trường sẽ thấy được sự hoạt động của quy luật giá trị. Những người sản xuất và trao đổi hàng hóa phải tuân theo mệnh lệnh của giá cả thị trường.

Tác động của quy luật giá trị: Trong nền kinh tế hàng hóa, quy luật giá trị có những tác động cơ bản sau:

Thứ nhất, điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Quy luật giá trị có tác động điều tiết sản xuất, vì: Sự vận động của quy luật giá trị biểu hiện thông qua sự biến động của giá cả thị trường, thông qua giá cả thị trường, người sản xuất biết được tình hình cung - cầu của hàng hóa đó và quyết định phương án sản xuất. Nếu hàng hóa nào có cung lớn hơn cầu, giá cả hàng hóa nhỏ hơn giá trị, thì việc sản xuất không phù hợp với yêu cầu xã hội; người đang sản xuất mặt hàng này sẽ thu hẹp quy mô sản xuất hoặc chuyển sang sản xuất mặt hàng khác có cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hóa cao hơn giá trị. Ngược lại, nếu hàng hóa nào có cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hóa lớn hơn, hoặc bằng giá trị, thì việc sản xuất phù hợp với yêu cầu xã hội; người đang sản xuất mặt hàng này sẽ mở rộng quy mô sản xuất hoặc những người đang sản xuất mặt hàng khác bán chậm, lãi ít sẽ chuyển sang sản xuất mặt hàng đó. Kết quả là tư liệu sản xuất và sức lao động dịch chuyển từ ngành này sang ngành khác, sản xuất được điều tiết.

Quy luật giá trị có tác động điều tiết lưu thông, vì: Thông qua mệnh lệnh của giá cả thị trường, quy luật giá trị điều tiết hàng hóa từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao, từ nơi cung lớn hơn cầu đến nơi cung nhỏ hơn cầu, góp phần điều tiết lưu thông, làm cân bằng cung cầu hàng hóa trên thị trường.

Thứ hai, kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động.

Quy luật giá trị có tác động kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, vì: Quy luật giá trị yêu cầu việc sản xuất hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở của hao phí lao động xã hội cần thiết. Người sản xuất có giá trị cá biệt nhỏ hơn giá trị xã hội, khi bán theo giá trị xã hội sẽ thu được nhiều lợi nhuận hơn. Ngược lại, người sản xuất có giá trị cá biệt lớn hơn giá trị xã hội sẽ gặp bất lợi hoặc thua lỗ. Để đứng vững trong cạnh tranh, tránh không bị phá sản, người sản xuất phải làm cho giá trị cá biệt hàng hóa của mình nhỏ hơn hoặc bằng giá trị xã hội. Muốn vậy, phải cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới phương pháp quản lý, thực hiện tiết kiệm, áp dụng công nghệ mới... Kết quả lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, năng suất lao động xã hội tăng lên, chi phí sản xuất hàng hóa giảm xuống.

Quy luật giá trị có tác động kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, vì: Quy luật giá trị yêu cầu việc lưu thông hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở của hao phí lao động xã hội cần thiết. Trong lưu thông, để bán được nhiều hàng hóa, người sản xuất phải nâng cao chất lượng phục vụ, quảng cáo, tổ chức tốt khâu bán hàng... làm cho quá trình lưu thông được hiệu quả cao hơn, nhanh chóng, thuận tiện với chi phí thấp nhất. Việc làm trên, sẽ kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, kinh doanh.

Thứ ba, phân hoá những người sản xuất thành những người giàu, người nghèo một cách tự nhiên.

- Quy luật giá trị có tác động phân hoá những người sản xuất thành những người giàu, người nghèo, vì: Quá trình cạnh tranh theo đuổi giá trị tất yếu dẫn đến kết quả là: những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ kiến thức cao, trang bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết, nhờ đó phát tài, giàu lên nhanh chóng. Họ mua sắm thêm tư liệu sản xuất, mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngược lại, những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, hoặc gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn đến phá sản trở thành nghèo khó.

- Theo quy luật phát triển khách quan của nền sản xuất xã hội, bất cứ quốc gia nào muốn phát triển kinh tế, phải phát triển kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường. Phát triển kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường tất yếu dẫn đến phân hoá những người sản xuất thành người giàu, người nghèo, cùng những tiêu cực về kinh tế xã hội khác. Sự phân hoá sâu sắc giàu, nghèo trong xã hội là điều không mong muốn của bất cứ quốc gia nào, vì nó là nguyên nhân dẫn đến xung đột xã hội, bất ổn chính trị.

Tóm lại, quy luật giá trị vừa có tác dụng đào thải cái lạc hậu, lỗi thời, kích thích các nhân tố tích cực, tiến bộ, làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, vừa tạo ra sự phân hoá giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội; vừa có cả những tác động tích cực lẫn tiêu cực. Các tác động đó diễn ra một cách khách quan trên thị

trường nên cần có sự điều tiết của nhà nước để hạn chế tiêu cực, thúc đẩy tác động tích cực.

*** Nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của quy luật cung - cầu.**

Nội dung của quy luật cung cầu: Quy luật cung cầu là một quy luật kinh tế khách quan, điều tiết quan hệ giữa cung (bên bán) và cầu (bên mua) hàng hóa trên thị trường.

Yêu cầu của quy luật cung cầu: Quy luật này đòi hỏi cung - cầu phải có sự thống nhất, nếu không có sự thống nhất giữa chúng thì sẽ có các nhân tố xuất hiện điều chỉnh chúng.

Cơ chế vận động của quy luật cung cầu: Trên thị trường, cung - cầu có mối quan hệ hữu cơ với nhau, thường xuyên tác động lẫn nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả. Nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả thấp hơn giá trị; ngược lại, nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá cả cao hơn giá trị; nếu cung bằng cầu thì giá cả bằng với giá trị. Đây là sự tác động phức tạp theo nhiều hướng và nhiều mức độ khác nhau.

Tác động của quy luật cung cầu:

- Quy luật cung - cầu có tác dụng điều tiết quan hệ giữa sản xuất và lưu thông hàng hóa; làm biến đổi cơ cấu và dung lượng thị trường, quyết định giá cả thị trường.

- Căn cứ quan hệ cung - cầu, có thể dự đoán xu thế biến động của giá cả; khi giá cả thay đổi, cần đưa ra các chính sách điều tiết giá cho phù hợp nhu cầu thị trường...

- Nhận thức được quy luật cung - cầu, có thể vận dụng để tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng có lợi cho quá trình sản xuất thông qua các chính sách, các biện pháp kinh tế như giá cả, lợi nhuận, tín dụng, hợp đồng kinh tế, thuế, thay đổi cơ cấu tiêu dùng... để tác động vào các hoạt động kinh tế, duy trì những tỷ lệ cân đối cung - cầu một cách lành mạnh và hợp lý.

*** Nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của quy luật lưu thông tiền tệ**

Theo C.Mác, để thực hiện chức năng phương tiện lưu thông, ở mỗi thời kỳ cần phải đưa vào lưu thông một số lượng tiền tệ thích hợp. số lượng tiền cần cho lưu thông hàng hóa được xác định theo một quy luật là quy luật lưu thông tiền tệ. Theo quy luật này, số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa ở mỗi thời kỳ nhất định được xác định bằng công thức tổng quát sau:

$$M = P.Q / V$$

Trong đó M là số lượng tiền cần thiết cho lưu thông trong một thời gian nhất định; p là mức giá cả; Q là khối lượng hàng hóa dịch vụ đưa ra lưu thông; V là số vòng lưu thông của đồng tiền.

Như vậy, khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông tỷ lệ thuận với tổng số giá cả hàng hóa được đưa ra thị trường và tỉ lệ nghịch với tốc độ lưu thông của tiền

tệ. Đây là quy luật lưu thông tiền tệ. Quy luật này có ý nghĩa chung cho mọi hình thái kinh tế - xã hội có sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Khi lưu thông hàng hóa phát triển, việc thanh toán không dùng tiền mặt trở nên phổ biến thì số lượng tiền cần thiết cho lưu thông được xác định như sau:

$$M = (P.Q - (G1 + G2) + G3) / V$$

Trong đó P.Q là tổng giá cả hàng hóa; G1 là tổng giá cả hàng hóa bán chịu; G2 là tổng giá cả hàng hóa khấu trừ cho nhau; G3 là tổng giá cả hàng hóa đến kỳ thanh toán; V là số vòng quay trung bình của tiền tệ.

Nội dung nêu trên mang tính nguyên lý sau: Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày nay việc xác định khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông trở nên phức tạp hơn song không vượt ra ngoài khuôn khổ nguyên lý nêu trên.

Khi tiền giấy ra đời, nếu tiền giấy được phát hành quá nhiều sẽ làm cho tiền giấy bị mất giá trị, giá cả hàng hóa tăng lên dẫn đến lạm phát. Bởi vậy, nhà nước không thể in và phát hành tiền giấy một cách tùy tiện mà phải tuân theo quy luật lưu thông tiền tệ.

***Nội dung, yêu cầu, cơ chế tác động và tác động của quy luật cạnh tranh**

Nội dung của quy luật cạnh tranh: Quy luật cạnh tranh là một quy luật kinh tế khách quan, điều tiết mối quan hệ ganh đua kinh tế giữa các chủ thể trong sản xuất và trao đổi hàng hoá nhằm có được những ưu thế về sản xuất, tiêu thụ và thông qua đó mà thu được lợi ích tối đa.

Yêu cầu của quy luật cạnh tranh: Quy luật cạnh tranh yêu cầu, khi đã tham gia thị trường, các chủ thể sản xuất kinh doanh, bên cạnh sự hợp tác, luôn phải chấp nhận cạnh tranh.

Cơ chế vận động của quy luật cạnh tranh: Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh có thể diễn ra giữa các chủ thể trong nội bộ ngành, hoặc diễn ra giữa các chủ thể thuộc các ngành khác nhau.

- Cạnh tranh trong nội bộ ngành. Cạnh tranh trong nội bộ ngành là cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh để thực hiện lợi ích của doanh nghiệp trong cùng một ngành, cùng sản xuất một loại hàng hóa.

Biện pháp cạnh tranh là các doanh nghiệp ra sức cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động để hạ thấp giá trị cá biệt của hàng hóa, làm cho giá trị hàng hoá của doanh nghiệp sản xuất ra thấp hơn giá trị xã hội của hàng hoá đó.

Kết quả của cạnh tranh trong nội bộ ngành là hình thành giá trị thị trường, giá cả thị trường của từng loại hàng hoá. Giá cả thị trường chính là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị thị trường, do giá trị thị trường quyết định.

- Cạnh tranh giữa các ngành. Cạnh tranh giữa các ngành là cạnh tranh giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh giữa các ngành khác nhau. Cạnh tranh giữa các

ngành là phương thức để các chủ thể sản xuất kinh doanh ở các ngành sản xuất khác nhau tìm kiếm lợi ích của mình. Mục đích của cạnh tranh giữa các ngành là nhằm tìm nơi đầu tư có lợi nhất. Biện pháp cạnh tranh giữa các ngành là các doanh nghiệp tự do di chuyển nguồn lực của mình từ ngành này sang ngành khác, vào các ngành sản xuất kinh doanh khác nhau.

- Tác động của quy luật cạnh tranh:

+ Những tác động tích cực của cạnh tranh

Cạnh tranh thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường, để nâng cao năng lực cạnh tranh, các chủ thể sản xuất kinh doanh không ngừng tìm kiếm và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, từ đó kéo theo sự đổi mới về trình độ tay nghề, tri thức của người lao động. Kết quả là, cạnh tranh thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển nhanh hơn.

Cạnh tranh thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, mọi hành vi của mọi chủ thể kinh tế đều hoạt động trong môi trường cạnh tranh. Hơn nữa, mọi hoạt động của các chủ thể kinh tế hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều nhằm mục đích lợi nhuận tối đa, muốn vậy ngoài việc hợp tác, họ cũng cạnh tranh với nhau để có được những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và kinh doanh để thu được lợi nhuận cao nhất. Thông qua đó, nền kinh tế thị trường không ngừng được hoàn thiện hơn.

Cạnh tranh là cơ chế điều chỉnh linh hoạt việc phân bổ các nguồn lực. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi việc tiếp cận các nguồn lực phải dựa trên nguyên tắc cạnh tranh để phân bổ vào chủ thể có thể sử dụng hiệu quả hơn cả. Theo đó, các chủ thể sản xuất kinh doanh phải thực hiện cạnh tranh để có được cơ hội sử dụng các nguồn lực để phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Cạnh tranh thúc đẩy năng lực thỏa mãn nhu cầu của xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, mục đích của các chủ thể kinh tế là lợi nhuận cao nhất, mà người tiêu dùng là người cuối cùng quyết định chủng loại, số lượng và chất lượng của hàng hóa trên thị trường. Chỉ có những sản phẩm hàng; hóa và dịch vụ mà người tiêu dùng lựa chọn thì mới bán được và do đó người sản xuất mới có lợi nhuận. Vì vậy, những người sản xuất phải tìm mọi cách tạo ra khối lượng sản phẩm đa dạng, dồi dào, phong phú, chất lượng tốt, giá thành hạ, làm cho nhu cầu của người tiêu dùng và xã hội được đáp ứng.

+ Những tác động tiêu cực của cạnh tranh

Một là, cạnh tranh không lành mạnh gây tổn hại môi trường kinh doanh. Khi các chủ thể thực hiện các biện pháp cạnh tranh thiếu lành mạnh, thậm chí là các thủ đoạn xấu để tìm kiếm lợi thế sẽ làm xói mòn đến môi trường kinh doanh, thậm chí xói mòn giá trị đạo đức xã hội. Do đó, các biện pháp, thủ đoạn cạnh tranh thiếu lành mạnh cần phải được loại trừ.

Hai là, cạnh tranh không lành mạnh gây lãng phí nguồn lực xã hội. Để giành ưu thế trong cạnh tranh, có thể có chủ thể chiếm giữ các nguồn lực mà không phát huy vai trò của các nguồn lực đó trong sản xuất kinh doanh, không đưa vào sản xuất để tạo ra hàng hóa, dịch vụ cho xã hội. Trong những trường hợp như vậy, cạnh tranh đã làm cho nguồn lực xã hội bị lãng phí.

Ba là, cạnh tranh không lành mạnh gây làm tổn hại phúc lợi của xã hội. Khi các nguồn lực bị lãng phí, cạnh tranh không lành mạnh đã khiến cho phúc lợi xã hội bị tổn thất. Thay vì nếu sử dụng hiệu quả, xã hội sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn hơn để thỏa mãn nhu cầu. Cho nên, khi các chủ thể sử dụng các biện pháp cạnh tranh thiếu lành mạnh, phúc lợi xã hội sẽ bị ảnh hưởng.

TÓM TẮT CHƯƠNG

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người và có thể trao đổi với sản phẩm khác. Hàng hóa là phạm trù kinh tế trung tâm khi nghiên cứu về sản xuất hàng hóa và nền kinh tế hàng hóa. Hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị. Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm, có thể thỏa mãn nhu cầu cho sản xuất hoặc nhu cầu tiêu dùng của con người. Giá trị là lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa, biểu thị mối quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa.

Hàng hóa có hai thuộc tính là do lao động của người sản xuất hàng hóa có tính hai mặt, lao động cụ thể và lao động trừu tượng; lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng, lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa. Việc phát hiện ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là phát kiến quan trọng của C.Mác, giúp ông luận giải triệt để và khoa học về nguồn gốc, bản chất của giá trị - điều mà các nhà kinh tế học trước Mác chưa giải quyết được.

Trên thị trường, bên cạnh những hàng hóa thông thường còn có một số yếu tố có những thuộc tính hoặc chức năng đặc biệt cũng được trao đổi, mua bán. Đó là những hàng hóa đặc biệt. Nghiên cứu về các hàng hóa đặc biệt này có tác dụng hiểu rõ hơn về tính đa dạng của hàng hóa và thị trường trao đổi, mua bán chúng.

Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường đóng vai trò đặc biệt quan trọng; thị trường là đầu ra của sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng. Không có thị trường thì sản xuất và trao đổi hàng hóa không thể tiến hành trôi chảy được. Trên thị trường, các quy luật kinh tế hoạt động, tác động lẫn nhau và điều tiết toàn bộ quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng. Một nền kinh tế dựa vào hoạt động của thị trường, chịu sự điều tiết của các quy luật kinh tế trên thị trường được gọi là nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của kinh tế hàng hóa; ở đó, mọi quan hệ kinh tế đều được thực hiện trên-thị trường, dưới hình thức quan hệ hàng hóa - tiền tệ.

Kinh tế thị trường có nhiều ưu thế trong phát triển sản xuất. Tuy nhiên, kinh tế thị trường cũng có những khuyết tật. Những khuyết tật này có thể khắc phục thông qua phát huy vai trò kinh tế của nhà nước, các tổ chức xã hội và các thiết chế kinh tế khác trong xã hội.

Các chủ thể kinh tế cùng tham gia sản xuất và trao đổi hàng hóa trên thị trường bao gồm người sản xuất, người tiêu dùng, các thương nhân, nhà nước, khu vực nước ngoài,.. Mỗi chủ thể có vai trò, vị trí khác nhau trong quá trình sản xuất, trao đổi hàng hóa và là một tác nhân của nền kinh tế thị trường. Hoạt động của mỗi chủ thể đều chịu sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường; đồng thời tuân thủ sự điều tiết, định hướng của nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và chính sách kinh tế.

CÁC THUẬT NGỮ CẦN GHI NHỚ

Sản xuất hàng hóa, hàng hóa, giá trị sử dụng, giá trị, lượng giá trị, năng suất lao động, cường độ lao động, lao động cụ thể, lao động trừu tượng, lao động giản đơn, lao động phức tạp, tiền tệ, thị trường, quy luật giá trị, quy luật cung cầu, lưu thông tiền tệ, cạnh tranh, quy luật cạnh tranh, thị trường, cơ chế thị trường, kinh tế thị trường, người sản xuất, người tiêu dùng.

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Hãy chọn một loại hàng hóa và đóng vai người sản xuất ra loại hàng hóa đó để thảo luận về thuộc tính và chỉ ra tầm quan trọng của hàng hóa đó đối với xã hội? Phân tích trách nhiệm xã hội của mình đối với người tiêu dùng, cảm nhận tác động của quy luật cạnh tranh và đề ra phương án để duy trì vị trí sản xuất của "mình trên thị trường?".

2. Với tư cách là người tiêu dùng, từ kinh nghiệm thực tế của bản thân, hãy thảo luận và chỉ ra vai trò và biện pháp của người tiêu dùng cần phải làm để bảo vệ quyền lợi của mình đặt trong mối quan hệ với người sản xuất và xã hội khi tiêu dùng hàng hóa?.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Điều kiện ra đời của nền sản xuất hàng hóa? Hàng hoá? Thuộc tính của hàng hoá? Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá? Lượng giá trị hàng hoá? Những nhân tố ảnh hưởng lượng giá trị của hàng hoá? Bản chất và chức năng của tiền?.

2. Thị trường? Vai trò của thị trường? các chức năng của thị trường? Ưu thế và khuyết tật của nền kinh tế thị trường? Các quy luật cơ bản của thị trường?.

3. Vai trò của các chủ thể chính tham gia thị trường?.

CHƯƠNG 3:

GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 10 tiết)

1. Tên bài học: **GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

2. Lớp/Trình độ: ĐH

3. Thời gian:

I. MỤC ĐÍCH BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Chứng tỏ sự hiểu biết của mình về các vấn đề cơ bản của Kinh tế chính trị Mác Lênin về giá trị thặng dư, tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

2. Về kỹ năng: Xác định được phương pháp, cách thức cốt lõi tiếp cận nội dung cơ bản của bài học; vận dụng được nội dung tri thức bài học vào việc giải quyết vấn đề giá trị thặng dư, tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư ở Việt Nam.

3. Về thái độ: Tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có niềm tin, lý tưởng cách mạng vào những quan điểm kinh tế - giá trị thặng dư, tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư của Kinh tế chính trị Mác Lênin.

II. CHUẨN ĐẦU RA BÀI HỌC

Sau khi học xong chương 3, người học cần đạt được:

1. Nắm được nội dung cơ bản của bài học: giá trị thặng dư, tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

2. Xác định được phương pháp, cách thức cốt lõi tiếp cận nội dung cơ bản - giá trị thặng dư, tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư của bài học.

3. Vận dụng được phương pháp, cách thức cốt lõi để tiếp cận nội dung cơ bản của bài học; liên hệ được nội dung tri thức cốt lõi của bài học với học tập, rèn luyện của bản thân, thực tiễn đất nước.

III. NỘI DUNG TRỌNG TÂM & PPDH CƠ BẢN

3.1. Nội dung trọng tâm

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam
- Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3.2. Phương pháp dạy học cơ bản

Chủ yếu dùng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực khác.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN

4.1. Chuẩn bị của giảng viên:

- Chuẩn bị Đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng;

- Các nội dung cần kiểm tra, đánh giá sinh viên trong quá trình dạy học.

4.2. Chuẩn bị của sinh viên:

- Tự đọc: Chương 3 trong Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Ban hành theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Kết luận số 94/KLTW/2014 về việc tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, giáo trình các môn khoa học Mác - Lênin và Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng biên soạn giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo tinh thần đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học dành cho hệ Đại học, Hội đồng biên soạn Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã biên soạn và cho ra mắt cuốn giáo trình dành cho hệ đào tạo Đại học không chuyên lý luận chính trị; Chương 3 trong “Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin” của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), từ (trang 84 - 123).

- Ghi chép lại những nội dung chưa hiểu, những vấn đề cần phải hỏi thêm, cần trao đổi, thảo luận.

V. PHƯƠNG TIỆN, TÀI LIỆU, TÀI NGUYÊN DẠY HỌC

1. Phương tiện: Máy chiếu; các phương tiện khác cho việc tổ chức các hoạt động học tập.

2. Tài liệu:

- *Tài liệu chính:* Chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác- Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản, 2021.

- *Tài liệu tham khảo:*

+ Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin: Dành cho bậc đại học - không chuyên Lý luận chính trị. Tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành tháng 8 năm 2019 / Ngô Tuấn Nghĩa (Ch.biên), Nguyễn Khắc Thanh, Đoàn Xuân Thủy,... - H. : [s.n.], 2019. - 187tr. ; 30cm

+ Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin/Vũ Hồng Tiến (Ch.biên), Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Ngọc Trờ. H. : Giáo dục, 1998. - 139tr.; 21cm

+ Hỏi - Đáp môn kinh tế chính trị Mác - Lênin/ An Như Hải (Ch.biên). - H. : Đại học quốc gia Hà Nội, 2008. - 146tr. ; 19cm

3. Tài nguyên: Sinh viên có thể khai thác tài liệu học tập liên quan đến chủ đề bài học trên các trên thư viện nhà trường; Kết nối thư viện số; Trong các trang thông tin điện tử trên các mạng chính thống.

VI. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Kiểm tra: Việc chuẩn bị bài mới; chuẩn bị giáo trình; các điều kiện khác cho học tập môn học.

2. Đánh giá: Chấp hành kỉ luật học tập; ý thức học tập của sinh viên; thực hiện các quy chế, quy định về học tập của sinh viên.

VII. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Chương 3 GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Sau khi đã nghiên cứu lý luận của C.Mác về hàng hóa và quan hệ hàng hóa - tiền tệ, một trong những quan hệ cơ bản nhất của nền kinh tế hàng hóa, và cũng là cơ sở lý luận của nền kinh tế thị trường, chương 3 sẽ trang bị hệ thống tri thức lý luận về sản xuất ra giá trị thặng dư của C.Mác trong điều kiện nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, hình thái đầu tiên của kinh tế thị trường trong lịch sử phát triển kinh tế của nhân loại, và các quan hệ lợi ích cơ bản nhất thông qua phân phối giá trị mới do lao động tạo ra giữa các chủ thể cơ bản trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, vận dụng để phân tích và bổ sung làm rõ hơn lý luận về các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường- một khía cạnh cốt lõi trong đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị giúp cho sinh viên xác định được lợi ích của mình, hình thành kỹ năng biết tự bảo vệ lợi ích chính đáng của mình biết cách giải quyết có căn cứ khoa học quan, hệ lợi ích của mình trong quan hệ với lợi ích của người lao động, với lợi ích của xã hội khi khởi nghiệp hoặc tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong bối cảnh xã hội hiện đại,

Với ý nghĩa đó, chương này sẽ được trình bày với ba nội dung cốt lõi: i) Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư, đây cũng chính là nội dung cốt lõi học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác, hòn đá tảng trong lý luận kinh tế chính trị của C.Mác; ii) Tích lũy bản (cách thức sử dụng giá trị thặng dư); iii) Phân phối giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa

3.1.LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

Lý luận giá trị thặng dư của C.Mác, được trình bày cô đọng nhất trong tác phẩm! “Tư bản”, có nội dung rộng lớn, luận giải khoa học về những điều kiện để hình thành, các quy luật vận động, xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, trong đó vấn đề quan trọng hàng đầu là bàn về nguồn gốc và bản chất của giá trị thặng dư.

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

3.1.1.1. Công thức chung của tư bản

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề công thức chung của tư bản, mâu thuẫn công thức chung của tư bản, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Công thức chung của tư bản. So sánh công thức lưu thông hàng hoá giản đơn $H - T - H$ và công thức chung của tư bản là: $T - H - T'$. Mâu thuẫn công thức chung của tư bản.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi trên. Công thức chung của tư bản. So sánh công thức lưu thông hàng hoá giản đơn $H - T - H$ và công thức chung của tư bản là: $T - H - T'$. Mâu thuẫn công thức chung của tư bản.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Công thức chung của tư bản. So sánh công thức lưu thông hàng hoá giản đơn $H - T - H$ và công thức chung của tư bản là: $T - H - T'$. Mâu thuẫn công thức chung của tư bản.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

a). Công thức chung của tư bản. So sánh công thức lưu thông hàng hoá giản đơn $H - T - H$ và công thức chung của tư bản là: $T - H - T'$.

- Công thức lưu thông hàng hoá giản đơn $H - T - H$ và công thức chung của tư bản là: $T - H - T'$, trong đó $T' = T + \Delta T$

+ Tiền là sản vật cuối cùng của lưu thông hàng hoá, đồng thời cũng là hình thức biểu hiện đầu tiên của tư bản. Mọi tư bản lúc đầu đều biểu hiện dưới hình thái một số tiền nhất định. Nhưng bản thân tiền không phải là tư bản. Tiền chỉ biến thành tư bản trong những điều kiện nhất định, khi chúng được sử dụng để bóc lột lao động của người khác.

So sánh	Công thức lưu thông hàng hoá giản đơn $H - T - H$	Công thức lưu thông của tư bản $T - H - T'$
Giống nhau	Hai công thức giống nhau ở chỗ chúng đều do hai giai đoạn đối lập là mua và bán hợp thành. Trong mỗi giai đoạn đều có hai nhân tố vật chất đối diện nhau là tiền và hàng, cũng như có hai người đối diện nhau là người mua và người bán. Nhưng đó chỉ là sự giống nhau về hình thức.	
Khác nhau	Lưu thông hàng hoá giản đơn bắt đầu bằng việc bán ($H - T$) và kết thúc bằng việc mua ($T - H$)	Ngược lại, lưu thông của tư bản bắt đầu bằng việc mua ($T - H$) và kết thúc bằng việc bán ($H - T'$). Tiền vừa là điểm

- H). Điểm xuất phát và điểm kết thúc của quá trình đều là hàng hoá, còn tiền chỉ đóng vai trò trung gian.	xuất phát, vừa là điểm kết thúc của quá trình, còn hàng hoá chỉ đóng vai trò trung gian; tiền ở đây không phải là chỉ ra dứt khoát mà chỉ là ứng ra rồi thu về.
Mục đích của lưu thông hàng hoá giản đơn là giá trị sử dụng để thoả mãn nhu cầu, nên các hàng hoá trao đổi phải có giá trị sử dụng khác nhau. Sự vận động sẽ kết thúc ở giai đoạn thứ hai, khi những người trao đổi có được giá trị sử dụng mà người đó cần đến.	Còn mục đích của lưu thông tư bản không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị, hơn nữa là giá trị tăng thêm. Vì vậy, nếu số tiền thu về bằng số tiền ứng ra, thì quá trình vận động trở nên vô nghĩa. Do đó, số tiền thu về phải lớn hơn số tiền ứng ra, nên công thức vận động đầy đủ của tư bản là $T - H - T'$, trong đó $T' = T + \Delta T$

+ Số tiền (ΔT) trội hơn so với số tiền đã ứng ra, C. Mác gọi là giá trị thặng dư; số tiền ứng ra ban đầu với mục đích thu được giá trị thặng dư trở thành tư bản. Tiền biến thành tư bản khi được dùng để mang lại giá trị thặng dư. Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư.

Vậy, nguồn gốc giá trị thặng dư từ đâu mà có? Việc mua, bán hàng hóa thấp hơn hoặc bằng giá trị thì sẽ không có giá trị tăng thêm, nếu người mua hàng hóa để bán hàng hóa đó cao hơn giá trị thì chỉ được lợi xét về người bán, nhưng xét về người mua thì lại bị thiệt. Trong nền kinh tế thị trường, mỗi người đều đóng vai trò là người bán và đồng thời cũng là người mua. Do đó, nếu được lợi khi bán thì lại bị thiệt khi mua. Lưu thông (mua, bán hàng hóa thông thường) không tạo ra giá trị tăng thêm xét trong phạm vi xã hội.

Bí mật ở đây là nhà tư bản đã mua được một loại hàng hóa đặc biệt nào đó mà trong quá trình sử dụng loại hàng hóa này, giá trị của nó không những được bảo tồn mà còn tạo ra được giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó là hàng hóa sức lao động.

b). Mâu thuẫn công thức chung của tư bản.

- Công thức chung tư bản : $T - H - T'$, tức Tiền – Hàng - Tiền ($T' > T$)

- Mâu thuẫn công thức chung tư bản:

Theo lí luận về giá trị, giá trị hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá; do đó giá trị chỉ được tạo ra trong sản xuất. Lưu thông dưới bất kỳ hệ thống nào dù ngang giá, hay không ngang giá, dù có những kẻ luôn mua rẻ bán đắt cũng không tạo ra giá trị.

Nhìn vào công thức trên, ta thấy, một mặt, giả định (T) bỏ trong két, (H) bỏ trong kho thì nhà tư bản cũng không thu được (T'); mặt khác, nhà tư bản phải bán được hàng hoá mới tiến hành tái sản xuất. Hàng hóa thông thường được sản xuất ra

có kèm theo giá trị thặng dư phải được đưa vào lưu thông để thực hiện giá trị thì nhà tư bản mới thu được giá trị thặng dư. Do đó, không có lưu thông không tạo ra giá trị.

C.Mác đã khẳng định “Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”². Đó chính là mâu thuẫn chứa đựng trong công thức chung của tư bản. Để giải quyết những mâu thuẫn này, C.Mác chỉ rõ: “phải lấy những quy luật nội tại của lưu thông hàng hóa làm cơ sở...”. Như vậy, mâu thuẫn của công thức chung của tư bản biểu hiện: Giá trị thặng dư vừa không được tạo ra trong quá trình lưu thông, vừa được tạo ra trong quá trình lưu thông. Đó là mâu thuẫn công thức chung tư bản.

3.1.1.2. Hàng hóa sức lao động

VD: Đề sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề hàng hóa sức lao động, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Hàng hóa sức lao động: Hai thuộc tính hàng hoá sức lao động? Tại sao nói, hàng hóa sức lao động là hàng hóa đặc biệt? Giải thích rõ giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Hai thuộc tính hàng hoá sức lao động? Tại sao nói, hàng hóa sức lao động là hàng hóa đặc biệt? Giải thích rõ giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó?

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Hàng hóa sức lao động: Hai thuộc tính hàng hoá sức lao động? Tại sao nói, hàng hóa sức lao động là hàng hóa đặc biệt? Giải thích rõ giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập. Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr.249.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

a). Hàng hóa sức lao động: Hai thuộc tính hàng hoá sức lao động?

- Khái niệm sức lao động: Theo C.Mác: “Sức lao động đó là toàn bộ các thể lực và trí lực ở trong thân thể một con người, trong nhân cách sinh động của con người, thể lực và trí lực mà con người phải làm cho hoạt động để sản xuất ra những vật có ích”³.

- Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá: Trong bất cứ xã hội nào, sức lao động cũng là điều kiện cơ bản của sản xuất. Nhưng không phải trong bất kỳ điều kiện nào, sức lao động cũng là hàng hóa. Sức lao động chỉ có thể trở thành hàng hóa khi và chỉ khi có đầy đủ những điều kiện sau đây:

+ Thứ nhất, người lao động phải được tự do về thân thể của mình, phải có khả năng chi phối sức lao động ấy và chỉ bán sức lao động đó trong một thời gian nhất định. Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, người nô lệ chỉ là một "công cụ biết nói" của chủ nô; trong chế độ phong kiến, người nông nô bị cột chặt vào đất đai của chúa phong kiến, vì thế họ không tự do về thân thể. Còn người công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, thì đã được giải phóng khỏi chế độ nông nô, được tự do về thân thể, có quyền đem bán sức lao động. Nếu người lao động được tự do về thân thể của mình, phải có khả năng chi phối sức lao động ấy và chỉ bán sức lao động đó trong một thời gian nhất định nhưng lại có tư liệu sản xuất thì họ sẽ tự tiến hành sản xuất chứ không bán sức lao động. Vì vậy, để sức lao động trở thành hàng hóa phải có điều kiện thứ hai.

+ Thứ hai, người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động. Nếu người lao động có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết thì họ sẽ tiến hành lao động dựa trên tư liệu sản xuất ấy để nuôi sống mình, chứ không bán sức lao động đi làm thuê.

Ngoài ra, còn phải xét đến chất lượng sức lao động, bởi vì khả năng tạo ra ích lợi của sức lao động chính là cơ sở trước tiên khiến cho nó có thể trở thành hàng hóa. Thêm nữa, còn có điều kiện gián tiếp được xét về kiến trúc thượng tầng.

- Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động

* Giá trị của hàng hoá sức lao động:

+ Giá trị hàng hoá sức lao động do lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó quyết định. Giá trị hàng hoá sức lao động được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động. Thời gian đó lại được đo gián tiếp bằng giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động.

³ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.254-256.

+ Cơ cấu giá trị sức lao động gồm: Giá trị những tư liệu sinh hoạt về vật chất và tinh thần cần thiết để tái sản xuất sức lao động, duy trì đời sống người lao động ; chi phí đào tạo người lao động và giá trị tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết cho con của người lao động.

+ Là hàng hóa đặc biệt, giá trị hàng hóa sức lao động khác với hàng hóa thông thường ở chỗ nó còn bao gồm yếu tố tinh thần và lịch sử tức là ngoài những người lao động ngoài những nhu cầu về vật chất còn có những nhu cầu về tinh thần và giá trị của nó phụ thuộc vào điều kiện cụ thể mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi quốc gia, dân tộc.

* Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động:

+ Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động là công dụng, tính hữu ích của hàng hoá sức lao động. Cũng giống như hàng hóa thông thường, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động được thực hiện trong quá trình tiêu dùng nó, tức quá trình lao động của người công nhân.

+ Tuy nhiên, điểm đặc biệt là khi tiêu dùng giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động đồng thời là quá trình tạo ra một giá trị sử dụng mới (tức sản xuất ra một hàng hóa nào đó), hơn nữa đó cũng là quá trình tạo ra một giá trị mới, lớn hơn giá trị của sức lao động, nó bằng giá trị sức lao động cộng với giá trị thặng dư. Như vậy, hàng hoá sức lao động là nguồn gốc của giá trị thặng dư; là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản. Làm cho tiền có thể chuyển thành tư bản.

b). Tại sao nói, hàng hóa sức lao động là hàng hóa đặc biệt?

Thứ nhất, sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi có 2 điều kiện: Người lao động được tự do về thân thể để có quyền bán sức lao động của mình và về cơ bản, họ không có tư liệu sản xuất, để tồn tại được buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản. Như vậy, không phải bất cứ bao giờ, ở đâu cũng có hàng hóa sức lao động, hàng hóa sức lao động chỉ xuất hiện trong những bối cảnh, điều kiện lịch sử nhất định, gắn với nền sản xuất phát triển ở một trình độ nhất định.

Thứ hai, hàng hóa sức lao động có giá trị và giá trị sử dụng đặc biệt: Giá trị hàng hóa sức lao động đặc biệt vì nó được đo gián tiếp bằng giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất sức lao động của công nhân; đồng thời giá trị của hàng hóa sức lao động mang tính tinh thần và lịch sử. Giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động đặc biệt vì quá trình tiêu dùng sức lao động đồng thời cũng là quá trình tạo ra một giá trị sử dụng mới (tức hàng hóa thông thường); mặt khác đó cũng là quá trình tạo ra một lượng giá trị mới, lớn hơn giá trị của bản thân nó, bằng giá trị sức lao động cộng với giá trị thặng dư.

Thứ ba, về phương thức tồn tại, hàng hóa sức lao động có phương thức tồn tại đặc biệt, nó là toàn bộ những năng lực như thể lực, trí lực, tâm lực...tồn tại trong

cơ thể của con người đang sống. Sức lao động tồn tại trong cơ thể sống của một con người cụ thể, không thể tách rời con người ấy nên nó tùy thuộc vào tuổi tác, giới tính, đặc điểm dân tộc trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, sức khỏe... của mỗi người lao động.

Thứ tư, hàng hóa sức lao động có quan hệ mua bán đặc biệt người bán có quyền sở hữu nhưng không có quyền sử dụng; người mua có quyền sử dụng nhưng không có quyền sở hữu.

Thứ năm, chất lượng hàng hóa sức lao động thể hiện ở năng suất lao động, ở trình độ tay nghề, kinh nghiệm; tùy thuộc phần lớn vào quá trình giáo dục và đào tạo của người lao động, vào việc chăm sóc sức khỏe và cả ý thức thái độ của người lao động. Chất lượng hàng hóa sức lao động sẽ được phát huy nếu việc sử dụng nó phù hợp với giới hạn tâm sinh lý của người lao động.

c). Giải thích rõ giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó?

Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động là công dụng, tính hữu ích của hàng hoá sức lao động. Cũng giống như hàng hóa thông thường, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động được thực hiện trong quá trình tiêu dùng nó, tức quá trình lao động của người công nhân. Tuy nhiên, điểm đặc biệt là khi tiêu dùng giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động đồng thời là quá trình tạo ra một giá trị sử dụng mới (tức sản xuất ra một hàng hóa nào đó), hơn nữa đó cũng là quá trình tạo ra một giá trị mới, lớn hơn giá trị của sức lao động, nó bằng giá trị sức lao động cộng với giá trị thặng dư. Như vậy, hàng hoá sức lao động là nguồn gốc của giá trị thặng dư; là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản. C.Mác khẳng định, nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động mà có.

3.1.1.3. Sự sản xuất giá trị thặng dư

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề sự sản xuất giá trị thặng dư, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Sự sản xuất giá trị thặng dư: Quá trình sản xuất ra giá trị thặng. Từ sự nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, có thể rút ra những kết luận nào?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Sự sản xuất giá trị thặng dư: Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Từ sự nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, có thể rút ra những kết luận nào?

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Sự sản xuất giá trị thặng dư: Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Từ sự nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, có thể rút ra những kết luận nào?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

a) Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

- Quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và giá trị, giá trị thặng dư. Nhưng mục đích cao nhất của nhà tư bản là giá trị, giá trị thặng dư. Mà giá trị, giá trị thặng dư chỉ được tạo ra trong sản xuất.

- Vì vậy, muốn thu được giá trị, giá trị thặng dư nhà tư bản phải bỏ tiền mua các yếu tố đầu vào của sản xuất như tư liệu sản xuất; sức lao động...để tiến hành sản xuất. Do đó, quá trình sản xuất tư bản có đặc điểm: Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản; Toàn bộ sản phẩm làm ra thuộc về nhà tư bản. Mặt khác, khi nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, cần giả định:

+ Nhà tư bản mua tư liệu sản xuất và sức lao động đúng giá trị;

+ Khấu hao máy móc, vật tư đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;

+ Năng suất lao động đạt một trình độ nhất định;

+ Nhà tư bản - người mua sức lao động là chủ sở hữu thuần túy, không tham gia vào quá trình lao động quản lý; hoặc có tham gia vào quá trình lao động quản lý nhưng dưới hình thức thuê lao động.

- Trong quá trình sản xuất, bằng lao động cụ thể, công nhân chuyển giá trị tư liệu sản xuất vào trong sản phẩm thông qua khấu hao; bằng lao động trừu tượng, người công nhân tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó là giá trị thặng dư mà nhà tư bản thu được.

- Đó là toàn bộ quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Vậy, giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người lao động làm thuê) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa sức lao động). C.Mác ký hiệu giá trị thặng dư là m.

Như vậy, đến đây có thể khái quát: tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư, xét từ phía nhà tư bản, là quá trình ứng ra và sử dụng tư

bản với tư cách là giá trị mang lại giá trị thặng dư. Để tiến hành sản xuất, nhà tư bản phải ứng tư bản ra mua tư liệu sản xuất và sức lao động.

b) Từ sự nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, có thể rút ra những kết luận như thế nào?

Một là, giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và do nhà tư bản đóng vai trò là chủ thể sở hữu nắm giữ. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư là quá trình tạo ra giá trị kéo dài quá cái điểm ở đó giá trị sức lao động do nhà tư bản trả, được hoàn lại bằng một vật ngang giá mới.

Hai là, ngày lao động của công nhân bao giờ cũng được chia thành hai phần: phần ngày lao động mà người công nhân tạo ra một lượng giá trị ngang với giá trị sức lao động của mình gọi là thời gian lao động cần thiết và lao động trong khoảng thời gian đó là lao động cần thiết. Phần còn lại của ngày lao động gọi là thời gian lao động thặng dư, và lao động trong khoảng thời gian đó gọi là lao động thặng dư.

Ba là, nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, là cơ sở giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản: Việc chuyển hoá của tiền thành tư bản diễn ra trong lưu thông, mà đồng thời không diễn ra trong lĩnh vực đó. Chỉ có trong lưu thông nhà tư bản mới mua được một thứ hàng hoá đặc biệt, đó là hàng hoá sức lao động. Sau đó nhà tư bản sử dụng hàng hoá đó trong sản xuất, tức là ngoài lĩnh vực lưu thông để sản xuất ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Do đó tiền của nhà tư bản mới chuyển thành tư bản. Việc nghiên cứu giá trị thặng dư được sản xuất ra như thế nào đã vạch rõ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

Bốn là, nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư cũng cần phải khách quan hoá: Nếu nhà tư bản - người mua sức lao động là chủ sở hữu thuần túy, không tham gia vào quá trình lao động quản lý; hoặc có tham gia vào quá trình lao động quản lý nhưng dưới hình thức thuê lao động (quản lý doanh nghiệp là người lao động được thuê), thì giá trị mới là thuần túy do lao động làm thuê mà có. Còn trong trường hợp người mua hàng hóa sức lao động cũng phải hao phí sức lao động dưới dạng quản lý thì giá trị mới đó cũng có sự đóng góp một phần từ lao động quản lý với tư cách là lao động phức tạp. Trên thực tế, đa số người mua sức lao động cũng phải tham gia quản lý và hao phí sức lao động.

Để làm rõ hơn khẳng định nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động tạo ra, C.Mác đi sâu phân tích vai trò của tư liệu sản xuất dưới các hình thái hiện vật như máy móc và nguyên nhiên vật liệu trong mối quan hệ với người lao động trong quá trình làm tăng giá trị. Việc phân tích này được C.Mác nghiên cứu dưới nội hàm của hai thuật ngữ: Tư bản bất biến và tư bản khả biến.

3.1.1.4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề sự sản xuất giá trị

thặng dư, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Tư bản bất biến và tư bản khả biến. Phân tích căn cứ và ý nghĩa phân chia của tư bản bất biến và tư bản khả biến.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Tư bản bất biến và tư bản khả biến. Phân tích căn cứ và ý nghĩa phân chia của tư bản bất biến và tư bản khả biến.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Tư bản bất biến và tư bản khả biến. Phân tích căn cứ và ý nghĩa phân chia của tư bản bất biến và tư bản khả biến.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

a. Tư bản bất biến và tư bản khả biến.

- Tư bản bất biến

Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất được C.Mác gọi là tư bản bất biến (ký hiệu là c).

Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết để cho quá trình tạo ra giá trị thặng dư được diễn ra. Máy móc, nguyên nhiên vật liệu là điều kiện để cho quá trình làm tăng giá trị được diễn ra. Không có máy móc, không có quá trình tổ chức kinh doanh thì đương nhiên không có quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

Ngày nay, máy móc được tự động hóa như người máy, thì người máy cũng chỉ có vai trò là máy móc, chừng nào việc sử dụng sức lao động còn có lợi hơn cho người mua hàng hóa sức lao động so với sử dụng người máy, thì chừng đó nhà tư bản còn sử dụng sức lao động sống của người bán sức lao động làm thuê. Tuy nhiên, cần lưu ý, việc ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất là tiền đề để tăng

năng suất lao động xã hội, do đó, máy móc, công nghệ tiên tiến rất cần thiết cho quá trình làm tăng giá trị.

- Tư bản khả biến

Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động không tái hiện ra, nhưng qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên, tức biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất, được Mác gọi là tư bản khả biến (kỷ hiệu là v).

Bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động thì khác. Giá trị của nó được chuyển cho công nhân làm thuê, biến thành tư liệu sinh hoạt cần thiết và mất đi trong quá trình tái sản xuất sức lao động của công nhân làm thuê. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, công nhân làm thuê bằng lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới với lượng lớn hơn giá trị sức lao động.

Như vậy, đến đây, nếu gọi G là giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa dưới dạng như sau: $G = c + (v+m)$

Trong đó: $(v+m)$ là giá trị mới của hàng hóa, do hao phí lao động sống tạo ra; c là giá trị của những tư liệu sản xuất đã được tiêu dùng, là bộ phận lao động quá khứ đã được kết tinh trong máy móc, nguyên, nhiên, vật liệu. Bộ phận này được lao động sống chuyển vào giá trị sản phẩm mới.

b. Căn cứ và ý nghĩa phân chia của tư bản bất biến và tư bản khả biến

- Căn cứ phân chia tư bản bất biến và tư bản khả biến là vai trò khác nhau của mỗi bộ phận tư bản đầu tư trong việc làm gia tăng giá trị và tạo ra giá trị thặng dư.

- Việc phân chia này giúp hiểu rõ vai trò của mỗi bộ phận tư bản. Tư bản khả biến là điều kiện quyết định trực tiếp trong việc tạo ra giá trị thặng dư, bởi vì chính tư bản khả biến sẽ chuyển hóa thành sức lao động cho công nhân và lao động sống bị kéo dài của công nhân đã tạo ra giá trị thặng dư. Tư bản bất biến chỉ là điều kiện vật chất cần thiết cho việc tạo ra giá trị thặng dư. Tuy nhiên, dưới dạng máy móc, kết tinh của lao động quá khứ, nó cũng có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất, bởi vì những máy móc ấy là điều kiện vật chất có ảnh hưởng quyết định đến việc tăng năng suất lao động của công nhân và tạo ra giá trị thặng dư.

3.1.1.5. Tiền công

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề tiền công, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Bản chất tiền công. Giải thích tại sao, tiền công che dấu mất thực chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Bản chất tiền công. Giải thích tại sao, tiền công che dấu mất thực chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản?

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Bản chất tiền công. Giải thích tại sao, tiền công che dấu mất thực chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

a) Bản chất của tiền công

Tiền công đó chính là giá cả của hàng hóa sức lao động. Đó là bộ phận của giá trị mới do chính hao phí sức lao động của người lao động làm thuê tạo ra, nhưng nó lại thường được hiểu là do người mua sức lao động trả cho người lao động làm thuê.

Cứ sau một thời gian lao động nhất định, người lao động làm thuê được trả một khoản tiền công nhất định. Điều đó thậm chí làm cho người lao động cũng nhầm hiểu là người mua sức lao động, đã trả công cho mình. Trái lại, nguồn gốc của tiền công chính là do hao phí sức lao động của người lao động làm thuê tự trả cho mình thông qua sổ sách của người mua hàng hóa sức lao động mà thôi.

Cần nhấn mạnh điểm này để người lao động cũng như người chủ mua hàng hóa sức lao động phải đặt địa vị của mỗi bên trong một quan hệ lợi ích thống nhất. Nên tự khởi nghiệp, lập doanh nghiệp và mua hàng hóa sức lao động thì cũng cần phải đối xử với người lao động thật trách nhiệm vì người lao động đang là nguồn gốc cho sự giàu có của mình. Trái lại, nếu phải bán hàng hóa sức lao động thì cần phải biết bảo vệ lợi ích của bản thân trong quan hệ lợi ích với người mua hàng hóa sức lao động.

C.Mác nhấn mạnh, để có giá trị thặng dư, thì không có nghĩa là người mua hàng hóa sức lao động đã thu được ngay giá trị thặng dư dưới dạng hình thái tiền. Trái lại, nhà tư bản không những cần phải thực hiện quá trình sản xuất giá trị thặng dư, mà còn cần phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho quá trình đó và thực hiện giá trị, giá trị thặng dư chứa đựng trong những hàng hóa đã được sản xuất ra.

b) Giải thích tại sao, tiền công che dấu mất thực chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản? Bản chất của tiền công chính là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá sức lao động, là giá cả của hàng hoá sức lao động. Đó là bản chất của tiền công dưới

CNTB. Nhưng do những điều kiện nhất định, tiền công trong chủ nghĩa tư bản lại biểu hiện ra bên ngoài như là giá cả của lao động. Dưới hình thức bề ngoài tiền công là giá cả của lao động, như thế nhà tư bản không bóc lột công nhân vì, nhà tư bản mua lao động của công nhân và đã trả giá cả của lao động cho công nhân.

3.1.1.6. Tuần hoàn của tư bản, chu chuyển của tư bản

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề tuần hoàn của tư bản, chu chuyển của tư bản, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này?

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

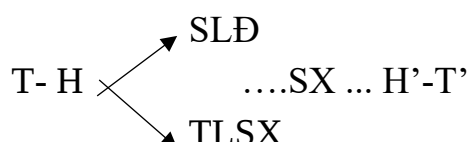
Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

a). Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản.

- *Khái niệm về sự tuần hoàn của tư bản*

Sự vận động của tư bản lần lượt trải qua ba giai đoạn (lưu thông; sản xuất; lưu thông), thể hiện dưới ba hình thái (tư bản tiền tệ; tư bản sản xuất; tư bản hàng hóa) và thực hiện ba chức năng (yếu tố sản xuất; tạo ra giá trị thặng dư; thực hiện giá trị và giá trị thặng dư) tương ứng rồi quay về giai đoạn, hình thái ban đầu và tiếp diễn không ngừng được gọi là sự tuần hoàn của tư bản. Tuần hoàn của tư bản nói lên mặt chất của sự vận động của tư bản.

Mô hình của tuần hoàn tư bản là:



- Khái niệm về sự chu chuyển của tư bản

Chu chuyển của tư bản là tuần hoàn tư bản được xét với tư cách là quá trình định kỳ, thường xuyên lặp đi lặp lại và đổi mới theo thời gian. Chu chuyển tư bản được đo lường bằng thời gian chu chuyển hoặc tốc độ chu chuyển tư bản.

Thời gian chu chuyển tư bản là khoảng thời gian mà một tư bản kể từ khi được ứng ra dưới một hình thái nhất định cho đến khi quay trở về dưới hình thái đó cùng với giá trị thặng dư. Thời gian chu chuyển tư bản bao gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông.

Tốc độ chu chuyển tư bản là số lần mà một tư bản được ứng ra dưới một hình thái nhất định quay trở về dưới hình thái đó cùng với giá trị thặng dư tính trong một đơn vị thời gian nhất định. Thông thường, tốc độ chu chuyển được tính bằng số vòng chu chuyển, của tư bản trong thời gian 1 năm.

Nếu ký hiệu số vòng chu chuyển của tư bản là n , thời gian của một năm là CH , thời gian một vòng chu chuyển là ch , thì tốc độ chu chuyển của từng bộ phận tư bản được tính như sau:

$$n = \frac{CH}{ch}$$

Xét theo phương thức chu chuyển giá trị của tư bản sản xuất vào giá trị sản phẩm, tư bản được chia thành các bộ phận là tư bản cố định và tư bản lưu động.

Tư bản cố định (ký hiệu $C1$) là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái tư liệu lao động tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất nhưng giá trị của nó chỉ chuyển dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm theo mức độ hao mòn. Hao mòn của tư bản cố định bao gồm hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình (sự mất giá thuần túy) do sự tăng lên của năng suất lao động sản xuất tư liệu lao động và sự xuất hiện của những thế hệ tư liệu lao động mới có năng suất cao hơn.

Tư bản lưu động là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái sức lao động, nguyên, nhiên, vật liệu, vật liệu phụ, giá trị của nó được chuyển một lần, toàn phần vào giá trị sản phẩm khi kết thúc từng quá trình sản xuất.

Để thu được hiệu quả sản xuất kinh doanh cao, các nhà tư bản phải nỗ lực rút ngắn thời gian chu chuyển hay đẩy nhanh tốc độ chu chuyển tư bản trên cơ sở nắm vững các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian chu chuyển tư bản, đồng thời sử dụng hiệu quả tư bản cố định và tư bản lưu động. Khái quát lại, nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí lao động tạo ra.

b. Ý nghĩa của nghiên cứu tuần hoàn của tư bản và chu chuyển tư bản:

Nghiên cứu tuần hoàn của tư bản có ý nghĩa:

- Qua mô hình tuần hoàn tư bản càng thấy rõ hơn nguồn gốc của giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất và do hao phí sức lao động của người lao động chứ

không phải do mua rẻ bán đắt mà có. Kết quả của quá trình sản xuất là H' trong giá trị của H' có bao hàm giá trị thặng dư. Khi bán được H' người ta thu được T' . Trong T' có giá trị thặng dư dưới hình thái tiền.

- Tuần hoàn tư bản phản ánh những mối quan hệ khách quan giữa các hoạt động kết hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa nói riêng.

- Để sản xuất kinh doanh hiệu quả, chủ thể kinh doanh phải có các yếu tố sản xuất cần thiết được tổ chức sắp xếp và thực hiện công việc theo quy trình, đồng thời cần có những điều kiện bên ngoài thuận lợi bên ngoài. Trong điều kiện môi trường kinh doanh cụ thể nhất định, các nhà tư bản khác nhau cùng thực hiện đầy đủ các bước của quy trình kinh doanh có thể nhận được những mức hiệu quả khác nhau do chu chuyển tư bản của họ khác nhau.

Nghiên cứu chu chuyển tư bản có ý nghĩa:

- Nghiên cứu chu chuyển tư bản để thấy ảnh hưởng của tốc độ chu chuyển tư bản nhanh hay chậm có liên quan đến quy mô tư bản đầu tư; liên quan đến tỷ suất giá trị thặng dư (m') và khối lượng giá trị thặng dư hàng năm (M). Tốc độ chu chuyển, hay số vòng chu chuyển (n) tỷ lệ nghịch với quy mô tư bản đầu tư. Số vòng chu chuyển càng nhiều, tư bản chu chuyển càng nhanh thì m' càng cao và M càng lớn.

- Để làm tăng tốc độ chu chuyển tư bản, các nhà tư bản phải tìm cách rút ngắn thời gian chu chuyển tư bản. Tốc độ chu chuyển của tư bản tỉ lệ nghịch với thời gian chu chuyển của tư bản. Vì vậy, để rút ngắn thời gian chu chuyển, các nhà tư bản phải có các biện pháp: Nâng cao năng suất lao động để rút ngắn thời gian lao động; Hoàn thiện các vật sản xuất để rút ngắn thời gian gián đoạn lao động; Giảm lượng trữ sản xuất để rút ngắn thời gian dự trữ sản xuất; Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng để rút ngắn thời gian lưu thông; Khấu hao nhanh tư bản cố định để rút ngắn thời gian chu chuyển chung và chu chuyển thực tế của tư bản. Thời gian chu chuyển của tư bản càng ngắn thì càng tạo điều kiện sản xuất ra nhiều giá trị thặng dư hơn, tư bản tích lũy càng nhiều và nhanh hơn.

3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề bản chất của giá trị thặng dư, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Bản chất của giá trị thặng dư

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Bản chất của giá trị thặng dư?

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Bản chất của giá trị thặng dư?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Nghiên cứu về nguồn gốc của giá trị thặng dư trên đây cho chúng ta thấy: Giá trị thặng dư là giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động của người công nhân, do công nhân làm thuê tạo ra và do nhà tư bản là chủ sở hữu tư liệu của quá trình sản xuất nắm giữ.

Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa phản ánh bản chất kinh tế - xã hội của quan hệ giai cấp tư sản và vô sản. Trong đó, giai cấp các nhà tư bản làm giàu dựa trên cơ sở thuê mướn lao động của giai cấp công nhân. Ở đó, mục đích của nhà tư bản là giá trị thặng dư, người lao động làm thuê phải bán sức lao động cho nhà tư bản ấy.

Trong thời của mình, chứng kiến cảnh người lao động bị áp bức lao động với tiền công rẻ mạt, trong khi nhà tư bản thì không ngừng giàu có, C.Mác nhận thấy có một sự bất công sâu sắc về mặt xã hội. C.Mác gọi đó là quan hệ bóc lột, mặc dù về mặt kinh tế, nhà tư bản không vi phạm quy luật kinh tế về trao đổi ngang giá. Sự giải thích khoa học của C.Mác ở đây đã vượt hẳn so với các nhà kinh tế trước đó. Tính khoa học thể hiện ở chỗ, C.Mác đã mô tả được một thực tế, nhà tư bản đã không vi phạm quy luật kinh tế về trao đổi ngang giá thông qua ký hợp đồng thỏa thuận với người lao động làm thuê, song trong trao đổi ngang giá đó, giá trị thặng dư vẫn được tạo ra cho nhà tư bản bằng lao động sống chứ không phải do máy móc sinh ra.

Trong điều kiện ngày nay, quan hệ đó vẫn đang diễn ra nhưng với trình độ và mức độ rất khác, rất tinh vi và dưới hình thức văn minh hơn so với cách mà nhà tư bản đã từng thực hiện trong thế kỷ XIX. Để hiểu sâu hơn bản chất của giá trị thặng dư, C.Mác làm rõ hai phạm trù tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư.

Mục đích của nhà tư bản trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không những chỉ dừng lại ở mức có được giá trị thặng dư, mà quan trọng là phải thu được nhiều giá trị thặng dư, do đó cần có thước đo để đo lường giá trị thặng dư về lượng.

C.Mác đã sử dụng phạm trù tỷ suất về khối lượng giá trị thặng dư để đo lường giá trị thặng dư.

Tỷ suất giá trị thặng dư là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến. Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư là:

$$m' = \frac{m}{v} \times 100\%$$

Trong đó, m' là tỷ suất giá trị thặng dư; m là giá trị thặng dư; v là tư bản khả biến.

Tỷ suất giá trị thặng dư cũng có thể tính theo tỷ lệ phần trăm giữa thời gian lao động thặng dư (t') và thời gian lao động tất yếu (t)

$$m' = \frac{t'}{t} \times 100\%$$

Khối lượng giá trị thặng dư là lượng giá trị thặng dư bằng tiền mà nhà tư bản thu được. Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư là:

$$M = m' \cdot V$$

Trong đó, M là khối lượng giá trị thặng dư, V là tổng tư bản khả biến.

3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề phương pháp sản xuất giá trị thặng dư; Tại sao nói, giá trị thặng dư siêu ngạch là biến tướng của giá trị thặng dư tương đối?, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư; Tại sao nói, giá trị thặng dư siêu ngạch là biến tướng của giá trị thặng dư tương đối?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư; Tại sao nói, giá trị thặng dư siêu ngạch là biến tướng của giá trị thặng dư tương đối?

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư; Tại sao nói, giá trị thặng dư siêu ngạch là biến tướng của giá trị thặng dư tương đối?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

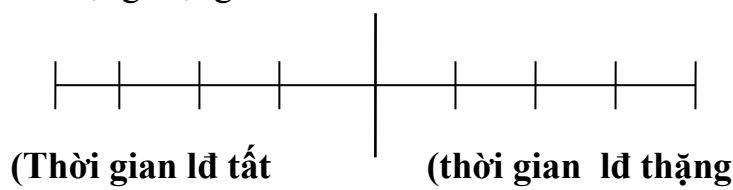
Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Mục đích của sản xuất trong chủ nghĩa tư bản là thu được giá trị thặng dư tối đa. Để đạt được mục đích đó, các nhà tư bản luôn tìm mọi cách và mọi biện pháp, nhìn chung có hai phương pháp cơ bản để tạo ra giá trị thặng dư là sản xuất giá trị thặng dư tương đối và sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối.

a) Phân tích phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

- Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:

Xét ví dụ: Giả sử ngày lao động của công nhân là 8 giờ, trong 4 giờ lao động tất yếu, 4 giờ lao động thặng dư.



$$m' = \frac{t' \text{ (Thời gian lao động thặng dư)}}{t \text{ (Thời gian lao động tất yếu)}} = \frac{4}{4} \times 100\% = 100\%$$

+ Nếu nhà tư bản kéo dài ngày lao động thêm 2 giờ, trong điều kiện các yếu tố khác của quá trình sản xuất không đổi (năng suất lao động xã hội, giá trị sức lao động) thì thời gian lao động thặng dư sẽ là $4 + 2 = 6$ giờ. $m' = \frac{6}{4} \times 100\% = 150\%$

Vậy: giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do kéo dài thời lao động của công nhân vượt quá thời gian lao động tất yếu trong khi các yếu tố khác của quá trình sản xuất không đổi (năng suất lao động xã hội, giá trị sức lao động, thời gian lao động tất yếu)

Phương pháp này bị giới hạn bởi: Giới hạn dưới là thời gian lao động tất yếu, tức là khoảng thời gian công nhân làm để tạo ra một lượng giá trị mới bằng với giá trị sức lao động; giới hạn trên là điều kiện thể chất và tinh thần của người công nhân. Bởi vì ngoài thời gian lao động, người công nhân phải có thời gian dành để ăn, ngủ, nghỉ ngơi và giải trí để tái sản xuất sức lao động. Cho nên việc nhà tư bản muốn kéo dài ngày lao động để tăng thời gian lao động thặng dư luôn vấp phải sự

phản kháng của công nhân. Phương pháp này phổ biến trong thời kì đầu của chủ nghĩa tư bản.

- Sản xuất giá trị thặng dư tương đối:

Xét ví dụ: Nếu tổng thời gian lao động trong 1 ngày vẫn là 8 giờ trong đó thời gian lao động tất yếu được rút ngắn từ 4-3 giờ do tăng năng suất lao động xã hội, thì thời gian lao động thặng dư sẽ tăng 4-> 5 giờ . $m' = \frac{5}{3} \times 100\% = 167\%$

Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội nhờ đó mà tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ.

Nhưng không phải mọi sự tăng năng suất lao động xã hội đều rút ngắn được thời gian lao động tất yếu, mà chỉ có tăng năng suất lao động xã hội trong những ngành sản xuất ra tư liệu tiêu dùng hoặc tăng năng suất lao động xã hội trong những ngành sản xuất ra tư liệu sản xuất để sản xuất ra tư liệu tiêu dùng của người công nhân mới rút ngắn được thời gian lao động tất yếu, thu được giá trị thặng dư tương đối. Điều này do cấu trúc giá trị hàng hoá sức lao động quy định. Phương pháp này được áp dụng phổ biến khi chủ nghĩa tư bản đạt được trình độ phát triển nhất định.

Thực tế hiện nay, hai phương pháp này thường được kết hợp với nhau để nâng cao trình độ bóc lột công nhân. Ngoài hai phương pháp cơ bản trên, nhà tư bản còn thu được giá trị thặng dư siêu ngạch.

b) Tại sao nói, giá trị thặng dư siêu ngạch là biến tướng của giá trị thặng dư tương đối?

Giá trị thặng dư siêu ngạch là giá trị thặng dư thu được do tăng năng suất lao động cá biệt, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó. Biện pháp thực hiện là cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, ứng dụng công nghệ mới sớm nhằm giảm giá trị cá biệt thấp hơn giá trị thị trường của hàng hóa.

Giá trị thặng dư siêu ngạch là biến tướng của giá trị thặng dư tương đối vì cả hai loại giá trị thặng dư này đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động (giá trị thặng dư tương đối có được nhờ tăng năng suất lao động xã hội, giá trị thặng dư siêu ngạch có được nhờ tăng năng suất lao động cá biệt). Tuy nhiên, chúng có sự khác nhau, giá trị thặng dư tương đối do toàn bộ giai cấp tư sản thu được, biểu hiện quan hệ bóc lột giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Giá trị thặng dư siêu ngạch chỉ do một bộ phận nhà tư bản thu được, nên nó còn biểu hiện mối quan hệ cạnh tranh trong nội bộ giai cấp tư sản. Trong chủ nghĩa tư bản giá trị thặng dư siêu ngạch là động lực mạnh mẽ thúc đẩy các nhà tư bản ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Xét trong phạm vi từng xí nghiệp giá trị thặng dư siêu ngạch chỉ là hiện tượng mang tính tạm thời, xét trên phương diện xã hội nó là hiện tượng lâu dài. Giá trị thặng dư siêu ngạch

sẽ chuyển hóa thành giá trị thặng dư tương đối khi năng xuất lao động cá biệt chuyển thành năng suất lao động xã hội.

3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

Sau khi nghiên cứu bản chất của việc tạo giá trị thặng dư, nội dung tiếp theo sẽ nghiên cứu cách thức nhà tư bản sử dụng giá trị thặng dư. Để hiểu được nội dung này, cần nghiên cứu nội dung về tích lũy tư bản. Việc nghiên cứu tích lũy tư bản sẽ giúp vận dụng để rút ra kinh nghiệm cho việc phát triển doanh nghiệp nói chung.

3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề bản chất của tích lũy tư bản, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Bản chất của tích lũy tư bản. Các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tích lũy tư bản, quy mô tích lũy tư bản.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: bản chất của tích lũy tư bản. Các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tích lũy tư bản, quy mô tích lũy tư bản.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

bản chất của tích lũy tư bản. Các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tích lũy tư bản, quy mô tích lũy tư bản.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

a) Thực chất của tích lũy tư bản

Để hiểu rõ thực chất tích lũy tư bản phải phân tích quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tái sản xuất có hai hình thức chủ yếu là tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, để tái sản xuất mở rộng nhà tư bản phải sử dụng một phần giá trị thặng dư thành tư bản tăng thêm. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành tư bản gọi là tích lũy tư bản.

Sự chuyển hoá trở lại của giá trị thặng dư thành tư bản được gọi là tích lũy tư bản. Như vậy, thực chất của tích lũy tư bản là sự chuyển hoá một phần giá trị thặng dư thành tư bản, hay là quá trình tư bản hoá giá trị thặng dư. Để thực hiện tích lũy, nhà tư bản không sử dụng hết giá trị thặng dư cho tiêu dùng cá nhân mà phải chuyển một phần thành tư bản bổ sung.

Nguồn gốc duy nhất của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư – là lao động của công nhân bị nhà tư bản chiếm đoạt. Nếu không có giá trị thặng dư thì nhà tư bản không có tích lũy.

Tích lũy tư bản không phải ý muốn chủ quan của nhà tư bản mà là một tất yếu khách quan, một quy luật kinh tế, do các động bởi quy luật giá trị thặng dư và bởi quy luật cạnh tranh trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Muốn tăng khối lượng giá trị thặng dư, muốn tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường, các nhà tư bản phải mở rộng sản xuất bằng tích lũy tư bản.

Ví dụ:

+ Năm 2006, kết quả sản xuất (doanh thu) là: $70 (C) + 30 (V) + 60 (M) = 160$ triệu USD

+ Năm 2009, nhà tư bản thực hiện tích lũy 50% (M), tức là chuyển 30 triệu USD thành tư bản phụ thêm và đưa vào sản xuất với C/V và m' không đổi thì quy mô sản xuất với C, V, M đều tăng lên là: $91 (C) + 39 (V) + 78 (M) = 208$ triệu USD.

b) Các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản

Thứ nhất, số lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản thu được. Trong điều kiện tiêu dùng của các nhà tư bản không đổi, nếu số lượng giá trị thặng dư tăng lên thì quy mô tích lũy tư bản tăng lên.

Thứ hai, nếu số lượng giá trị thặng dư không đổi, thì quy mô tích lũy tư bản lại phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia giá trị thặng dư thành giữa tích lũy và tiêu dùng của nhà tư bản.

Thứ ba, trong điều kiện phân chia giá trị thặng dư cho tích lũy và tiêu dùng của nhà tư bản không đổi, thì việc tăng quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào bốn nhân tố:

* Trình độ bóc lột sức lao động bằng những biện pháp: tăng cường độ lao động, kéo dài ngày lao động, cắt giảm tiền lương của công nhân. Có nghĩa là thời gian công nhân sang tạo ra giá trị thì càng được kéo dài ra nhưng chi phí càng được cắt giảm, do vậy khối lượng giá trị thặng dư càng lớn và quy mô của tích lũy tư bản càng lớn.

* Trình độ năng suất lao động xã hội: năng suất lao động xã hội tăng lên sẽ có thêm những yếu tố vật chất để biến giá trị thặng dư thành tư bản mới, nên làm tăng quy mô của tích lũy.

* Sự chênh lệch giữa tư bản được sử dụng và tư bản đã tiêu dùng

Trong quá trình sản xuất, tư liệu lao động (máy móc, thiết bị) tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của chúng lại chỉ bị khấu hao từng phần. Như vậy là mặc dù đã mất dần giá trị, nhưng trong suốt thời gian hoạt động, máy móc vẫn có tác dụng như khi còn đủ giá trị. Sự hoạt động này của máy móc được xem như là sự phục vụ không công. Máy móc, thiết bị càng hiện đại, thì sự chênh lệch giữa tư bản được sử dụng và tư bản đã tiêu dùng càng lớn, do đó sự phục vụ không công càng lớn, tư bản lợi dụng được những thành tựu của lao động quá khứ càng nhiều, nhờ vậy quy mô của tích lũy tư bản càng lớn.

* Quy mô của tư bản ứng trước: Với trình độ bóc lột không thay đổi thì khối lượng giá trị thặng dư do khối lượng tư bản khả biến quyết định. Do đó quy mô của tư bản ứng trước, nhất là bộ phận tư bản khả biến càng lớn, thì khối lượng giá trị thặng dư bóc lột được càng lớn, tạo điều kiện tăng thêm quy mô của tích lũy tư bản.

Từ sự nghiên cứu bốn nhân tố quyết định quy mô của tích lũy tư bản có thể rút ra nhận xét chung là để tăng quy mô tích lũy tư bản cần khai thác tốt nhất lực lượng lao động xã hội, tăng năng suất lao động, sử dụng triệt để công suất của máy móc, thiết bị và tăng quy mô vốn đầu tư ban đầu.

c) Ý nghĩa của việc nghiên cứu tích lũy tư bản, quy mô tích lũy tư bản.

Thứ nhất, nguồn gốc duy nhất của tư bản tích lũy là giá trị thặng dư và tư bản tích lũy chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong toàn bộ tư bản.

Thứ hai, quá trình tích lũy đã làm cho quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hoá biến thành quyền chiếm đoạt tư bản chủ nghĩa. Giá trị thặng dư tư bản hóa trở thành phương tiện để đạt mục đích là giá trị thặng dư mới.

Thứ ba, quá trình tích lũy tư bản là tất yếu khách quan, là một điều kiện hay khả năng của tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa, mà động cơ thúc đẩy là quy luật giá trị thặng dư.

Thứ tư, quá trình tích lũy tư bản làm cho quy mô tư bản và cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên, tạo điều kiện để thực hiện tái sản xuất mở rộng. Mặt khác, sự gia tăng cấu tạo hữu cơ còn là một nguyên nhân của nạn thất nghiệp - nạn nhân khẩu thừa tương đối và sự bần cùng hóa giai cấp công nhân.

Thứ năm, nghiên cứu tích lũy và tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa cho phép rút ra những kết luận vạch rõ hơn bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

3.3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết

định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường là gì? Việc nghiên cứu các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường có ý nghĩa gì?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời cho các câu hỏi: Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường là gì? Việc nghiên cứu các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường có ý nghĩa gì?

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường là gì? Việc nghiên cứu các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường có ý nghĩa gì?

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Sinh viên trả lời, đưa ra các phương án giải quyết vấn đề.

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

- Giá trị thặng dư có biểu hiện cụ thể thông qua các hình thái lợi nhuận, lợi tức, địa tô. Trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận bình quân có vai trò điều tiết lợi nhuận, giá cả sản xuất có vai trò điều tiết giá cả thị trường.

- Nghiên cứu các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường có ý nghĩa, thấy rõ hơn các vấn đề cốt lõi:

+ Giá trị thặng dư với tư cách là cơ sở tồn tại, phát triển của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa được biểu hiện ra dưới nhiều hình thức có quan hệ mật thiết với nhau trong nền kinh tế thị trường như lợi nhuận, lợi tức, địa tô.

+ Mỗi quan hệ giữa người mua hàng hóa sức lao động và người bán hàng hóa sức lao động, giữa người lao động và người sử dụng lao động.

+ Mỗi quan hệ lợi ích giữa những nhà tư bản với nhau, giữa nhà tư bản với địa chủ trong việc phân chia giá trị thặng dư thu được trên cơ sở hao phí sức lao động của người lao động làm thuê.

+ Là cơ sở khoa học để xây dựng các chính sách kinh tế nhằm kết hợp hài hòa các lợi ích thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế....

TÓM TẮT CHƯƠNG

Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, vừa có điểm giống với kinh tế hàng hóa về yếu tố, chủ thể, quan hệ kinh tế, vừa khác về mục đích biểu hiện thông qua phạm trù giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư là giá trị mới dôi ra ngoài giá trị của hàng hóa sức lao động, do người lao động tạo ra.

Sức lao động là hàng hóa đặc biệt là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư. Bản chất kinh tế - xã hội của giá trị thặng dư là quan hệ giữa lao động làm thuê và người mua hàng hóa sức lao động.

Tư bản với tư cách là quan hệ sản xuất thống trị trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa biểu hiện ra dưới nhiều hình thức: tư bản bất biến, tư bản khả biến, tư bản cố định, tư bản lưu động.

Giá trị thặng dư được đo lường bằng tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư. Các phương pháp cơ bản để gia tăng giá trị thặng dư bao gồm phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

Tư bản duy trì sự tồn tại và phát triển thông qua quá trình tích lũy tư bản. Quy mô tích lũy tư bản chịu ảnh hưởng của các nhân tố như tỷ suất giá trị thặng dư, năng suất lao động, sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng, quy mô tư bản ứng trước. Tích lũy tư bản dẫn tới gia tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản, thúc đẩy tích tụ và tập trung tư bản, phân hóa thu nhập trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Giá trị thặng dư có biểu hiện cụ thể thông qua các hình thái lợi nhuận, lợi tức, địa tô. Trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận bình quân có vai trò điều tiết lợi nhuận, giá cả sản xuất có vai trò điều tiết giá cả thị trường.

CÁC THUẬT NGỮ CẦN GHI NHỚ

Giá trị thặng dư, tư bản, tư bản bất biến, tư bản khả biến, tư bản cố định, tư bản lưu động, tích lũy tư bản, cấu tạo hữu cơ tư bản, tích tụ và tập trung tư bản, chi phí sản xuất, lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, tỷ suất lợi nhuận, lợi tức, địa tô tư bản chủ nghĩa.

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Giả định từ vị trí của người mua hàng hóa sức lao động, hãy thảo luận trong nhóm và cảm nhận vai trò đồng thời lý giải về vai trò của người lao động làm thuê đối với hoạt động của doanh nghiệp do mình sở hữu? Nếu giả định vốn kinh doanh cần phải đi vay, hàng hóa được tiêu thụ bởi trung gian thương mại và mặt bằng sản xuất đi thuê, vậy doanh nghiệp phải có trách nhiệm gì với những chủ thể này?.

2. Xuất phát từ vai trò của người lao động? hãy thảo luận và đề xuất phương thức thực hiện lợi ích của mình trong quan hệ lợi ích với người sử dụng sức lao động, với cộng đồng và xã hội?.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích nguồn gốc và bản chất của giá trị thặng dư? Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư? Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư? Ý nghĩa thực tiễn?.

2. Tích lũy tư bản và các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy? Liên hệ và vận dụng?.

3. Phân tích các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản? Ý nghĩa thực tiễn?.

TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 55-132.

2. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, Tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.250-296

3. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, Tập 25, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, Phần 1, 47-83.

CHƯƠNG 5:

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 10 tiết)

Giáo án:

1. Tên bài học: **Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM**

2. Lớp/Trình độ: ĐH

3. Thời gian:

I. MỤC ĐÍCH BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Chứng tỏ sự hiểu biết của mình về các vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam (Khái niệm, tính tất yếu, đặc trưng; Sự hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam)

2. Về kỹ năng: Xác định được phương pháp, cách thức cốt lõi tiếp cận nội dung cơ bản của bài học; vận dụng được nội dung tri thức bài học vào việc giải thích các vấn đề của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nói riêng và kinh tế hàng hóa, thị trường trên thế giới hiện nay nói chung.

3. Về thái độ: Tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có niềm tin, lý tưởng cách mạng vào những quan điểm kinh tế - hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường của của Chủ nghĩa Mác Lênin.

II. CHUẨN ĐẦU RA BÀI HỌC

Sau khi học xong chương 2, người học cần đạt được:

1. Nắm được nội dung cơ bản của bài học: kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam

2. Xác định được phương pháp, cách thức cốt lõi tiếp cận nội dung cơ bản của bài học.

3. Vận dụng được phương pháp, cách thức cốt lõi để tiếp cận nội dung cơ bản của bài học; liên hệ được nội dung tri thức cốt lõi của bài học với học tập, rèn luyện của bản thân, thực tiễn đất nước.

III. NỘI DUNG TRỌNG TÂM & PPDH CƠ BẢN

3.1. Nội dung trọng tâm

- Khái niệm, tính tất yếu, đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

- Hoàn thiện thể chế và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

3.2. Phương pháp dạy học cơ bản

Chủ yếu dùng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực khác.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN

4.1. Chuẩn bị của giảng viên:

- Chuẩn bị Đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng;
- Các nội dung cần kiểm tra, đánh giá sinh viên trong quá trình dạy học.

4.2. Chuẩn bị của sinh viên:

- Tự đọc: Chương 5 trong Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Ban hành theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Kết luận số 94/KLTW/2014 về việc tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, giáo trình các môn khoa học Mác - Lênin và Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng biên soạn giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo tinh thần đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học dành cho hệ Đại học, Hội đồng biên soạn Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã biên soạn và cho ra mắt cuốn giáo trình dành cho hệ đào tạo Đại học không chuyên lý luận chính trị; Chương 5 trong “Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin” của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), từ (trang 169 - 223).

- Ghi chép lại những nội dung chưa hiểu, những vấn đề cần phải hỏi thêm, cần trao đổi, thảo luận.

V. PHƯƠNG TIỆN, TÀI LIỆU, TÀI NGUYÊN DẠY HỌC

1. Phương tiện: Máy chiếu; các phương tiện khác cho việc tổ chức các hoạt động học tập.

2. Tài liệu:

- *Tài liệu chính:* Chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác- Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

- *Tài liệu tham khảo:*

+ Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin: Dành cho bậc đại học - không chuyên Lý luận chính trị. Tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành tháng 8 năm 2019 / Ngô Tuấn Nghĩa (Ch.biên), Nguyễn Khắc Thanh, Đoàn Xuân Thủy,... - H. : [s.n.], 2019. - 187tr. ; 30cm

+ Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin/Vũ Hồng Tiến (Ch.biên), Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Ngọc Trờ. H. : Giáo dục, 1998. - 139tr.; 21cm

+ Hỏi - Đáp môn kinh tế chính trị Mác - Lênin/ An Như Hải (Ch.biên). - H. : Đại học quốc gia Hà Nội, 2008. - 146tr. ; 19cm

3. Tài nguyên: Sinh viên có thể khai thác tài liệu học tập liên quan đến chủ đề bài học trên các trên thư viện nhà trường; Kết nối thư viện số; Trong các trang thông tin điện tử trên các mạng chính thống.

VI. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Kiểm tra: Việc chuẩn bị bài mới; chuẩn bị giáo trình; các điều kiện khác cho học tập môn học.

2. Đánh giá: Chấp hành kỉ luật học tập; ý thức học tập của sinh viên; thực hiện các quy chế, quy định về học tập của sinh viên.

VII. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

CHƯƠNG 5

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

VD: Để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, hiểu sâu vấn đề Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, giảng viên có thể vận dụng phương pháp nêu vấn đề, như sau:

* Cho sinh viên nhận biết vấn đề, tìm các phương án giải quyết vấn đề, quyết định phương án giải quyết vấn đề ở nhà bằng cách giao bài tập, sau đó lên lớp thuyết trình kết quả làm bài tập, theo logic:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam nghiên cứu những nội dung cơ bản nào?: 1/. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 2/. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 3/. Quan hệ lợi ích và bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hướng dẫn, gợi mở, động viên để sinh viên tìm kiếm câu trả lời, phương án giải quyết vấn đề. Chia lớp thành 3 nhóm nghiên cứu:

Nhóm 1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. (Khái niệm, tính tất yếu, đặc trưng)

Nhóm 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. (Sự cần thiết, nội dung của hoàn thiện thể chế kinh tế...)

Nhóm 3. Quan hệ lợi ích và bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam. (Lợi ích và quan hệ lợi ích; Vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam)

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề:

Các nhóm chốt lại các phương án giải quyết vấn đề, trả lời các vấn đề.

* Trên cơ sở trình bày của người học về bài tập đã được giao, giảng viên kết luận và chốt lại vấn đề.

Bước 1: Nhận biết vấn đề

Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam nghiên cứu những 03 nội dung cơ bản: 1/. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 2/. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 3/. Quan hệ lợi ích và bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam.

Bước 2 : Tìm các phương án giải quyết vấn đề

Lần lượt các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu, tìm kiếm các phương án giải quyết vấn đề:

Nhóm 1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. (Khái niệm, tính tất yếu, đặc trưng)

Nhóm 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. (Sự cần thiết, nội dung của hoàn thiện thể chế kinh tế...)

Nhóm 3. Quan hệ lợi ích và bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam. (Lợi ích và quan hệ lợi ích; Vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam)

Bước 3: Quyết định phương án giải quyết vấn đề: Nội dung chương 5 sẽ được trình bày trong ba phần chính.

5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Nhóm 1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. (Khái niệm, tính tất yếu, đặc trưng)

** Nêu và phân tích nội hàm khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, là kết quả phát triển lâu dài của lực lượng sản xuất và xã hội hóa các quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, không có mô hình kinh tế thị trường chung cho mọi quốc gia. Mỗi nước có những mô hình kinh tế thị trường khác nhau vừa có những đặc trưng tất yếu của nền kinh tế thị trường nói chung vừa có những đặc trưng phản ánh điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội của quốc gia đó. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một kiểu nền kinh tế thị trường phù hợp với Việt Nam, phản ánh trình độ phát triển và điều kiện lịch sử của Việt Nam.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường như quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ...Đó là nền kinh tế vừa khai thác, phát

huy những ưu điểm, đồng thời vừa hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực của các quy luật kinh tế đó. Kinh tế thị trường được coi là một phương thức tổ chức kinh tế cơ bản ở nước ta.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa góp phần hướng tới từng bước xác lập trong thực tiễn một hệ giá trị toàn diện gồm dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh ở nước ta. Từng bước hiện thực hoá hệ giá trị toàn diện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thể hiện bản chất đặc trưng định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường có vai trò điều tiết của nhà nước, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vai trò điều tiết của nhà nước, lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là tất yếu khách quan, do lịch sử khách quan quy định.

**** Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam***

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam xuất phát từ những lý do cơ bản sau đây:

Một là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là phù hợp với tính quy luật phát triển khách quan

- Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Khi có đủ các điều kiện cho sự tồn tại và phát triển, nền kinh tế hàng hóa tự hình thành. Sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa ở trình độ cao sẽ hình thành nền kinh tế thị trường. Đó là tính quy luật. Ở Việt Nam, các điều kiện cho sự hình thành và phát triển kinh tế hàng hóa luôn tồn tại, phát triển. Do đó, sự hình thành kinh tế thị trường ở Việt Nam là tất yếu khách quan.

- Hệ giá trị toàn diện gồm dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là mong muốn chung của các quốc gia trên thế giới. Do đó, việc định hướng tới xác lập những giá trị đó trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là phù hợp và tất yếu trong phát triển.

- Nền kinh tế thị trường có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử; mỗi một giai đoạn lịch sử khác nhau, mỗi quốc gia khác nhau nó có hình thức phát triển khác nhau. Không có một nền kinh tế thị trường chung chung, trừu tượng giống nhau cho mọi giai đoạn lịch sử khác nhau, mỗi quốc gia khác nhau. Mặt khác, thực tiễn cho thấy kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã đạt tới giai đoạn phát triển khá cao và phồn thịnh ở các nước tư bản phát triển, nhưng những mâu thuẫn vốn có của nó không thể

nào khắc phục được trong lòng xã hội tư bản. Do vậy, nhân loại muốn tiếp tục phát triển thì không thể dừng lại ở kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Với ý nghĩa đó, sự lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam là phù hợp với xu thế của thời đại và đặc điểm phát triển của dân tộc, không hề mâu thuẫn với tiến trình phát triển của đất nước. Đây thực sự là bước đi, cách làm mới hiện nay của các dân tộc, quốc gia đang trên con đường hướng tới xã hội xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là do tính ưu việt của nó trong thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội ở nước ta

Thực tiễn trên thế giới và Việt Nam cho thấy kinh tế thị trường có nhiều ưu điểm: Thúc đẩy phân công lao động phát triển, phân bổ và phát huy có hiệu quả các nguồn lực kinh tế, phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế; điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá, kích thích cải tiến kỹ thuật - công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, tạo ra các phương thức đáp ứng, thoả mãn tối đa nhu cầu của con người; thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tăng năng xuất lao động.

Như vậy, sự phát triển của kinh tế thị trường không mâu thuẫn với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, cần phải phát triển kinh tế thị trường, sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện để thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là sự lựa chọn cách làm, bước đi thông minh, sáng tạo, đúng quy luật kinh tế khách quan để đi đến mục tiêu của chủ nghĩa xã hội nhanh và có hiệu quả. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế thị trường cũng cần chú ý tới những thất bại và khuyết tật của thị trường để có sự can thiệp, điều tiết kịp thời của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Ba là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là phù hợp với mục tiêu chiến lược của cách mạng, khát vọng của nhân dân, dân tộc Việt Nam

Mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khát vọng của nhân dân Việt Nam là dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Nước ta từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá kéo dài, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy, tiến hành “một cuộc cách mạng về cách thức tổ chức nền kinh tế - xã hội”, phát triển nền sản xuất từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn là yêu cầu khách quan, tất yếu ở nước ta. Con đường để đáp ứng yêu cầu khách quan, tất yếu đó là phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là phù hợp với mục tiêu chiến lược của cách mạng, khát vọng của nhân dân, dân tộc Việt Nam; bước đi tất yếu để thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*** Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

- Về mục tiêu:

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; xây dựng quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp nhằm ngày càng hoàn thiện cơ sở kinh tế - xã hội của chủ nghĩa xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là sự khác biệt cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

- Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế:

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không chỉ củng cố và phát triển các thành phần kinh tế dựa trên chế độ công hữu là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể mà còn phải khuyến khích các thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân coi đó là động lực quan trọng, thực hiện sự liên kết giữa các loại hình công hữu - tư hữu sâu rộng ở cả trong và ngoài nước. Mỗi thành phần kinh tế đều là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển, cùng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc nhằm đảm bảo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Sở hữu nhà nước, vai trò kinh tế nhà nước gắn bó hữu cơ với toàn bộ nền kinh tế, nhiều thành phần kinh tế và trong suốt cả quá trình phát triển.

- Về quan hệ quản lý nền kinh tế: Quan hệ quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là: Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản; sự làm chủ và giám sát của nhân dân với mục tiêu dùng kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, vì “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đảng lãnh đạo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua cương lĩnh, đường lối và các chủ trương, quyết sách lớn về phát triển kinh tế - xã

hội trong từng thời kỳ phát triển của đất nước, là yếu tố quan trọng bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua pháp luật, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, cơ chế chính sách; công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc của thị trường, phù hợp với yêu cầu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Về quan hệ phân phối.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thực hiện nhiều hình thức phân phối khác nhau (cả đầu vào và đầu ra của các quá trình kinh tế), trong đó, phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo phúc lợi là những hình thức phân phối phản ánh định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

Thực hiện nhiều hình thức phân phối (thực chất là thực hiện các lợi ích kinh tế) ở nước ta sẽ có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, góp phần cải thiện và nâng đời sống cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, bảo đảm công bằng xã hội trong sử dụng các nguồn lực kinh tế và đóng góp của họ trong quá trình lao động và sản xuất, kinh doanh.

- Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải thực hiện gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và từng giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường. Không thể đợi tới khi có nền kinh tế phát triển cao mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và càng không thể “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo sự tăng trưởng kinh tế thuần túy.

5.2. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Nhóm 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. (Sự cần thiết, nội dung của hoàn thiện thể chế kinh tế...)

- Khái niệm: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là hệ thống chủ trương, đường lối chiến lược; hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vì:

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước mới có chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó, nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta mới được hình thành và đang trong quá trình phát triển; nền kinh tế thị trường, các yếu tố thị trường, các loại thị trường chưa hoàn thiện, đồng bộ; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý kinh tế thị trường, hơn nữa lại phải xây dựng thể chế kinh tế phục vụ lợi ích, vì lợi ích của nhân dân....Như vậy, do cả điều kiện khách quan và chủ quan, nên hiện nay, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn chưa đồng bộ, đầy đủ, kém hiệu lực, hiệu quả...Do đó, để tạo ra một trong các động lực thúc đẩy nền kinh tế thị trường của nước ta hiện nay cần phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Để hoàn thiện thể chế về sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cần thực hiện các nội dung sau: Thể chế hóa đầy đủ quyền tài sản của nhà nước, tổ chức và cá nhân, bảo đảm công khai, minh bạch, thông suốt, hiệu lực thực thi và bảo vệ có hiệu quả quyền sở hữu tài sản; Hoàn thiện pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, khắc phục tình trạng sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai; về đầu tư vốn nhà nước, sử dụng có hiệu quả các tài sản công, phân biệt rõ tài sản đưa vào kinh doanh và tài sản để thực hiện mục tiêu chính sách xã hội; về sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích đổi mới, sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ...

Để hoàn thiện thể chế cho sự phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cần thực hiện các nội dung sau: Thực hiện nhất quán một mặt bằng pháp lý và điều kiện kinh doanh cho các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; Hoàn thiện thể chế, pháp luật về đầu tư, kinh doanh, xóa bỏ các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh; về cạnh tranh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; về đấu thầu, đầu tư công; về các thành phần kinh tế, các khu vực kinh tế, về các mô hình sản xuất kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp; về thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài...

b) Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Các yếu tố thị trường như hàng hóa, giá cả, cạnh tranh, cung cầu ... Các loại thị trường cơ bản như thị trường hàng hóa, thị trường vốn, thị trường công nghệ, thị trường hàng hóa sức lao động cần phải được hoàn thiện vận hành theo nguyên tắc thể chế kinh tế thị trường. Muốn vậy, phải hoàn thiện hệ thống thể chế về giá, về cạnh tranh, về chất lượng hàng hóa, dịch vụ...; đảm bảo sự vận hành thông suốt, phát huy

tác động tích cực, cộng hưởng của các thị trường đối với sự phát triển của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c) Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội và thúc đẩy hội nhập kinh tế

Xây dựng hệ thống thể chế để có thể kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế nhanh và bền vững với phát triển xã hội bền vững, thực hiện tiến bộ xã hội, tạo cơ hội cho mọi thành viên trong xã hội tham gia bình đẳng và hưởng thụ công bằng thành quả của quá trình phát triển; tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống pháp luật về các thể chế liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế ở Việt Nam, thực hiện nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong hợp tác kinh tế quốc tế, không để bị lệ thuộc vào một số ít thị trường...

+ Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị

Để phát triển thành công kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải phát huy được sức mạnh về trí tuệ, nguồn lực và sự đồng thuận của toàn dân tộc. Muốn vậy cần phải thực hiện nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò của nhà nước và phát huy vai trò của nhân dân. Xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yêu cầu khách quan, tất yếu.

5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Nhóm 3. Quan hệ lợi ích và bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam. (Lợi ích và quan hệ lợi ích; Vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam)

a) Lợi ích và quan hệ lợi ích

** Khái niệm, bản chất và biểu hiện của lợi ích kinh tế. Vai trò của lợi ích kinh tế đối với các chủ thể kinh tế - xã hội*

Lợi ích là sự thỏa mãn nhu cầu của con người mà sự thỏa mãn nhu cầu này phải được nhận thức và đặt trong mối quan hệ xã hội ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội đó.

Xét về bản chất, lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội. Xét về biểu hiện, gắn với các chủ thể kinh tế khác nhau, các quan hệ kinh tế khác nhau là những lợi ích khác nhau. Trong nền kinh tế thị trường, ở đâu có hoạt động sản xuất kinh doanh, ở đó có quan hệ lợi ích và lợi ích kinh tế.

Vai trò của lợi ích kinh tế đối với các chủ thể kinh tế - xã hội

Lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp của các chủ thể. Trong nền kinh tế thị trường, có nhiều chủ thể kinh tế khác nhau tham gia, mục đích tham gia của các chủ thể kinh tế rất đa dạng, phong phú, nhưng trước hết mục đích quan trọng, cơ bản, hàng đầu của các chủ thể kinh tế là để có thu nhập, lợi ích kinh tế, để thỏa mãn các nhu cầu vật chất, nâng cao phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất của mình. Như vậy, thu nhập, lợi ích kinh tế, thỏa mãn các nhu cầu vật chất, nâng cao phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất của mình là động lực trực tiếp thúc đẩy hoạt động của các chủ thể kinh tế.

Lợi ích kinh tế mang tính khách quan và là động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế - xã hội. Phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất còn phụ thuộc địa vị của con người trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội. Để thực hiện được lợi ích của mình các chủ thể kinh tế phải đấu tranh với nhau để thực hiện quyền làm chủ đối với tư liệu sản xuất. Đó là cội nguồn sâu xa của các cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trong lịch sử - một động lực quan trọng của tiến bộ, phát triển kinh tế - xã hội. Giải quyết đảm bảo sự đồng thuận, thống nhất, hài hoà giữa các lợi ích kinh tế của các chủ thể kinh tế là động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sự hoạt động tích cực của các chủ thể kinh tế, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

Lợi ích kinh tế là cơ sở thúc đẩy sự phát triển các lợi ích khác. Lợi ích kinh tế được thực hiện sẽ tạo điều kiện vật chất cho sự hình thành và thực hiện lợi ích chính trị, lợi ích xã hội, lợi ích văn hóa của các chủ thể xã hội.

*** *Khái niệm, sự thống nhất và mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế. Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế***

- Khái niệm quan hệ lợi ích kinh tế

Quan hệ lợi ích kinh tế là sự thiết lập những tương tác giữa con người với con người, giữa các cộng đồng người, giữa các tổ chức kinh tế, giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế, giữa con người với tổ chức kinh tế, giữa quốc gia với phần còn lại của thế giới, nhằm mục tiêu xác lập các lợi ích kinh tế trong mối liên hệ với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của một giai đoạn phát triển xã hội nhất định.

- Sự thống nhất và mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế

Sự thống nhất trong quan hệ lợi ích kinh tế là sự gắn bó, quy định, ràng buộc, tác động, chuyển hoá về lợi ích kinh tế của các chủ thể kinh tế. Biểu hiện của sự thống nhất trong quan hệ lợi ích kinh tế của các chủ thể kinh tế: Trong nền kinh tế thị trường, sản lượng đầu ra và các yếu tố đầu vào đều được thực hiện thông qua thị trường; mục tiêu của các chủ thể chỉ được thực hiện trong mối quan hệ và phù hợp với mục tiêu của các chủ thể khác. Như vậy, khi các chủ thể kinh tế hành động vì mục tiêu chung, thống nhất với nhau thì các lợi ích kinh tế của các chủ thể chế độ thống nhất với nhau. Chẳng hạn, chủ doanh nghiệp đường càng có nhiều lợi nhuận, doanh

thu; thì càng tạo điều kiện cho việc sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ mía đường của hộ nông dân... Mặt khác, trong nền kinh tế thị trường, một chủ thể có thể trở thành bộ phận cấu thành của chủ thể khác, do đó, lợi ích của chủ thể này được thực hiện thì lợi ích của chủ thể khác cũng trực tiếp hoặc gián tiếp được thực hiện. Chẳng hạn, mỗi cá nhân người lao động có lợi ích riêng của mình, đồng thời các cá nhân đó lại là bộ phận cấu thành tập thể doanh nghiệp và tham gia vào lợi ích tập thể đó. Doanh nghiệp hoạt động càng có hiệu quả, lợi ích doanh nghiệp càng được đảm bảo thì lợi ích người lao động càng được thực hiện tốt: việc làm được đảm bảo, thu nhập ổn định và được nâng cao... Ngược lại, lợi ích người lao động càng được thực hiện tốt thì người lao động càng tích cực làm việc, trách nhiệm với doanh nghiệp càng cao và từ đó lợi ích doanh nghiệp càng được thực hiện tốt.

Sự mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế là sự chênh lệch, khác biệt, ganh đua, đấu tranh về lợi ích kinh tế của các chủ thể kinh tế. Biểu hiện của sự mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế của các chủ thể kinh tế: Các chủ thể kinh tế có những hành động theo những phương thức khác nhau để thực hiện các lợi ích của mình. Những phương thức của các chủ thể kinh tế thực hiện các lợi ích của mình khác nhau đến mức đối lập, ảnh hưởng lẫn nhau thì trở thành mâu thuẫn. Ví dụ, vì lợi ích của mình, các cá nhân, doanh nghiệp có thể làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế... thì lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và lợi ích xã hội mâu thuẫn với nhau. Các chủ thể kinh tế có quan hệ kinh tế với nhau, họ sẽ có những quan hệ trực tiếp trong việc phân phối kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khi phân phối kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh không công bằng, phù hợp, bất bình đẳng sẽ dẫn đến mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế của các chủ thể kinh tế. Chẳng hạn, tiền lương của người lao động bị bớt xén sẽ làm tăng lợi nhuận của chủ doanh nghiệp; nhà nước giảm thuế sẽ làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng...

Sự mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế là cội nguồn của các xung đột xã hội. Trong các hình thức lợi ích kinh tế, lợi ích cá nhân là cơ sở, nền tảng của các lợi ích khác; mâu thuẫn lợi ích cá nhân là cơ sở, nền tảng của các mâu thuẫn lợi ích khác. Các chủ thể kinh tế, đặc biệt là nhà nước phải quan tâm điều hoà mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế, đặc biệt chú ý mâu thuẫn lợi ích cá nhân nhằm ổn định xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế

Thứ nhất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Lợi ích kinh tế là phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất của con người, mà phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất của con người lại phụ thuộc vào trình độ phát triển lực lượng sản xuất. Như vậy, nhân tố đầu tiên ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế của các chủ thể là lực lượng sản xuất.

Thứ hai, địa vị của chủ thể trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội. Mỗi chủ thể trong nền kinh tế thị trường sẽ tham gia, có vị trí, vai trò khác nhau trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội và điều đó sẽ ảnh hưởng, quyết định đến quan hệ lợi ích kinh tế của từng chủ thể.

Thứ ba, chính sách phân phối thu nhập của nhà nước. Chính sách phân phối thu nhập của nhà nước làm thay đổi mức thu nhập và tương quan thu nhập của các chủ thể kinh tế. Khi mức thu nhập và tương quan thu nhập thay đổi, phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất cũng thay đổi, tức là lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế giữa các chủ thể cũng thay đổi.

Thứ tư, hội nhập kinh tế quốc tế. Khi mở cửa hội nhập, các chủ thể kinh tế có thể hưởng lợi, khai thác, phát huy được thế mạnh hoặc có thể gặp bất lợi, bị thiệt hại, gặp rủi ro về kinh tế; đất nước có thể phát triển nhanh hơn do gia tăng lợi ích kinh tế từ thương mại quốc tế nhưng cũng phải đối mặt với các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường... Điều đó có nghĩa là hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tác động mạnh mẽ và nhiều chiều đến lợi ích kinh tế của các chủ thể.

*** Trong nền kinh tế thị trường có những quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản nào? Điểm thống nhất và mâu thuẫn trong những quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản.**

- *Các quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường*

Trong điều kiện kinh tế thị trường, có một số quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản sau: Một là, quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động; Hai là, quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động; Ba là, quan hệ lợi ích giữa những người lao động; Bốn là, quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội.

- *Sự thống nhất và mâu thuẫn của các quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản*

Một là, quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động.

- Người sử dụng lao động là người mua sức lao động; tổ chức, quản lý quá trình làm việc của người lao động; lợi ích kinh tế thể hiện tập trung ở lợi nhuận thu được trong quá trình kinh doanh. Người lao động là người bán sức lao động; chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động; lợi ích kinh tế thể hiện tập trung ở thu nhập từ người sử dụng lao động.

- Sự thống nhất về lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động thể hiện lợi nhuận của người sử dụng lao động, thu nhập người lao động phát triển đồng thuận, tăng cao. Sự thống nhất về lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh tế phát triển.

- Sự mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động thể hiện lợi nhuận của người sử dụng lao động, thu nhập người lao động phát triển không đồng thuận. Nghĩa là, lợi nhuận của người sử dụng lao động tăng lên thì tiền lương của người lao động giảm xuống và ngược lại. Sự mâu thuẫn về lợi ích

kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động sẽ kìm hãm, ảnh hưởng xấu đến các hoạt động kinh tế.

- Để bảo vệ lợi ích kinh tế của mình, người lao động và người sử dụng lao động đã thành lập các tổ chức riêng. Trong xã hội hiện đại, đấu tranh giữa các bên cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật,

Hai là, quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động.

- Trong cơ chế thị trường, những người sử dụng lao động có quan hệ lợi ích kinh tế chặt chẽ với nhau vừa là đối tác, vừa là đối thủ của nhau, từ đó tạo ra sự thống nhất và mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa họ.

- Sự thống nhất về lợi ích kinh tế làm cho những người sử dụng lao động liên kết chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, trở thành đội ngũ doanh nhân. Trong cơ chế thị trường, đội ngũ này đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội nên cần được tôn vinh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển.

- Trong cơ chế thị trường, những người sử dụng lao động cạnh tranh với nhau trong cùng ngành, giữa các ngành. Cạnh tranh trong cùng ngành với nhau về hàng hoá sức lao động, ứng xử với người lao động, với những người cho vay vốn, cho thuê đất, với nhà nước, trong chiếm lĩnh thị trường hàng hoá, giá cả hàng hoá... Hệ quả tất yếu là hình thành giá cả thị trường của hàng hoá, các các nhà doanh nghiệp có giá trị cá biệt cao hơn giá trị xã hội và các rủi ro khác bị thua lỗ, phá sản... bị loại bỏ khỏi thương trường và ngược lại. Cạnh tranh giữa các ngành, bằng việc di chuyển vốn (tư bản) từ ngành này sang ngành khác, hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, tức là những người sử dụng lao động đã chia nhau lợi nhuận theo vốn đóng góp.

Ba là, quan hệ lợi ích giữa những người lao động.

- Trong nền kinh tế thị trường, quan hệ lợi ích giữa những người lao động vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn với nhau. Sự thống nhất về quan hệ lợi ích giữa những người lao động thể hiện để bảo vệ lợi ích của mình họ đoàn kết với nhau để thực hiện được các yêu sách của mình ở các mức độ khác nhau đối với những người sử dụng lao động. Sự mâu thuẫn về quan hệ lợi ích giữa những người lao động thể hiện họ cạnh tranh với nhau trong bán sức lao động, hậu quả là tiền lương bị giảm xuống, một bộ phận bị sa thải...

- Để hạn chế mâu thuẫn lợi ích kinh tế trong nội bộ, đấu tranh với những người sử dụng lao động, những người lao động đã thành lập tổ chức riêng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong giải quyết các mối quan hệ. Điều đó là cần thiết, chính đáng nhưng phải dựa trên các quy định của pháp luật.

Bốn là, quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội.

- Trong nền kinh tế thị trường, quan hệ lợi ích giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn với nhau thể hiện: Sự tồn tại, phát triển của cộng đồng, xã hội quyết định sự tồn tại, phát triển của cá nhân nên lợi

ích xã hội đóng vai trò định hướng cho lợi ích cá nhân và các hoạt động thực hiện lợi ích cá nhân. Lợi ích xã hội là cơ sở của sự thống nhất giữa các lợi ích cá nhân, tạo ra sự thống nhất trong hoạt động của các chủ thể khác nhau trong xã hội. Nếu người lao động, người sử dụng lao động làm việc theo đúng pháp luật, thực hiện được các lợi ích kinh tế của mình thì họ đã góp phần thực hiện, phát triển lợi ích kinh tế của xã hội. Khi lợi ích kinh tế của xã hội được thực hiện sẽ tạo lập môi trường thuận lợi để người lao động, người sử dụng lao động thực hiện tốt hơn các lợi ích kinh tế của mình. Ngược lại, nếu giữa người lao động, người sử dụng lao động nảy sinh mâu thuẫn không giải quyết được; hoặc họ cộng tác với nhau làm hàng giả, hàng nhái, trốn thuế... thì lợi ích kinh tế của xã hội sẽ bị tổn hại, nền kinh tế chậm phát triển, chất lượng cuộc sống của người dân chậm được cải thiện... Từ đó ảnh hưởng xấu đến lợi ích kinh tế của các chủ thể, trong đó có người lao động, người sử dụng lao động.

- Các cá nhân, tổ chức hoạt động trong cùng ngành, cùng lĩnh vực, liên kết với nhau trong hành động để thực hiện tốt hơn lợi ích riêng của họ hình thành nên “lợi ích nhóm”; trong các ngành, lĩnh vực khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau, liên kết với nhau trong hành động để thực hiện tốt hơn lợi ích riêng mình hình thành nên “nhóm lợi ích”. “Lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” nếu phù hợp với lợi ích quốc gia, không gây tổn hại đến các lợi ích khác cần được tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện thì đất nước có thêm động lực phát triển; ngược lại, khi chúng mâu thuẫn với lợi ích quốc gia, làm tổn hại các lợi ích khác thì cần phải ngăn chặn.

- Trong thực tế, “lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” có sự tham gia của công chức, viên chức hoặc các cơ quan công quyền nhiều khả năng sẽ bị lạm dụng và phục vụ cho lợi ích của các cá nhân, tác động tiêu cực đến lợi ích xã hội. “Lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” tiêu cực thường không lộ diện, nên chống nó là vô cùng khó khăn. Để bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, việc chống “lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” tiêu cực phải được thực hiện quyết liệt, thường xuyên.

b) Vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam

a. Phương thức thực hiện lợi ích kinh tế trong các quan hệ lợi ích chủ yếu

Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có hai phương thức cơ bản để thực hiện lợi ích kinh tế gồm: Thứ nhất, thực hiện lợi ích kinh tế theo nguyên tắc thị trường. Thứ hai, thực hiện lợi ích kinh tế theo chính sách của nhà nước và vai trò của các tổ chức xã hội.

b. Hài hòa các lợi ích kinh tế là gì?

Hài hòa các lợi ích kinh tế là sự thống nhất biện chứng giữa lợi ích kinh tế của các chủ thể, trong đó mặt mâu thuẫn được hạn chế, trách được va chạm, xung đột;

mặt thống nhất được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, từ đó tạo động lực thúc đẩy các hoạt động kinh tế, góp phần thực hiện tốt hơn các lợi ích kinh tế, đặc biệt là lợi ích xã hội.

c. Vai trò của Nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích

Để có sự hài hòa giữa các lợi ích kinh tế chỉ có kinh tế thị trường là không đủ mà cần có sự can thiệp của nhà nước. Vai trò của Nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích được tập trung thể hiện:

- Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế

Để có được lợi ích hợp pháp các chủ thể kinh tế cần có môi trường hoạt động thuận lợi, thông thoáng, hiệu quả. Nhà nước phải tạo ra môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế như giữ vững ổn định về chính trị, giữ vững ổn định về chính trị là góp phần bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế ở Việt Nam; có hệ thống pháp luật, môi trường pháp luật, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế bảo vệ được lợi ích chính đáng của các chủ thể kinh tế, đặc biệt là lợi ích của đất nước; xây dựng kết cấu hạ tầng của nền kinh tế thị trường hiện đại, đồng bộ; môi trường văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, con người năng động, sáng tạo, tôn trọng kỷ cương, pháp luật, giữ chữ tín... Nhà nước phải xác định được các lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế, đồng thời có hệ thống pháp luật, cơ quan tổ chức thực hiện pháp luật đủ mạnh để bảo vệ lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế.

- Điều hòa lợi ích giữa cá nhân - doanh nghiệp - xã hội

Trong điều kiện kinh tế thị trường, luôn có sự phân hóa, chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Sự phân hóa, chênh lệch về thu nhập này ngày càng sâu sắc sẽ dẫn đến căng thẳng, xung đột xã hội. Vì vậy, nhà nước, một mặt, cần có các chính sách phân phối thu nhập nhằm bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế hợp lý; mặt khác, cần có các giải pháp phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất để nâng cao thu nhập cho các chủ thể kinh tế. Đó chính là những điều kiện vật chất để thực hiện ngày càng đầy đủ sự công bằng xã hội trong phân phối.

- Giải quyết những mâu thuẫn, xung đột trong quan hệ lợi ích kinh tế

Mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế là khách quan, nếu giải quyết đúng đắn, kịp thời sẽ tạo ra động lực trực tiếp của các hoạt động kinh tế.

Các cơ quan chức năng của nhà nước cần phải thường xuyên quan tâm phát hiện mâu thuẫn và chuẩn bị chu đáo các giải pháp đối phó. Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa các lợi ích kinh tế là phải có sự tham gia của các bên liên quan, có sự tham gia hòa giải của các tổ chức xã hội có liên quan, đặc biệt là nhà nước, có nhân nhượng và phải đặt lợi ích đất nước lên trên hết.

- *Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội*

- Trong nền kinh tế thị trường luôn có các quan hệ lợi ích có thể ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội: quan hệ phân phối thu nhập; quan hệ trong thực hiện các chính sách xã hội; quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức, cơ quan (đại diện cho nhà nước) với các chủ thể kinh tế như cấp phép, đầu tư, đấu thầu, sử dụng tài nguyên khoáng sản, đất đai, ngân sách, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, phân bổ, quản lý và sử dụng biên chế....; quan hệ cạnh tranh không lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế; quan hệ kinh tế quốc tế ...

- Các giải pháp kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội: Phải có bộ máy nhà nước liêm chính, hiệu lực, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế như tham ô, tham nhũng, cạnh tranh không lành mạnh, "lợi ích nhóm" và "nhóm lợi ích" tiêu cực...; Phải tích cực, chủ động thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập, nâng cao nhận thức, hiểu biết về phân phối thu nhập cho các chủ thể kinh tế - xã hội, đặc biệt là người lao động và người sử dụng lao động; Phải thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội nhằm giải quyết hài hoà các quan hệ về lợi ích kinh tế như xoá đói giảm nghèo, ưu đãi xã hội, khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân....

TÓM TẮT CHƯƠNG

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu nền kinh tế thị trường phù hợp với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với những quy luật khách quan của lịch sử và hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có những đặc điểm chung của kinh tế thị trường hiện đại, đồng thời có những đặc điểm riêng có do tính định hướng xã hội chủ nghĩa quy định. Để phát triển kinh tế thị trường hướng tới thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cần phải xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là trách nhiệm của Đảng, nhà nước và toàn xã hội.

Lợi ích kinh tế là phạm trù kinh tế khách quan, là động lực của các hoạt động kinh tế. Về bản chất, lợi ích kinh tế quan hệ xã hội, mang tính lịch sử. Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế có nhiều nhân tố, quan trọng nhất là: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, chính sách nhà nước, mức độ hội nhập quốc tế...

Trong cơ chế thị trường, các chủ thể kinh tế quan hệ với nhau, xuất phát từ quan hệ lợi ích. Đó là quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động; quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động; quan hệ lợi ích giữa những người lao động... Các quan hệ lợi ích đó là biểu hiện của quan hệ sâu xa hơn, quan

hệ lợi ích giữa các cá nhân - lợi ích nhóm, nhóm lợi ích “ lợi ích xã hội. Bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế là yêu cầu khách quan để phát triển và nhà nước là chủ thể chính trong giải quyết vấn đề này.

CÁC THUẬT NGỮ CẦN GHI NHỚ

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: đặc trưng; thể chế; thể chế kinh tế; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, người lao động, người sử dụng lao động, quan hệ lợi ích cá nhân - xã hội.

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vừa bao hàm những đặc trưng có tính phổ biến của kinh tế thị trường trên thế giới, vừa có đặc trưng mang tính phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, hãy thảo luận để làm rõ những đặc trưng đó?.

Hãy xuất phát từ vai trò của công dân, thảo luận để chỉ ra trách nhiệm của mình cần thực hiện những nhiệm vụ gì để góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam? Với tư cách là công dân, hãy thảo luận các phương thức để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội?.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?.

2. Trình bày những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?. Phân tích những nhiệm vụ chủ yếu để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?.

3. Khái niệm, đặc trưng và những nhân tố ảnh hưởng đến các quan hệ lợi ích kinh tế? Các quan hệ lợi ích kinh tế chủ yếu trong nền kinh tế thị trường? Sự thống nhất và mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế? Vai trò nhà nước trong việc đảm bảo hài hòa các lợi ích kinh tế?.

TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 -2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết số 11- NQ/TW ngày 03/6/2017 về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2.2. Thực nghiệm vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.2.1. Kế hoạch thực nghiệm

2.2.1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm nhằm kiểm chứng tính đúng đắn của giả thuyết khoa học đã đề ra và khẳng định tính cần thiết, khả thi của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin được đề xuất. Qua đó chứng tỏ rằng, hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở trường Đại học Hoa Lư.

2.2.1.2. Nội dung thực nghiệm

Đối với nhóm thực nghiệm: Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Đối với nhóm đối chứng: Thực hiện dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin theo cách thông thường, không vận dụng phương pháp nêu trên.

2.2.1.3. Đối tượng thực nghiệm

+ Đối tượng thực nghiệm lần 1 là: 20 sinh viên lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500206, làm lớp thực nghiệm (TN₁) và 28 lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500204 làm lớp đối chứng (ĐC₁).

+ Đối tượng thực nghiệm lần 2 là: 21 sinh viên lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500207, làm lớp thực nghiệm (TN₂) và 23 lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500208 làm lớp đối chứng (ĐC₂).

2.2.1.4. Địa điểm và thời gian thực nghiệm

- *Địa điểm thực nghiệm:* Trường Đại học Hoa Lư

- *Thời gian thực nghiệm:* Học kỳ 2, năm học 2022 - 2023

2.2.2. Tiến hành thực nghiệm

2.2.2.1. Khảo sát trước thực nghiệm

- Chúng tôi chọn lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500206, có 20 sinh viên và lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500204, có 28 sinh viên để khảo sát trước thực nghiệm, thông qua bài kiểm tra Test nhanh sau khi học kết thúc bài 1 chương trình môn học.

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm F
Lớp độc lập có mã số 220230104 070100707, (20 sinh viên)	5	12	5	0	0
Tỉ lệ %	22.7	54.5	22.7	0	0

Lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (28 sinh viên)	9	14	5	0	0
Tỉ lệ %	32.1	50.0	17.9	0.0	0.0

Kết quả trước thực nghiệm, cho thấy: Tỉ lệ sinh viên xếp loại trên các phổ điểm A, B, C, D của lớp độc lập có mã số 220230104 070100707, (20 sinh viên) và lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (28 sinh viên) về cơ bản là tương đương nhau, không có chỉ số chênh lệch nào quá cao. Do đó, mặt bằng chất lượng học tập là tương đương nhau, do đó chúng tôi lựa chọn lớp độc lập có mã số 220230104 070100707, (20 sinh viên) là lớp TN₁ và lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (28 sinh viên) 0110206 là lớp ĐC₁.

2.2.2.2. Thực nghiệm lần 1

** Kết quả học tập của sinh viên thông qua điểm tổng kết đánh giá học phần lớp TN₁ và ĐC₁ sau thực nghiệm lần 1*

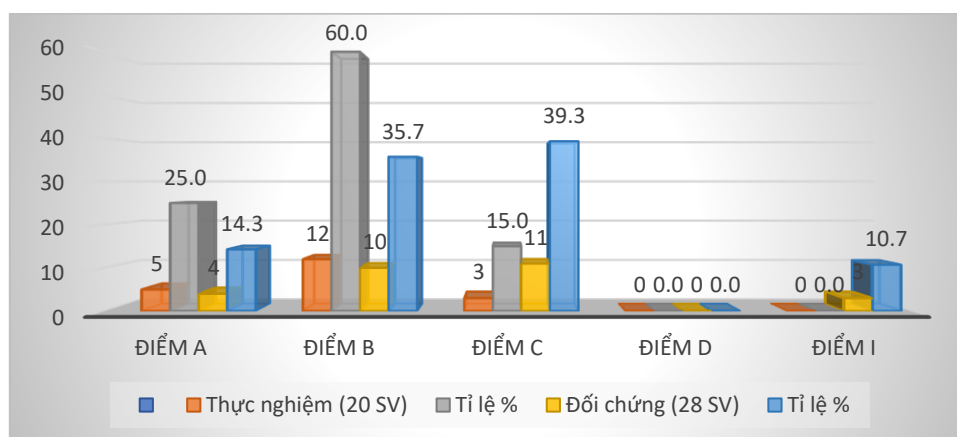
Chúng tôi chọn lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500206, có 20 sinh viên làm lớp thực nghiệm (TN₁) và lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500204, có 28 sinh viên làm lớp đối chứng (ĐC₁).

Trong quá trình dạy thực nghiệm, tại lớp thực nghiệm đối với môn học, chúng tôi không vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Tại lớp đối chứng, chúng tôi không vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, việc dạy học diễn ra bình thường. Qua quá trình đó chúng tôi thu được kết quả điểm đánh giá học phần ở lớp TN₁ và ĐC₁ như sau:

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm I
Thực nghiệm (20 SV)	5	12	3	0	0
Tỉ lệ %	25.0	60.0	15.0	0.0	0.0
Đối chứng (28 SV)	4	10	11	0	3
Tỉ lệ %	14.3	35.7	39.3	0.0	10.7

Bảng 2.1. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN₁ và ĐC₁ sau thực nghiệm lần 1



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN₁ và ĐC₁ sau thực nghiệm lần 1

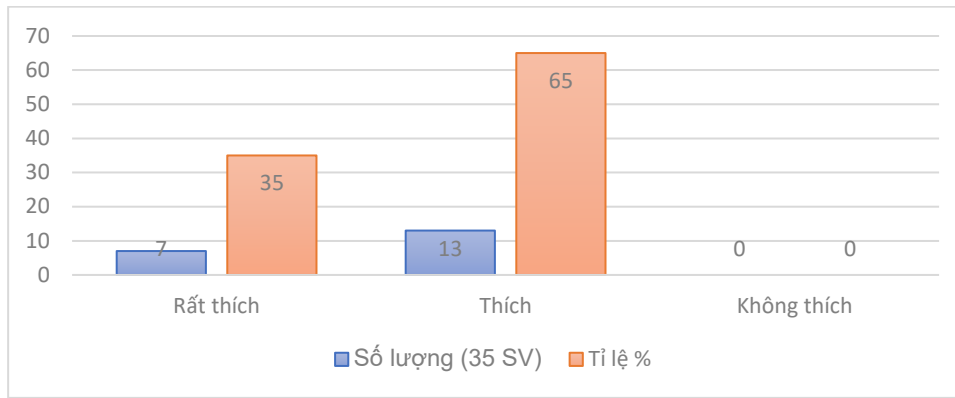
Kết quả thực nghiệm cho thấy: Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm A là 5/20 SV, chiếm 25.0 %, ở lớp ĐC₁ có 4/28 SV, chiếm 14.3 % có điểm A; Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm B là 12/20 SV, chiếm 60.0%, ở lớp ĐC₁ có 10/28 SV, chiếm 35.7 % có điểm B; Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm C là 3/20 SV, chiếm 15.0 %, ở lớp ĐC₁ có 11/28 SV, chiếm 39.3 % có điểm C; Ở lớp TN₁ không có sinh viên nào có điểm D ở lớp ĐC₁ không có sinh viên nào có điểm D; Ở lớp TN₁ không có sinh viên nào có điểm I; ở lớp ĐC₂ có 3/28 SV, chiếm 10.7 % sinh viên nào có điểm I. Như vậy, sau thực nghiệm có sự khác biệt rõ nét về chất lượng học tập của sinh viên nhóm TN₁ so với sinh viên nhóm ĐC₂. Tỉ lệ sinh viên ở lớp TN₁ có điểm A cao hơn sinh viên ở lớp ĐC₁ là 10.7%; Tỉ lệ sinh viên ở lớp TN₁ có điểm B cao hơn sinh viên ở lớp ĐC₁ là 24.3%; Tỉ lệ sinh viên ở lớp TN₁ có điểm C thấp hơn sinh viên ở lớp ĐC₁ là 24.3%. Ở lớp TN₁ không có sinh viên nào có điểm I; ở lớp ĐC₂ có 3/28 SV, chiếm 10.7 % sinh viên nào có điểm I. Điều đó chứng tỏ tinh thần, ý thức, hiệu quả học tập của sinh viên nhóm TN₁ cao hơn so với sinh viên nhóm ĐC₁. Điều này cho thấy hiệu quả của việc vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

*** Khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.**

- Về nhu cầu, hứng thú học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn học, sinh viên lớp TN₁ trả lời, kết quả được thống kê và sơ đồ hoá như sau:

Mức độ	Rất thích	Thích	Không thích
Số lượng (20 SV)	7	13	0
Tỉ lệ %	35	65	0

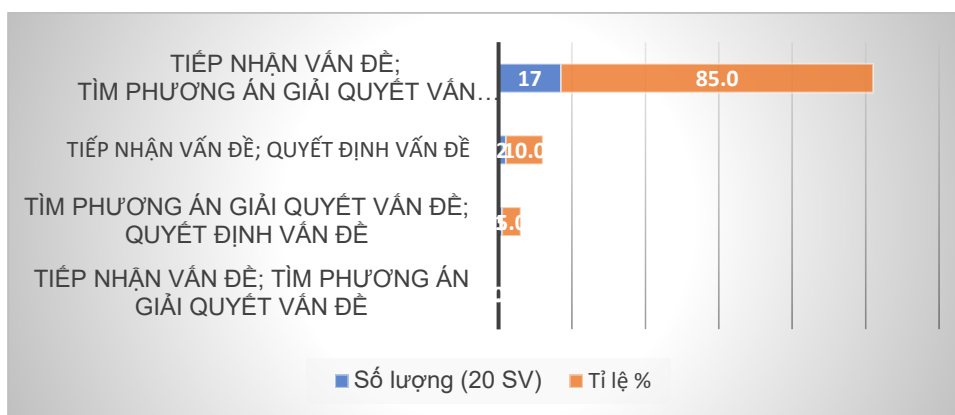
Bảng 2.2: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề	Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề
Số lượng (20 SV)	0	1	2	17
Tỉ lệ %	0.0	5.0	10.0	85.0

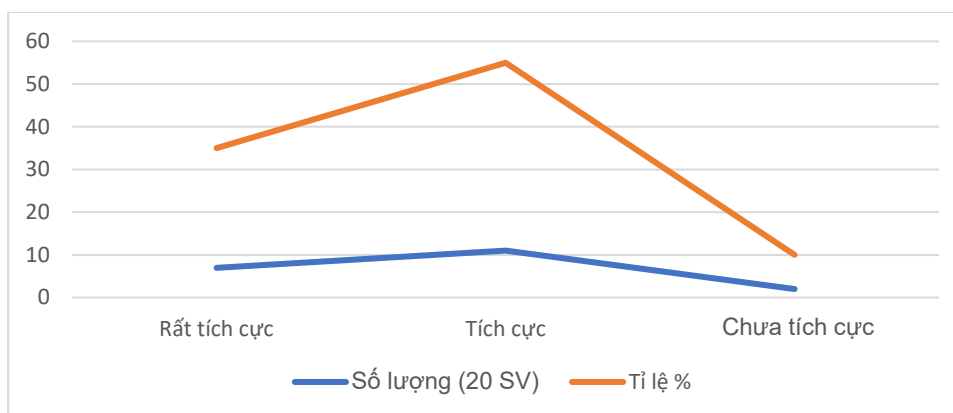
Bảng 2.3: Bảng thống kê nhận thức của sinh viên lớp TN₁ về các bước của dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.



Bảng 2.3: Sơ đồ đánh giá nhận thức của sinh viên lớp TN₁ về các bước của dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Chưa tích cực
Số lượng (20 SV)	7	11	2
Tỉ lệ %	35	55	10

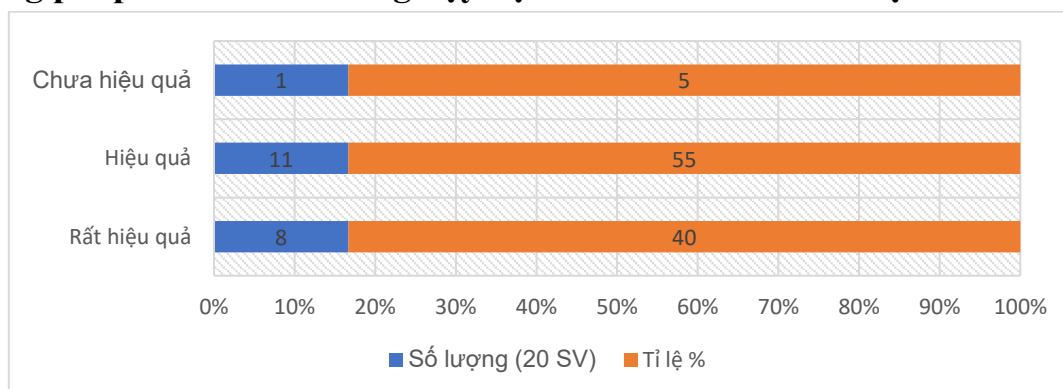
Bảng 2.4: Bảng thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN1 trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.



Bảng 2.4: Sơ đồ đánh giá mức độ tham gia của sinh viên lớp TN1 trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Chưa hiệu quả
Số lượng (20 SV)	8	11	1
Tỉ lệ %	40	55	5

Bảng 2.5: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN1 về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.



Bảng 2.5: Sơ đồ biểu thị đánh giá của sinh viên lớp TN1 về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Tóm lại, kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin cho thấy: Nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin rất cao 7/20 sinh viên, chiếm 35% sinh viên rất thích học môn học; 13/20 sinh viên, chiếm 65% sinh viên thích học môn học; không có sinh viên nào không thích học môn học. Tuy còn 3/20 sinh viên, chiếm 15% sinh viên chưa nhận thức đúng các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng môn học, nhưng có 17/20 sinh viên, chiếm 85% sinh viên nhận thức đúng các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng môn học. Kết quả thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN1 trong dạy học

môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề cho thấy: 7/20 sinh viên, chiếm 35% sinh viên rất tích cực tham gia các hoạt động học tập; 11/20 sinh viên, chiếm 55% sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học tập; chỉ còn 2/20 sinh viên, chiếm 10% sinh viên chưa tích cực tham gia các hoạt động học tập. Về đánh giá của sinh viên lớp TN1 về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học: Chỉ có 1/20, chiếm 5% sinh viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học chưa hiệu quả; Có 11/20, chiếm 55% sinh viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học hiệu quả; Có 8/20, chiếm 40% sinh viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học rất hiệu quả. Như vậy, theo đánh giá của sinh viên lớp TN₁, sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở nhà trường là có hiệu quả, tích cực.

2.2.2.3. Kết quả sau thực nghiệm lần 2

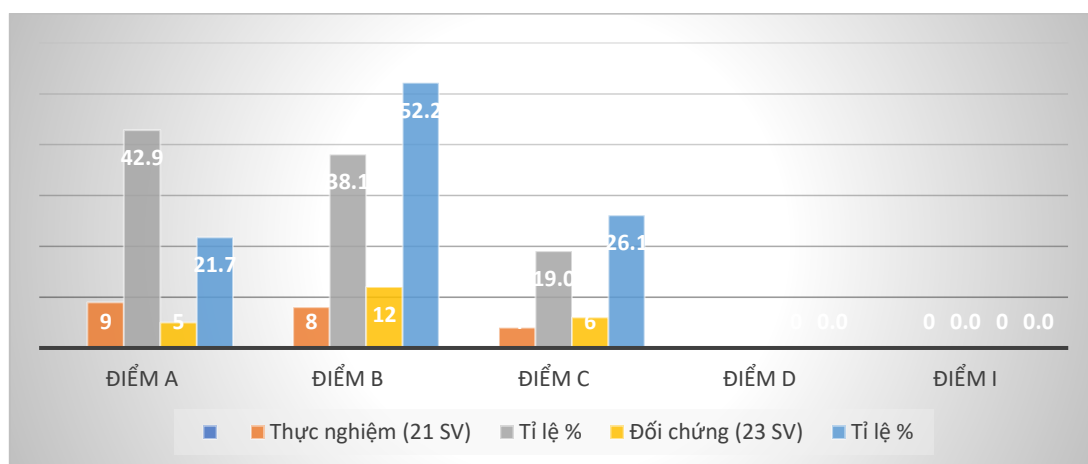
** Kết quả học tập của sinh viên thông qua điểm tổng kết đánh giá học phần lớp TN₂ và ĐC₂ sau thực nghiệm lần 2*

Chúng tôi chọn lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500207, có 21 sinh viên làm lớp TN₂ và lớp D15, mã số lớp độc lập 23010201061500208, có 23 sinh viên làm lớp ĐC₂. Trong quá trình dạy TN, tại lớp TN₂ đối với môn học, chúng tôi vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Tại lớp ĐC₂, chúng tôi không vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, việc dạy học diễn ra bình thường. Qua quá trình đó chúng tôi thu được kết quả điểm đánh giá học phần, ở lớp TN₂ và ĐC₂ như sau:

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm I
Thực nghiệm (21 SV)	9	8	4	0	0
Tỉ lệ %	42.9	38.1	19.0	0.0	0.0
Đối chứng (23 SV)	5	12	6	0	0
Tỉ lệ %	21.7	52.2	26.1	0.0	0.0

Bảng 2.6. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2



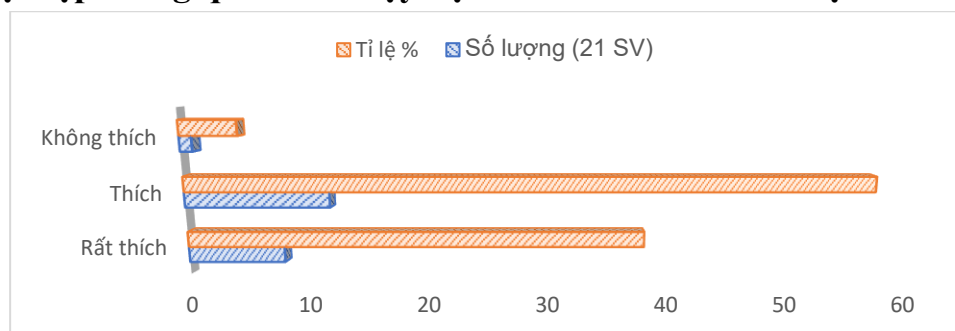
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2

Kết quả thực nghiệm cho thấy: Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm A là 9/21 SV, chiếm 42.9 %, ở lớp ĐC₂ có 5/23 SV, chiếm 21.7 % có điểm A; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm B là 8/21 SV, 38.1 %, ở lớp ĐC₂ có 12/23 SV, chiếm 52.2 % có điểm B; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm C là 4/21 SV, chiếm 19.0 %, ở lớp ĐC₂ có 6/23SV, chiếm 26.1 % có điểm C; Ở lớp TN₂ không có sinh viên nào có điểm D, I ở lớp ĐC₂ không có sinh viên nào có điểm D, I. Như vậy, sau thực nghiệm có sự khác biệt rõ nét về chất lượng học tập của sinh viên nhóm TN₂ so với sinh viên nhóm ĐC₂: Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm A hơn lớp ĐC₂ là 21.2%; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm C thấp hơn lớp ĐC₂ là 7.1%. Điều đó chứng tỏ hiệu quả học tập của sinh viên nhóm TN₂ cao hơn so với sinh viên nhóm ĐC₂. Điều này cho thấy hiệu quả của việc vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

*** Khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.**

Mức độ	Rất thích	Thích	Không thích
Số lượng (21 SV)	8	12	1
Tỉ lệ %	38.1	57.1	4.8

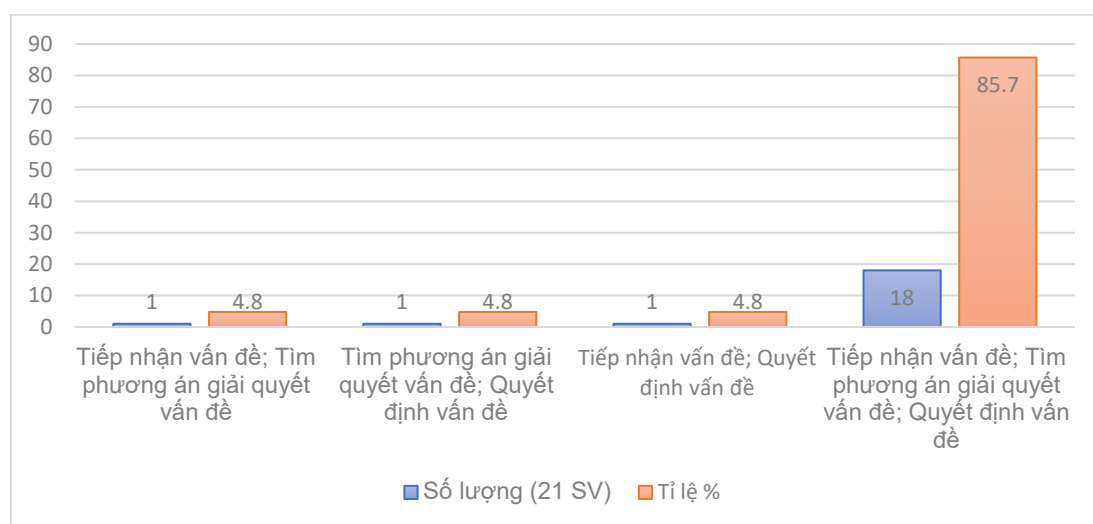
Bảng 2.7: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN1 về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề	Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề
Số lượng (21 SV)	1	1	1	18
Tỉ lệ %	4.8	4.8	4.8	85.7

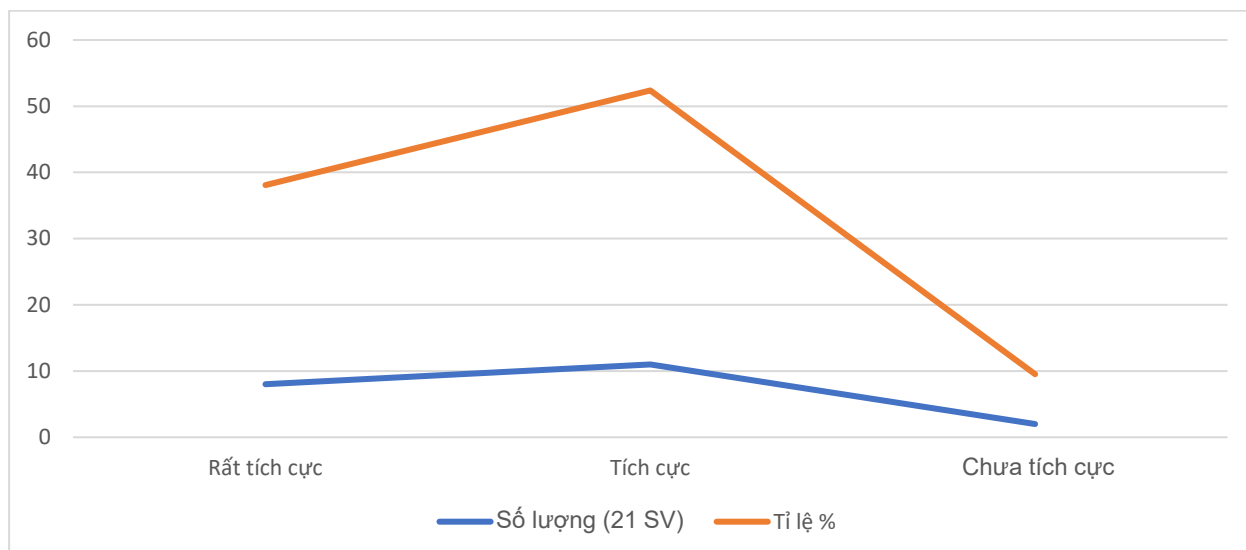
Bảng 2.8: Bảng thống kê nhận thức của sinh viên lớp TN₂ về các bước của trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.



Bảng 2.8: Sơ đồ đánh giá nhận thức của sinh viên lớp TN₂ về các bước của dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Chưa tích cực
Số lượng (21 SV)	8	11	2
Tỉ lệ %	38.1	52.4	9.5

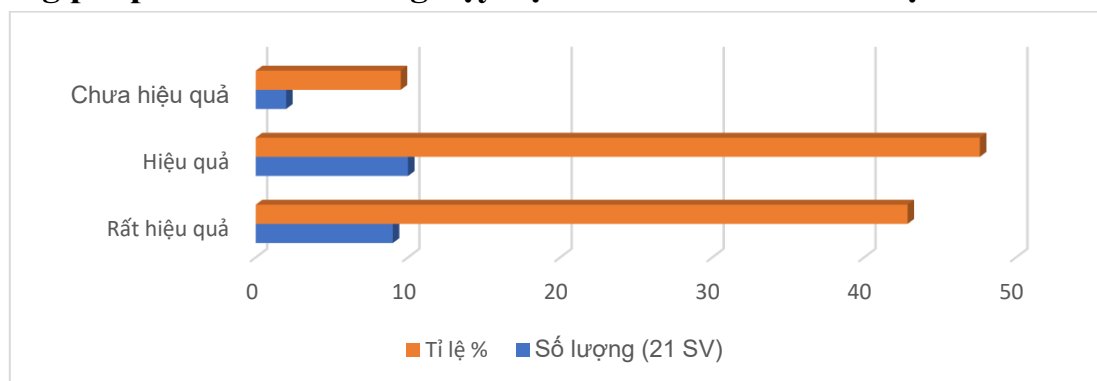
Bảng 2.9: Bảng thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN₂ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.



Bảng 2.9: Sơ đồ đánh giá mức độ tham gia của sinh viên lớp TN₂ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Chưa hiệu quả
Số lượng (21 SV)	9	10	2
Tỉ lệ %	42.9	47.6	9.5

Bảng 2.10: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.



Bảng 2.10: Sơ đồ biểu thị đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Mức độ	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
Số lượng (6 GV)	4	2	0
Tỉ lệ %	66.7	33.3	0

Tóm lại, kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin cho thấy: Nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin rất cao 8/21 sinh viên, chiếm 38.1% sinh viên rất thích học môn học; 12/21 sinh viên, chiếm

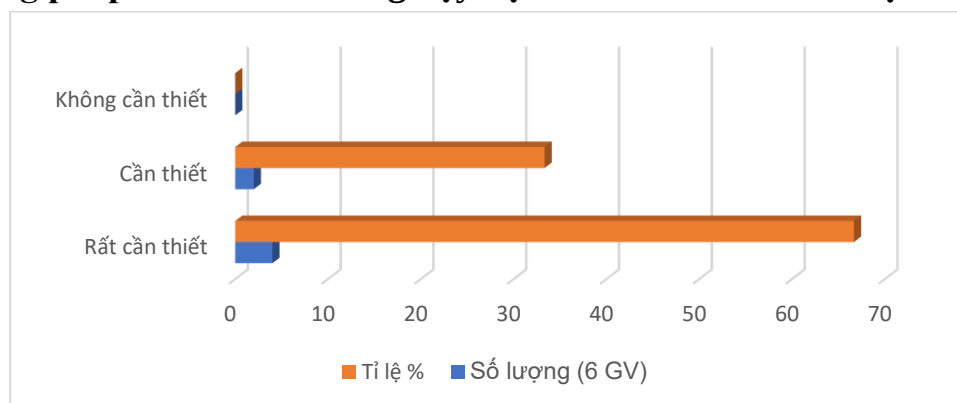
57.1% sinh viên thích học môn học; 1/21 sinh viên, chiếm 4.8 % sinh viên thích học môn học. Tuy còn 3/21 sinh viên, chiếm 14.4% sinh viên chưa nhận thức đúng các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng môn học, nhưng có 18/21 sinh viên, chiếm 85.7 % sinh viên nhận thức đúng các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng môn học. Kết quả thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN1 trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề cho thấy: 8/21 sinh viên, chiếm 38.1% sinh viên rất tích cực tham gia các hoạt động học tập; 11/21 sinh viên, chiếm 52.4% sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học tập; chỉ còn 2/21 sinh viên, chiếm 9.5% sinh viên chưa tích cực tham gia các hoạt động học tập. Về đánh giá của sinh viên lớp TN1 về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học: Chỉ có 1/21, chiếm 9.5% sinh viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học chưa hiệu quả; Có 10/21, chiếm 47.6 % sinh viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học hiệu quả; Có 9/21, chiếm 42.9 % sinh viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học rất hiệu quả. Như vậy, theo đánh giá của sinh viên lớp TN₂, sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở nhà trường là có hiệu quả, tích cực.

*** Khảo sát đánh giá của giảng viên về hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.**

Để đánh giá khách quan hơn về hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, bên cạnh khảo sát ý kiến của sinh viên, chúng tôi tiến hành khảo sát, tham khảo ý kiến của giảng viên. Kết quả thu được như sau:

Mức độ	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
Số lượng (6 GV)	4	2	0
Tỉ lệ %	66.7	33.3	0

Bảng 2.11: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.



Bảng 2.11: Sơ đồ biểu thị đánh giá của giảng viên về hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Kết quả thăm dò ý kiến của giảng viên về hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin cũng cho thấy: Có 4/6, chiếm 66.7 % giảng viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học rất hiệu quả. Có 2/6, chiếm 33.3 % giảng viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học hiệu quả. Không có giảng viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học không hiệu quả.

2.2.2.4. Kết luận chung về thực nghiệm

Từ kết quả thu được qua 2 lần thực nghiệm cho phép khẳng định tính hiệu quả của bài thực nghiệm sư phạm là ổn định. Sau khi có những tác động sư phạm, bước đầu đã mang lại hiệu quả của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Kết quả học tập của sinh viên lớp TN₁ và lớp TN₂ cao hơn rõ rệt so với sinh viên lớp ĐC₁ và ĐC₂. Khảo sát, đánh giá của sinh viên lớp TN₁ và lớp TN₂ về phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin cho thấy: Các em có nhu cầu, hứng thú học tập ngày càng cao; nhận thức của sinh viên về phương pháp nêu vấn đề trong dạy học phần lớn là đúng đắn; sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập; sinh viên đánh giá cao hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Điều đó khẳng định tính hiệu quả của việc vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

Qua hai lần tiến hành thực nghiệm các biện pháp đã đề xuất cho thấy: Khi vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, hiệu quả học tập của sinh viên được thay đổi và phát triển theo chiều hướng đi lên. Kết quả trên đây đã chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà đề tài đề ra. Việc vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư đã có hiệu quả bước đầu, góp phần nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên, kết quả dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin và hiệu quả đào tạo của nhà trường.

Kết luận chương 2

Chương 2, chúng tôi nghiên cứu: 2.1. Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. 2.2. Thực nghiệm vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Trong phần 2.1., nhóm tác giả đã tập trung làm rõ: 2.1.1. Quy trình vận dụng (Quy trình thiết kế bài giảng; Quy trình thực hiện trên lớp) và 2.1.2. Nội dung vận dụng: Thiết kế vận dụng vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học 03 chương, trong môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Qua tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm, nhóm tác giả thu được các kết quả căn bản như sau:

Một là, kết quả học tập của sinh viên lớp TN cao hơn kết quả học tập của sinh viên lớp ĐC. Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm A là 5/20 SV, chiếm 25.0 %, ở lớp ĐC₁ có 4/28 SV, chiếm 14.3 % có điểm A; Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm B là 12/20 SV, chiếm 60.0%, ở lớp ĐC₁ có 10/28 SV, chiếm 35.7 % có điểm B; Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm C là 3/20 SV, chiếm 15.0 %, ở lớp ĐC₁ có 11/28 SV, chiếm 39.3 % có điểm C; Ở lớp TN₁ không có sinh viên nào có điểm D ở lớp ĐC₁ không có sinh viên nào có điểm D; Ở lớp TN₁ không có sinh viên nào có điểm I; ở lớp ĐC₂ có 3/28 SV, chiếm 10.7 % sinh viên nào có điểm I. Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm A là 9/21 SV, chiếm 42.9 %, ở lớp ĐC₂ có 5/23 SV, chiếm 21.7 % có điểm A; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm B là 8/21 SV, 38.1 %, ở lớp ĐC₂ có 12/23 SV, chiếm 52.2 % có điểm B; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm C là 4/21 SV, chiếm 19.0 %, ở lớp ĐC₂ có 6/23SV, chiếm 26.1 % có điểm C; Ở lớp TN₂ không có sinh viên nào có điểm D, I ở lớp ĐC₂ không có sinh viên nào có điểm D, I.

Hai là, sau 2 lần TN, 2 lần lấy ý kiến thăm dò, phản hồi từ sinh viên về hiệu quả của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, cho kết quả khả quan.

Ba là, đánh giá của giảng viên về hiệu quả của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin: Theo đánh giá của giảng viên: Có 4/6, chiếm 66.7 % giảng viên đánh giá sự vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học rất hiệu quả. Có 2/6, chiếm 33.3 % giảng viên đánh giá vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học hiệu quả. Không có giảng viên đánh giá vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học không hiệu quả.

Kết quả đánh giá trên đây cho thấy hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

III. PHẦN KẾT LUẬN

Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng dạy và học, phát huy tính tích cực và phát triển các năng lực cho người học là một trong các mục tiêu then chốt của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay. Đảng ta đã chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”. Lựa chọn phương pháp dạy học tích cực, trong đó có phương pháp nêu vấn đề là giải pháp đang được quan tâm, nghiên cứu và vận dụng ở các trường đại học ở nước ta hiện nay. Đề tài tập trung, nghiên cứu việc vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

Để có cơ sở khoa học cho việc tìm ra các biện pháp, về mặt lý luận, đề tài đã nghiên cứu có hệ thống các vấn đề như: Một số vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư: Phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học nêu vấn đề – một trong những phương pháp quan trọng của dạy học tích cực; Khái quát về học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin: Khái quát về dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đó, nhóm tác giả của đề tài đề xuất vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

Để thẩm định tính đúng đắn và giá trị khoa học của vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, tác giả đã tiến hành thực nghiệm khoa học sư phạm: Xây dựng chương trình, kế hoạch thực nghiệm, thiết kế thực nghiệm; dạy bài thực nghiệm tại lớp thực nghiệm, đồng thời dạy lớp đối chứng cùng bài với lớp thực nghiệm nhưng không có vận dụng các biện pháp nêu trên. Sau khi tiến hành thực nghiệm, kết quả cho thấy: SV lớp thực nghiệm có ý thức, thái độ, kỷ luật học tập; hành động trí tuệ và nghị lực trong học tập, kết quả học tập cao hơn so với lớp đối chứng. Điều này đồng nghĩa với hiệu quả vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư được nâng cao. Tức là, các biện pháp vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường

Đại học Hoa Lư tính khả thi, phù hợp và sát với thực tiễn môi trường đào tạo của nhà trường.

Kết quả thực nghiệm đã chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà đề tài đặt ra, khẳng định qui trình và biện pháp sư phạm vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư có tính khả thi, có thể áp dụng rộng rãi cho việc dạy học bộ môn hiện nay. Kết quả thực nghiệm sư phạm về mặt định tính và định lượng đã chứng minh tính hiệu quả, tính bền vững của các biện pháp vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư đã được đề xuất trong đề tài.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

01 bài báo: “Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư”, đăng trên Tạp chí Giáo dục xã hội, Số đặc biệt 11/2023.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Bí thư Đề án tiếp tục đổi mới giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, (Ban Bí thư kết luận sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo tại Tờ trình số 148-TTr/BTGTW, ngày 07-10-2013)
- [2] Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị về “Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.
- [3] Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 9/2/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.
- [4] Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.181.
- [5] Chương trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành Quyết định số 4890/2019/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021) *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] M.C.Chéc-Nen-Cô, IU.I.Pan-Kin (1981), *Tổ chức quá trình học tập KTCT*, người dịch Hồ Chiêu, Nxb SGK Mác - Lênin.
- [8] Nguyễn Việt Dũng, Vũ Hồng Tiến, Nguyễn Văn Phúc (1999), *PPGD KTCT ở các trường ĐH và CĐ* (Tập 1), Nxb Giáo dục.
- [9] Trần Thị Mai Phương (2009), *Dạy học KTCT theo phương pháp tích cực*, Nxb ĐHSP.
- [10] ĐHQG TP. Hồ Chí Minh (2006), *Tóm tắt lý thuyết và bài tập thực hành KTCT Mác - Lênin: Phần TBCN*, Nxb ĐHQG.
- [11] Bộ GD và ĐT (2015), *Dạy học tích hợp ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (Tài liệu tập huấn)*, Nxb ĐHSP.
- [12] Nguyễn Duy Bắc (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn dạy và học môn học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường Đại học*, Nxb CTQG.
- [13] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014), *LLDH hiện đại*, Nxb ĐHSP.
- [14] Vũ Đình Bảy (2017), *Dạy học đạo đức trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục.
- [15] M.C.Chéc-Nen-Cô, IU.I.Pan-Kin (1981), *Tổ chức quá trình học tập KTCT*, người dịch Hồ Chiêu, Nxb SGK Mác - Lênin.
- [16] Nguyễn Văn Chũ (2001), *LLDH đại học*, Nxb Giáo dục.
- [17] Nguyễn Hữu Châu (2004), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, Nxb Giáo dục.
- [18] Nguyễn Văn Cư (2007), *Phương pháp dạy - học CNXH khoa học*, Nxb

ĐHSP.

[19] Trần Việt Cường (2012), *Tổ chức dạy học theo dự án học phần PPDH môn toán góp phần rèn luyện năng lực sư phạm cho SV khoa toán*, Viện Khoa học giáo dục, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục.

[20] Nguyễn Việt Dũng, Vũ Hồng Tiến, Nguyễn Văn Phúc (1999), *PPGD KTCT ở các trường ĐH và CĐ* (Tập 1), Nxb Giáo dục.

[21] Denome Jean and Madeleine (2000), *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*, Nxb Thanh niên.

[22] Dự án Việt - Bỉ (2001), *Những thủ thuật trong dạy học (Bản dịch)*, Hà Nội.

[23] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021.

[24] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021.

Phụ lục 01:**MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA****MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 01:**

**Ý KIẾN GIẢNG VIÊN VỀ THỰC TRẠNG NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY
HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

Xin Thầy/ Cô vui lòng cho biết:

1. Nhận thức của Thầy/ Cô về tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Mức độ	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
Số lượng (6 GV)			
Tỉ lệ %			

2. Mức độ Thầy/ Cô thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng			
Tỉ lệ %			

3. Mức độ Thầy/ Cô vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng			
Tỉ lệ %			

4. Mức độ Thầy/ Cô kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với PPDH thuyết trình, các phương pháp khác trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Mức độ	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH thuyết trình	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH thảo luận nhóm	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH dạy học theo Dự án...
Số lượng			
Tỉ lệ %			

5. Mức độ Thầy/ Cô cho biết: Hình thức dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Các hình thức	Số lượng	Tỉ lệ %
---------------	----------	---------

Trình bày nêu vấn đề		
Đặt câu hỏi nêu vấn đề		
Nêu vấn đề một phần		
Nêu vấn đề toàn phần		
Nêu vấn đề có tính giả thuyết		
Nêu vấn đề mang tính chất so sánh, tổng hợp...		

Xin Thầy/ Cô vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 02:
Ý KIẾN SINH VIÊN VỀ THỰC TRẠNG NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY
HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Xin các bạn sinh viên vui lòng cho biết:

Câu 1: Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin:

Mức độ	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
Số lượng				
Tỉ lệ %				

Câu 2: Mức độ, tần suất giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng			
Tỉ lệ %			

Câu 3: Thái độ học tập của sinh viên với môn học cũng như các phương pháp dạy học mà giảng viên đã áp dụng để dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Mức độ	Rất hấp dẫn	Hấp dẫn	Không hấp dẫn
Số lượng (160 SV)			
Tỉ lệ %			

Xin các bạn vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 03:
Ý KIẾN SINH VIÊN SAU THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP
NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC -
LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
(Đối với sinh viên Lớp TN₁)

Xin các bạn (Anh/ Chị) vui lòng cho biết:

Câu 1: Đánh giá Anh/ Chị sinh viên lớp TN₁ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Mức độ	Rất thích	Thích	Không thích
Số lượng			
Tỉ lệ %			

Câu 2: Nhận thức của Anh/ Chị sinh viên lớp TN₁ về các bước dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề

Các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề	Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề
Số lượng				
Tỉ lệ %				

Câu 3: Mức độ tham gia của sinh viên lớp TN₁ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Chưa tích cực
Số lượng			
Tỉ lệ %			

Câu 4: Đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về hiệu quả phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Chưa hiệu quả
Số lượng			
Tỉ lệ %			

Xin các bạn vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 04:

**Ý KIẾN SINH VIÊN SAU THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP
NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC -
LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**
(Đối với sinh viên Lớp TN₂)

Câu 1: Đánh giá Anh/ Chị sinh viên lớp TN₂ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Mức độ	Rất thích	Thích	Không thích
Số lượng			
Tỉ lệ %			

Câu 2: Nhận thức của Anh/ Chị sinh viên lớp TN₂ về các bước dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề

Các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề	Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề
Số lượng				
Tỉ lệ %				

Câu 3: Mức độ tham gia của sinh viên lớp TN₂ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Chưa tích cực
Số lượng			
Tỉ lệ %			

Câu 4: Đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về hiệu quả phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Chưa hiệu quả
Số lượng			
Tỉ lệ %			

Xin các bạn vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 02:**BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA Ý KIẾN GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN VỀ THỰC TRẠNG NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ****1.2.2. Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư**

- Nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Bảng 1.1

Mức độ	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
Số lượng (6 GV)	3	2	1
Tỉ lệ %	50.0	33.3	16.7

- Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của phương pháp dạy học nêu vấn đề học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin: Bảng 1.2

Mức độ	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
Số lượng (160 SV)	32	53	57	18
Tỉ lệ %	20.0	31.3	29.4	19.4

2.2.2.2. *Thực trạng về tổ chức dạy học có sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư hiện nay*

- Mức độ thiết kế vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Bảng 1.3:

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng	2	3	1
Tỉ lệ %	33.3	33.3	33.3

- Mức độ vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Bảng 1.4:

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng	4	2	0
Tỉ lệ %	66.7	33.3	0.0

- Mức độ kết hợp phương pháp dạy học nêu vấn đề với PPDH thuyết trình, các phương pháp khác trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. (Bảng 1.5)

Mức độ	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH thuyết trình	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH thảo luận nhóm	Kết hợp PPDH giải quyết vấn đề với PPDH dạy học theo Dự án...
Số lượng	4	2	0
Tỉ lệ %	66.7	33.3	0.0

- Hình thức dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng trong thực tiễn dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Bảng 1.6:

Các hình thức	Số lượng	Tỉ lệ %
Trình bày nêu vấn đề	5	83.3
Đặt câu hỏi nêu vấn đề	3	50.0
Nêu vấn đề một phần	2	33.3
Nêu vấn đề toàn phần	0	0.0
Nêu vấn đề có tính giả thuyết	0	0.0
Nêu vấn đề mang tính chất so sánh, tổng hợp...	1	16.7

- Mức độ, tần suất giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Bảng 1.7:

Mức độ	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Số lượng	35	74	51
Tỉ lệ %	21.9	46.3	31.9

- Thái độ học tập của sinh viên với môn học cũng như các phương pháp dạy học mà giảng viên đã áp dụng để dạy học học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Bảng 1.8:

Mức độ	Rất hấp dẫn	Hấp dẫn	Không hấp dẫn
Số lượng (160 SV)	26	61	73
Tỉ lệ %	16.3	38.1	45.6

Phụ lục 03:

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA Ý KIẾN GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN SAU THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

** Kết quả học tập của sinh viên thông qua điểm tổng kết đánh giá học phần lớp TN₁ và ĐC₁ sau thực nghiệm lần 1*

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm I
Thực nghiệm (20 SV)	5	12	3	0	0
Tỉ lệ %	25.0	60.0	15.0	0.0	0.0
Đối chứng (28 SV)	4	10	11	0	3
Tỉ lệ %	14.3	35.7	39.3	0.0	10.7

Bảng 2.1. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN₁ và ĐC₁ sau thực nghiệm lần 1

** Khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.*

Mức độ	Rất thích	Thích	Không thích
Số lượng (20 SV)	7	13	0
Tỉ lệ %	35	65	0

Bảng 2.2: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề	Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề
Số lượng (20 SV)	0	1	2	17
Tỉ lệ %	0.0	5.0	10.0	85.0

Bảng 2.3: Bảng thống kê nhận thức của sinh viên lớp TN₁ về các bước dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Chưa tích cực
--------	--------------	----------	---------------

Số lượng (20 SV)	7	11	2
Tỉ lệ %	35	55	10

Bảng 2.4: Bảng thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN₁ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Chưa hiệu quả
Số lượng (20 SV)	8	11	1
Tỉ lệ %	40	55	5

Bảng 2.5: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về hiệu quả phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

2.2.2.3. Kết quả sau thực nghiệm lần 2

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm I
Thực nghiệm (21 SV)	9	8	4	0	0
Tỉ lệ %	42.9	38.1	19.0	0.0	0.0
Đối chứng (23 SV)	5	12	6	0	0
Tỉ lệ %	21.7	52.2	26.1	0.0	0.0

Bảng 2.6. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN₂ và ĐC₂ sau thực nghiệm lần 2

** Khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.*

Mức độ	Rất thích	Thích	Không thích
Số lượng (21 SV)	8	12	1
Tỉ lệ %	38.1	57.1	4.8

Bảng 2.7: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về nhu cầu, hứng thú học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Các bước của dạy học nêu vấn đề được giảng viên sử dụng	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề	Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Quyết định vấn đề	Tiếp nhận vấn đề; Tìm phương án giải quyết vấn đề; Quyết định vấn đề
Số lượng (21 SV)	1	1	1	18
Tỉ lệ %	4.8	4.8	4.8	85.7

Bảng 2.8: Bảng thống kê nhận thức của sinh viên lớp TN₂ về các bước của trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Chưa tích cực
Số lượng (21 SV)	8	11	2
Tỉ lệ %	38.1	52.4	9.5

Bảng 2.9: Bảng thống kê mức độ tham gia của sinh viên lớp TN₂ trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bằng phương pháp nêu vấn đề.

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Chưa hiệu quả
Số lượng (21 SV)	9	10	2
Tỉ lệ %	42.9	47.6	9.5

Bảng 2.10: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về hiệu quả phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

**Phụ lục 04: DANH SÁCH BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN
CÁC LỚP THỰC NGHIỆM VÀ ĐỐI CHỨNG MÔN PHẦN KINH TẾ CHÍNH
TRỊ MÁC – LÊNIN**